

**VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

PHAN VẠN QUỐC

**THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỔ TRONG GIAI ĐOẠN
ĐIỀU TRA CÁC VỤ ÁN XÂM PHẠM SỞ HỮU
TỪ THỰC TIỄN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**Chuyên ngành : Luật Hình sự và Tố tụng hình sự
Mã số : 62.38.01.04**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:
PGS. TS. HOÀNG THỊ MINH SƠN**

HÀ NỘI, năm 2016

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam kết luận văn này là công trình nghiên cứu khoa học độc lập của tôi. Các tài liệu, tư liệu được sử dụng trong luận văn có nguồn dẫn rõ ràng, các kết quả nghiên cứu là quá trình lao động trung thực của tôi.

Tác giả luận văn

Phan Văn Quốc

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU.....	1
CHƯƠNG 1. LÝ LUẬN VỀ THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỔ TRONG GIAI ĐOẠN ĐIỀU TRA CÁC VỤ ÁN XÂM PHẠM SỞ HỮU	9
1.1. Khái niệm thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm sở hữu	9
1.2. Đối tượng và phạm vi thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm sở hữu.....	14
1.3. Đặc điểm và nội dung thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm sở hữu.....	16
CHƯƠNG 2. QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VÀ THỰC TRẠNG THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỔ TRONG GIAI ĐOẠN ĐIỀU TRA CÁC VỤ ÁN XÂM PHẠM SỞ HỮU TỪ THỰC TIỄN TỈNH BÌNH ĐỊNH.....	20
2.1. Quy định pháp luật thực định về thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự	20
2.2. Thực trạng công tác thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm sở hữu từ thực tiễn tỉnh Bình Định	36
CHƯƠNG 3. YÊU CẦU VÀ GIẢI PHÁP ĐẢM BẢO THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỔ ĐÚNG TRONG GIAI ĐOẠN ĐIỀU TRA CÁC VỤ XÂM PHẠM SỞ HỮU.....	57
3.1. Yêu cầu đối với hoạt động thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm sở hữu	57
3.2. Giải pháp bảo đảm thực hành quyền công tố đúng trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự.....	60
KẾT LUẬN	77
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	
PHỤ LỤC	

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BLHS	Bộ luật hình sự
BLTTHS	Bộ luật TTHS
KSND	Kiểm sát nhân dân
TTHS	TTHS
VKSND	Viện kiểm sát nhân dân
VKSNDTC	Viện kiểm sát nhân dân tối cao

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Trong những năm gần đây, vấn đề cải cách tư pháp luôn được Đảng và Nhà nước ta đặc biệt quan tâm, đẩy mạnh. Theo đó, thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự được xác định là nhiệm vụ trọng tâm của ngành KSND. Nghị quyết số 08 - NQ/TW ngày 02 tháng 01 năm 2002 của Bộ chính trị nhấn mạnh: “Viện kiểm sát các cấp thực hiện tốt chức năng công tố và kiểm sát việc tuân theo quy định của pháp luật trong hoạt động tư pháp. Hoạt động công tố phải thực hiện ngay từ khi khởi tố vụ án và trong suốt quá trình tố tụng, nhằm bảo đảm không bỏ lọt tội phạm và người phạm tội, không làm oan người vô tội...”. Tiếp đó, Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 02 tháng 6 năm 2005 của Bộ chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 chỉ rõ: “Tăng cường công tố trong hoạt động điều tra”. Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI của Đảng tiếp tục nhấn mạnh Viện kiểm sát phải “Tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra, gắn công tố với hoạt động điều tra” nhằm nâng cao vị trí, vai trò của Viện kiểm sát trong đấu tranh phòng, chống tội phạm, bảo vệ quyền tự do dân chủ của công dân.

Để đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm trong tình hình mới, thực hiện hiệu quả các chủ trương của Đảng, Nghị quyết của Quốc hội[33]; Viện trưởng VKSND đã ban hành Chỉ thị số 06/CT-VKSTC ngày 06 tháng 12 năm 2013 về tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra, gắn công tố với hoạt động điều tra đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm; bảo đảm việc truy cứu trách nhiệm hình sự đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, hạn chế đến mức thấp nhất việc bỏ lọt tội phạm, kiên quyết không để xảy ra oan, sai.

Theo Hiến pháp năm 2013, chức năng thực hành quyền công tố tiếp tục được đặt lên trước chức năng kiểm sát hoạt động tư pháp, điều này thể hiện sự nhận thức của những nhà lập Hiến về vai trò, tầm quan trọng của chức năng thực hành quyền công tố trong hệ thống chức năng, nhiệm vụ của ngành Kiểm sát đã được Đảng, Nhà nước giao. Tiếp đến, trong năm 2014 và năm 2015 lần lượt Luật tổ chức VKSND và BLTTHS sự mới ra đời. Hai văn bản pháp lý này đã từng bước thể chế hóa chủ trương,

đường lối của Đảng bằng việc quy định rõ và tăng thêm nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát trong hoạt động thực hành quyền công tố nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thực hành quyền công tố nói chung và công tác thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra nói riêng.

Trên cơ sở đó, trong thời gian gần đây, toàn ngành KSND đã thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các chủ trương của Đảng về cải cách tư pháp, các quy định của pháp luật liên quan đến việc thực hiện chức năng thực hành quyền công tố. Bước đầu, chất lượng của công tác thực hành quyền công tố nói chung và thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra nói riêng từng bước được nâng lên, đảm bảo thực hiện có hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm; đảm bảo việc truy cứu trách nhiệm hình sự đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, hạn chế đến mức thấp nhất việc bỏ lọt tội phạm, kiên quyết không để xảy ra oan, sai[48].

Tuy nhiên, vì nhiều lý do khác nhau cả khách quan lẫn chủ quan, chất lượng hoạt động thực hành quyền công tố chưa ngang tầm với nhu cầu và đòi hỏi của nhân dân; còn nhiều trường hợp bỏ lọt tội phạm, làm oan người vô tội[2]. Thực tiễn công tác thực hành quyền công tố vẫn còn bộc lộ nhiều hạn chế, bất cập ở tất cả các giai đoạn tố tụng, trong đó có hoạt động thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra - hoạt động có ý nghĩa quan trọng trong việc đảm bảo mọi hành vi phạm tội đều được khởi tố, điều tra, xử lý kịp thời và đúng pháp luật; theo đó, làm tốt công tác này sẽ đảm bảo không để xảy ra oan, sai, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của nhân dân trong quá trình giải quyết vụ án.

Mặt khác, là một cán bộ đang công tác trong ngành KSND tại địa bàn tỉnh Bình Định, tác giả nhận thấy trong những năm gần đây, tình hình tội phạm xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh tăng nhanh về số lượng, diễn biến rất phức tạp, thủ đoạn phạm tội ngày càng đa dạng, tinh vi và xảo quyệt, nhiều vụ án xâm phạm sở hữu có quy mô lớn với giá trị tài sản bị chiếm đoạt ngày càng cao, có vụ lên đến hàng nghìn tỷ đồng, gây thiệt hại lớn cho xã hội. Liên quan đến việc xử lý nhóm tội này, việc các cơ quan tố tụng còn lúng túng trong quá trình áp dụng pháp luật phần nào đã ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả, chất lượng công tác thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra. Do đó, với tư cách là một cán bộ trong ngành KSND đang công tác tại tỉnh Bình

Định, bản thân tác giả mong muốn nghiên cứu cả lý luận về quyền công tố, thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra các tội xâm phạm sở hữu cũng như thực trạng công tác thực hành quyền công tố từ thực tiễn tỉnh nhà để qua đó có sự thấu đáo hơn về lý luận thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra, pháp luật thực định về thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra, đồng thời, lấy thực tiễn công tác thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm sở hữu từ thực tiễn tỉnh Bình Định làm cơ sở phân tích, đánh giá thực trạng, để từ đó đề xuất những giải pháp, kiến nghị phù hợp nhằm nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra các tội xâm phạm sở hữu đối với tỉnh Bình Định nói riêng và cả nước nói chung. Với mong muốn đó cùng những vấn đề đặt ra đối với chức năng thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra, trên cơ sở tiếp thu những kết quả nghiên cứu của các tác giả đi trước, cùng sự tự tìm tòi, nghiên cứu, kết hợp với kinh nghiệm thực tiễn của bản thân trong quá trình công tác trong ngành KSND, tác giả mạnh dạn lựa chọn đề tài: “Thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm sở hữu từ thực tiễn tỉnh Bình Định”.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Trong thời gian qua, liên quan đến việc nghiên cứu vấn đề thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra được nhiều nhà khoa học pháp lý cũng như những người làm công tác thực tiễn quan tâm, nghiên cứu hoặc đề cập với những phương diện, phạm vi và cách tiếp cận khác nhau và được thể hiện dưới các công trình sau:

Sách chuyên khảo “*Thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra*” do tác giả Lê Hữu Thê (chủ biên) xuất bản năm 2005. Đây là cuốn sách chuyên khảo nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn về quyền công tố cũng như thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự với những cơ sở lý luận về vấn đề này, đồng thời, phân biệt giữa hai chức năng của ngành KSND. Tuy nhiên, với phạm vi nghiên cứu bao gồm cả hai chức năng của ngành kiểm sát, do đó, chức năng thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra được đề cập một cách khá khái lược về mặt lý luận chung trên cơ sở cân đối với việc nghiên cứu chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật. Ngoài ra, cuốn sách đã đi đến so sánh chức năng công tố theo pháp luật của một số nước Châu Âu lục địa dưới

góc độ mô hình và thủ tục tố tụng.

Sách chuyên khảo “*Cơ sở lý luận, thực trạng của điều tra, truy tố các tội về ma túy*” của tác giả Nguyễn Thị Mai Nga, xuất bản năm 2012. Cuốn sách này chủ yếu rút ra kinh nghiệm từ thực tiễn công tác thực hành quyền công tố đối với các tội về ma túy với những đặc trưng nhất định của nhóm tội cả trong hai giai đoạn tố tụng là điều tra và truy tố. Do đó, kết quả nghiên cứu chưa nêu ra và phản ánh cơ sở lý luận cũng như thực trạng công tác thực hành quyền công tố đối với các nhóm tội phạm khác, cũng vì thế mà các giải pháp đưa ra trong nghiên cứu này chỉ gắn với đặc điểm của nhóm tội được đề cập.

Sách chuyên khảo “*Những vấn đề lý luận và thực tiễn cấp bách của việc đổi mới thủ tục TTHS đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp*” do các tác giả Lê Hữu Thê, Đỗ Văn Dương và Nguyễn Thị Thủy đồng chủ biên. Cuốn sách đưa ra những vấn đề lý luận và thực tiễn trong yêu cầu đổi mới thủ tục TTHS, trong đó, có đề cập những yêu cầu đòi hỏi và giải pháp để nâng cao chất lượng trong thủ tục TTHS nói chung và hoạt động thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra nói riêng.

Sách chuyên khảo “*Một số vấn đề về tăng cường công tố trong hoạt động điều tra, gắn công tố với hoạt động điều tra theo yêu cầu cải cách tư pháp*” do tác giả Nguyễn Hải Phong chủ biên, xuất bản năm 2013. Cuốn sách này, đề cập đến nội dung yêu cầu tăng cường công tố trong hoạt động điều tra, gắn công tố với hoạt động điều tra theo yêu cầu của công cuộc cải cách tư pháp mà Đảng và Nhà nước ta đã đề ra. Cuốn sách này, góp phần giúp người đọc nắm và hiểu rõ hơn về trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra theo yêu cầu cải cách tư pháp cùng với một hệ thống các giải pháp tổng thể.

Luận án tiến sỹ luật học năm 2006: “*Thực hành quyền công tố*” của tác giả Lê Thị Tuyết Hoa. Đây là công trình nghiên cứu mang tính chất lý luận về quyền công tố từ lịch sử phát triển đến thực trạng quyền công tố của Việt Nam qua các thời kỳ. Cũng như những công trình nghiên cứu nêu trên, nghiên cứu này chỉ tập trung nghiên cứu cơ sở lý luận về quyền công tố cùng với việc đề cập lịch sử hình thành quyền công tố theo pháp luật Việt Nam mà chưa đề cập nhiều đến thực trạng thực hành quyền công tố đối với nhóm tội cụ thể trên địa bàn nhất định.

Luận Văn thạc sỹ luật học năm 2014 “*Thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự*” của tác giả Ma Quang Lâm. Đây là nghiên cứu khoa học về vấn đề lý luận lẫn thực tiễn về công tác thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự. Tuy nhiên, Luận văn này chỉ đề cập cơ sở lý luận chung về thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra nói chung (không đề cập đến loại tội phạm cụ thể); hơn nữa, đề tài này, nghiên cứu thực trạng công tác trên phạm vi cả nước và thời gian từ năm 2007 đến 2013.

Ngoài ra, liên quan đến đề tài còn nhiều luận văn thạc sỹ, luận văn cử nhân về đề tài này đã được bảo vệ, nhiều bài viết, bài nghiên cứu của các tác giả và các nhà nghiên cứu được đăng trên các tạp chí khoa học pháp lý bàn về, hay liên quan đến công tác thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự. Nhiều sách, giáo trình của các trường đào tạo Cử nhân luật, các học Viện đào tạo sau đại học cũng đề cập đến vấn đề này, tuy nhiên, phần lớn đều nghiên cứu về mặt lý luận của chức năng thực hành quyền công tố, trong đó có tác giả đi sâu phân tích, làm rõ, có tác giả chỉ trình bày chức năng thực hành quyền công tố trên cơ sở đối chiếu so sánh với các chế định, các vấn đề tố tụng khác có liên quan của pháp luật thực định mà chưa có công trình nào nghiên cứu trực diện về “*Thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm sở hữu từ thực tiễn tỉnh Bình Định*” để từ đó đưa ra những giải pháp tăng cường và bảo đảm thực hiện tốt hơn quy định của pháp luật về thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Bình Định.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích của Luận văn là từ việc nghiên cứu những vấn đề lý luận và quy định của pháp luật Việt Nam về thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm sở hữu từ thực tiễn tỉnh Bình Định; đánh giá những kết quả đạt được trong công tác thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra đối với các tội xâm phạm sở hữu từ thực tiễn tỉnh Bình Định, Luận văn hướng đến đề xuất một số giải pháp nhằm tăng cường và bảo đảm thực hiện quy định của pháp luật về thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra các vụ án hình đối với các tội xâm phạm sở hữu, góp phần đảm bảo hơn nữa chất lượng công tác thực hành quyền công tố, đáp ứng yêu cầu cải

cách tư pháp hiện nay.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích đề ra, Luận văn đề cập và tập trung nghiên cứu những vấn đề sau:

- Nghiên cứu về mặt cơ sở lý luận công tác thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm sở hữu;
- Nghiên cứu làm rõ tình hình các tội phạm xâm phạm sở hữu, các yếu tố ảnh hưởng đến công tác thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra từ thực tiễn tỉnh Bình Định;
- Nghiên cứu, đánh giá thực trạng công tác thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra, kết quả đã đạt được, những tồn tại, hạn chế của công tác này cũng như nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế đó;
- Đề xuất những giải pháp, kiến nghị nhằm đảm bảo thực hành quyền công tố đúng trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm sở hữu.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu: Luận văn nghiên cứu cơ sở lý luận, quy định của BLTTHS năm 2003 và thực trạng về công tác thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh bình Định.

Tuy nhiên, do BLTTHS năm 2015 đã được ban hành, nhưng theo Nghị quyết 144/2015/QH13 về việc lùi hiệu lực thi hành của...BLTTHS số 101/2015/QH13... từ ngày 01 tháng 7 năm 2016 đến ngày Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 có hiệu lực thi hành..., nên khi phân tích quy định thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án xâm phạm sở hữu tác giả còn đối chiếu với BLTTHS năm 2015 và chỉ ra những điểm đã được khắc phục.

4.2. Phạm vi nghiên cứu: Luận văn nghiên cứu về lý luận, quy định pháp luật hình sự và tố tụng hình sự; thực tiễn công tác trong thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự đối với các tội xâm phạm sở hữu từ thực tiễn tỉnh Bình Định trong phạm vi nghiên cứu 5 năm (từ 01 tháng 12 năm 2011 đến ngày 30 tháng 11 năm 2015).

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận: Luận văn được thực hiện trên cơ sở vận dụng lý luận của Chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước và pháp luật, tư tưởng, quan điểm của Đảng về cải cách tư pháp, về nâng cao chất lượng công tố trong giai đoạn điều tra và đấu tranh phòng, chống tội phạm trong giai đoạn hiện nay.

5.2. Phương pháp nghiên cứu: Trên cơ sở chủ nghĩa duy vật biện chứng, tác giả vận dụng một số phương pháp nghiên cứu như: Thống kê và phân tích số liệu, so sánh, tổng kết thực tiễn... để làm rõ những yêu cầu, nhiệm vụ của Luận văn.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

6.1. Ý nghĩa lý luận: Luận văn góp phần làm sáng tỏ về mặt lý luận công tác thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm sở hữu như khái niệm về quyền công tố, thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm sở hữu. Đồng thời, trên cơ sở nghiên cứu, phân tích, đánh giá thực trạng công tác thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra đối với các tội xâm phạm sở hữu, tác giả đặt ra một số yêu cầu cũng như giải pháp, kiến nghị nhằm hoàn thiện quy định của pháp luật liên quan đến công tác thực hành quyền công tố; góp phần nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra theo yêu cầu cải cách tư pháp.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn: Với những yêu cầu, giải pháp, kiến nghị được đề xuất, Luận văn cũng có thể dùng để xem xét nghiên cứu trong việc triển khai, hướng dẫn áp dụng pháp luật, tiếp tục hoàn thiện quy định của pháp luật liên quan đến công tác thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự. Các kiến nghị, đề xuất của Luận văn có thể là tài liệu tham khảo để ngành KSND tỉnh Bình Định đưa ra những giải pháp cụ thể nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự đối với nhóm tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn. Bên cạnh đó, Luận văn có thể được dùng là tài liệu chuyên khảo trong các trường đào tạo Luật, có thể là tài liệu tập huấn, bồi dưỡng chuyên đề cho cán bộ công chức ngành KSND.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận...và Danh mục tài liệu tham khảo, Luận văn gồm

3 Chương với cấu trúc như sau:

Chương 1: Lý luận về thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm sở hữu;

Chương 2: Quy định pháp luật và thực trạng thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm sở hữu từ thực tiễn tỉnh Bình Định;

Chương 3: Yêu cầu và giải pháp đảm bảo thực hành quyền công tố đúng trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm sở hữu.

CHƯƠNG 1

LÝ LUẬN VỀ THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỔ TRONG GIAI ĐOẠN ĐIỀU TRA CÁC VỤ ÁN XÂM PHẠM SỞ HỮU

1.1. Khái niệm thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm sở hữu

Quyền công tố cũng như thực hành quyền công tố là một vấn đề rất rộng và đã được nhiều nhà khoa học pháp lý trong nước cũng như quốc tế quan tâm nghiên cứu. Quyền công tố với ý nghĩa là một loại quyền năng xuất hiện cùng với sự ra đời của Nhà nước, Tác giả đồng tình với quan điểm cho rằng quyền công tố gắn với Nhà nước cũng như bản chất Nhà nước, là một bộ phận cấu thành của công quyền.

Với quan điểm đó, quyền công tố là quyền nhân danh Nhà nước thực hiện việc buộc tội đối với những người đã thực hiện hành vi phạm tội, chúng tôi cho rằng khi Nhà nước xuất hiện cũng là lúc xuất hiện quyền công tố. Trong lịch sử pháp luật Việt Nam, khái niệm quyền công tố xuất hiện vào năm 1980, khi Hiến pháp năm 1980 ra đời. Hiến Pháp năm 1980 là văn bản pháp lý đầu tiên của Nhà nước ta trong việc đưa ra thuật ngữ “thực hành quyền công tố” khi đề cập đến chức năng của VKSND[23, Điều 138]. Thuật ngữ này được nhắc lại tại Điều 1 và Điều 3 Luật Tổ chức VKSND năm 1981. Từ đó đến nay, liên quan đến khái niệm này có rất nhiều tài liệu, bài viết trên các tạp chí, Luận văn...với nhiều quan điểm khác nhau. Trong đó có một số quan điểm đáng chú ý sau:

Quan điểm thứ nhất, đồng nhất quyền công tố với hoạt động kiểm sát việc tuân theo pháp luật của VKSND. Quan điểm này xuất phát từ tên gọi và chức năng của VKSND để xem xét quyền công tố. Theo quan điểm này, tất cả các hoạt động kiểm sát việc tuân theo pháp luật là thực hành quyền công tố. Điều đó có nghĩa là khi Viện kiểm sát tiến hành kiến nghị yêu cầu khắc phục vi phạm phát sinh trong các lĩnh vực phi hình sự cũng là thực hành quyền công tố. Theo đó, quyền công tố không phải là một chức năng độc lập của Viện kiểm sát mà chỉ là quyền năng, một hình thức thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật[47, tr.85-87]. Dẫn rằng trong quá trình thực hiện hai chức năng này, có một số nội dung đan xem, liên hệ chặt chẽ, tác

động qua lại lẫn nhau trên cơ sở tính độc lập tương đối. Theo quan điểm chúng tôi, quan điểm trên là chưa chính xác, đã đánh đồng quyền công tố với chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật. Vô hình chung đã gộp chung hai chức năng riêng biệt của ngành KSND đã được Hiến định thành một.

Quan điểm thứ hai cho rằng, quyền công tố là quyền đại diện cho Nhà nước để đưa các vụ việc vi phạm pháp luật, ra cơ quan xét xử để bảo vệ lợi ích của Nhà nước, bảo vệ trật tự pháp luật. Quan điểm này cho rằng, quyền công tố xuất hiện từ khi có Nhà nước và pháp luật, được thể hiện đầu tiên trong lĩnh vực hình sự, TTHS, cùng với sự phát triển của xã hội, của các ngành luật, quyền công tố được mở rộng sang các lĩnh vực dân sự, tố tụng dân sự và ngày nay tiếp tục mở ra các lĩnh vực khác. Quan điểm này đã quá mở rộng khái niệm, phạm vi và nội dung của quyền công tố dẫn đến xóa nhòa đặt thù chức năng của Viện kiểm sát trong TTHS.

Quan điểm thứ ba cho rằng, quyền công tố là quyền của Nhà nước giao cho Viện kiểm sát truy cứu trách nhiệm người phạm tội, đưa người phạm tội ra xét xử trước tòa án và bảo vệ sự buộc tội đó[14, tr.48]. Với quan điểm này, quyền công tố chỉ được nhấn mạnh trong TTHS và cũng chỉ giới hạn trong giai đoạn xét xử sơ thẩm. Quan điểm này mặc dù đã chính xác trong việc giới hạn quyền công tố chỉ được thực hiện trong TTHS; tuy nhiên việc cho rằng quyền công tố chỉ được thể hiện thông qua phiên tòa xét xử sơ thẩm là đã thu hẹp phạm vi, nội dung quyền công tố và không phản ánh đầy đủ bản chất của quyền này. Bởi vì, trên thực tế hoạt động truy tố buộc tội tại tòa chỉ là một nội dung hoạt động thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử.

Quan điểm thứ tư cho rằng, quyền công tố là quyền Nhà nước giao cho các cơ quan tiến hành tố tụng để truy cứu trách nhiệm hình sự và áp dụng các chế tài hình sự đối với người thực hiện hành vi phạm tội. Nói cách khác, quyền công tố là quyền mà Nhà nước giao cho các cơ quan tiến hành tố tụng để điều tra, truy tố, xét xử các vụ án hình sự và thi hành án hình sự. Theo đó, quyền công tố được giao cho người đứng đầu của Cơ quan tư pháp, các cơ quan thực hiện quyền tư pháp và các chức danh tư pháp như Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán.. trong việc xác định tội phạm và người thực hiện hành vi phạm tội cũng như các căn cứ để kết tội và áp dụng các hình phạt đối với người phạm tội. Hiểu khái niệm quyền công tố theo quan điểm này đã dẫn đến

nhằm lẫn các chức năng trong TTHS giữa các cơ quan tiến hành tố tụng trong việc thực hiện các quyền năng của mình. Mỗi chức năng cơ bản trong TTHS được thực hiện bởi một hoặc nhiều chủ thể, tùy thuộc vào từng giai đoạn tố tụng. Như trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự, cả Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát đều là cơ quan tiến hành tố tụng và cùng thực hiện chức năng buộc tội đối với người thực hiện hành vi phạm tội [40, tr.58]. Nhưng hoạt động buộc tội của Cơ quan điều tra không phải là thực hành quyền công tố mà đó chỉ là hoạt động nhằm hỗ trợ cho cơ quan được Nhà nước giao thực hiện quyền công tố là Viện kiểm sát để thực hiện việc buộc tội đối với chủ thể được cho là thực hiện hành vi phạm tội.

Quan điểm thứ năm cho rằng, quyền công tố là sự cáo buộc của Nhà nước đối với cá nhân, tổ chức đã vi phạm pháp luật, bao gồm vi phạm hành chính, vi phạm luật dân sự, luật kinh tế và luật hình sự. Và quyền công tố là quyền của Nhà nước thực hiện sự cáo buộc đó [17, tr.82-88]. Với tư cách là một quyền năng đặc biệt thuộc Nhà nước, quyền công tố được thực hiện trong tất cả quá trình giải quyết các vi phạm pháp luật.

Mỗi quan điểm nêu trên đều có những hạt nhân hợp lý riêng của nó. Tuy nhiên, xuất phát từ căn cứ khoa học, các quy định của pháp luật về quyền công tố cho thấy, các quan điểm trên hoặc đánh đồng quyền công tố với chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Viện kiểm sát, dẫn đến việc mở rộng phạm vi quyền công tố vượt khỏi lĩnh vực TTHS sang các lĩnh vực tư pháp khác như dân sự, lao động, kinh tế, hành chính; hoặc coi quyền công tố là một quyền năng, một hình thức thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong lĩnh vực TTHS; hoặc quá thu hẹp phạm vi quyền công tố, coi quyền công tố chỉ là quyền của Viện kiểm sát trong việc truy tố người phạm tội ra tòa và thực hiện sự cáo buộc tại phiên tòa hình sự sơ thẩm đối với hành vi phạm tội của bị cáo.

Từ những nhận định, phân tích nêu trên, chúng tôi cho rằng quyền công tố là quyền nhân danh Nhà nước thực hiện việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người thực hiện hành vi phạm tội. Quyền này thuộc về Nhà nước, được giao cho một cơ quan thực hiện, ở nước ta cơ quan đó là Viện kiểm sát. Để thực hiện đúng, có hiệu quả quyền năng này, cơ quan có chức năng thực hành quyền công tố phải được và có trách nhiệm đảm bảo việc thu thập tài liệu, chứng cứ để xác định tội phạm và người phạm

tội, trên cơ sở đó, quyết định truy tố bị can ra trước tòa và bảo vệ sự buộc tội đó tại phiên tòa [40, tr.57].

Để thực hành quyền công tố, Viện Kiểm sát phải sử dụng các quyền năng thuộc quyền công tố trong suốt quá trình tố tụng đối với vụ án. Theo từ điển Tiếng Việt thì “thực hành” có nghĩa là làm để áp dụng lý thuyết vào thực tiễn, “thực hành” cũng giống như “thực hiện” [42, tr.973]. Thực hành quyền công tố là việc sử dụng tổng hợp các quyền năng pháp lý thuộc nội dung của quyền công tố để thực hiện việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội trong giai đoạn điều tra, truy tố và xét xử vụ án hình sự. Hiện nay, quyền năng pháp lý thuộc nội dung quyền công tố được quy định trong BLTTHS[26]. Theo đó, trong từng giai đoạn tố tụng, nội dung của quyền công tố mà Nhà nước giao cho Viện kiểm sát là khác nhau.

Điều tra là một giai đoạn của quá trình TTHS, trong đó Cơ quan điều tra áp dụng các biện pháp BLTTHS quy định để xác định tội phạm và người thực hiện hành vi phạm tội, Viện kiểm sát kiểm sát hoạt động điều tra, quyết định truy tố bị can làm cơ sở cho việc xét xử của Tòa án [11, tr.56]. Điều tra vụ án hình sự là một giai đoạn TTHS, trong giai đoạn này Cơ quan điều tra áp dụng mọi biện pháp do BLTTHS quy định để xác định tội phạm và người phạm tội [16, tr.36-37]. Trong phạm vi nghiên cứu của luận văn này, tác giả chỉ đề cập giai đoạn điều tra với tư cách là một giai đoạn của TTHS, với phạm vi và lĩnh vực tiếp cận như vậy theo chúng tôi, khái niệm giai đoạn điều tra cần được hiểu như sau: Giai đoạn điều tra vụ án hình sự là một giai đoạn của TTHS, trong đó các cơ quan có thẩm quyền điều tra theo quy định của pháp luật tiến hành các hoạt động phát hiện, thu thập chứng cứ theo trình tự, thủ tục do pháp luật TTHS quy định để xác định tội phạm và người thực hiện hành vi phạm tội làm cơ sở cho việc truy tố của Viện kiểm sát và xét xử của Tòa án.

Giai đoạn điều tra vụ án hình sự là giai đoạn tiếp theo của quá trình tố tụng giải quyết vụ án, được bắt đầu từ thời điểm có quyết định khởi tố vụ án và kết thúc khi Cơ quan điều tra hoàn thành việc điều tra, ra kết luận điều tra, đề nghị truy tố hoặc ra quyết định đình chỉ điều tra. Trong một số trường hợp nhiệm vụ điều tra có thể tiến hành khi Viện kiểm sát trả hồ sơ để điều tra bổ sung, điều tra lại. Giai đoạn điều tra vụ án hình sự chiếm vị trí đặc biệt quan trọng, kết quả điều tra vừa là cơ sở để Viện kiểm

sát quyết định truy tố, vừa là cơ sở để Tòa án đưa vụ án ra xét xử. Tác động của kết quả điều tra đối với công tác truy tố, xét xử không chỉ giới hạn ở số lượng, chất lượng của chứng cứ, mà còn là những nhận định, đánh giá tội phạm, áp dụng pháp luật hình sự vì Viện kiểm sát chỉ truy tố bị can trên cơ sở kết quả điều tra và Tòa án chỉ xét xử những bị cáo theo tội danh mà Viện kiểm sát truy tố. Trong TTHS, hoạt động của Cơ quan điều tra thông qua quá trình làm sáng tỏ sự thật vụ án trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự là một bộ phận hợp thành chức năng buộc tội. Về bản chất công tố là chức năng của Viện kiểm sát trong giai đoạn điều tra còn điều tra là hỗ trợ, “dọn đường” cho cơ quan công tố đưa vụ án ra Tòa.

Trong đề này, tác giả nghiên cứu hoạt động thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự đối với nhóm tội phạm cụ thể, đó là nhóm tội xâm phạm sở hữu. Nhóm tội này đặc trưng bởi dấu hiệu pháp lý, những đặc điểm riêng với những cấu thành tội phạm cụ thể; đồng thời, trong hoạt động thực hành quyền công tố đối với nhóm tội này cũng có một số điểm đặc thù. Do đó, tìm hiểu đề tài tác giả thấy cần thiết phải tiếp cận khái niệm cũng như những đặc trưng cơ bản của nhóm tội này. Hiện nay, có nhiều quan điểm về khái niệm các tội xâm phạm sở hữu, tác giả thống nhất với quan điểm “Các tội xâm phạm sở hữu là những hành vi có lỗi gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại cho quan hệ sở hữu và sự gây thiệt hại này thể hiện được đầy đủ bản chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi”[44, tr.5].

Như đã trình bày, với quan điểm thực hành quyền công tố là việc sử dụng tổng hợp các quyền năng pháp lý thuộc nội dung quyền công tố để thực hiện việc truy cứu trách nhiệm hình sự (buộc tội) đối với người phạm tội trong các giai đoạn điều tra, truy tố và xét xử vụ án. Đồng thời, giai đoạn điều tra vụ án hình sự được xác định từ khi khởi tố vụ hình sự đến khi Cơ quan điều tra có bản kết luận điều tra đề nghị truy tố hoặc vụ án được đình chỉ điều tra theo quy định pháp luật. Từ đó chúng tôi cho rằng: *Thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm sở hữu là việc Viện kiểm sát sử dụng các quyền năng pháp lý để thực hiện việc buộc tội của Nhà nước trong giai đoạn từ khi khởi tố vụ án đến khi kết thúc điều tra theo quy định của pháp luật TTHS đối với người thực hiện hành vi phạm tội gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại cho quan hệ sở hữu được pháp luật hình sự bảo vệ.*

1.2. Đối tượng và phạm vi thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm sở hữu

- Đối tượng thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm sở hữu

Xuất phát từ các quan điểm khác nhau về quyền công tố nên nhận thức về đối tượng của việc thực hiện quyền này cũng có nhiều quan điểm khác nhau:

Có quan điểm đồng nhất quyền công tố với hoạt động kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Viện kiểm sát. Do vậy, xác định đúng đối tượng để thực hành quyền công tố là vấn đề quan trọng đối cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng. Quan điểm khác lại coi quyền công tố là quyền đại diện cho Nhà nước để đưa các vụ việc vi phạm trật tự pháp luật ra cơ quan xét xử để bảo vệ lợi ích Nhà nước, bảo vệ trật tự pháp luật, do đó quan niệm đối tượng của việc thực hành quyền công tố là các hành vi vi phạm pháp luật. Còn đối với quan điểm coi quyền công tố là quyền năng Nhà nước nhân danh xã hội truy cứu trách nhiệm pháp lý đối với những người có hành vi phạm tội hoặc vi phạm pháp luật liên quan đến lợi ích Nhà nước, lợi ích hợp pháp của người dân thì cho rằng đối tượng thực hành quyền công tố là tội phạm, người phạm tội và những vụ việc xâm phạm lợi ích chung trong lĩnh vực dân sự, hành chính, lao động.

Với quan điểm cho rằng, đối tượng của thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra là cái mà Viện kiểm sát khi sử dụng các quyền năng pháp lý thuộc nội dung quyền công tố trong giai đoạn điều tra tác động vào nhằm đạt được mục đích cụ thể nào đó, ví dụ như nhằm buộc tội đối với người phạm tội để trừng phạt; để khôi phục trật tự pháp luật bị xâm hại.... và quyền công tố là quyền nhân danh Nhà nước thực hiện sự buộc tội (thực hiện việc truy cứu trách nhiệm hình sự) đối với người phạm tội, chúng tôi quan niệm: Đối tượng tác động của thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra đối với các tội xâm phạm sở hữu chỉ là tội phạm và người phạm tội xâm phạm sở hữu theo quy định pháp luật hình sự.

- Phạm vi thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm sở hữu

Để hiểu được một cách đầy đủ khái niệm thực hành quyền công tố trong giai

đoạn điều tra vụ án các tội xâm phạm sở hữu, cần phải phân biệt một cách cụ thể, đầy đủ, chính xác phạm vi quyền công tố với phạm vi thực hành quyền công tố đối với các vụ án xâm phạm sở hữu. Xét về mặt nguyên tắc thì chúng đồng nhất với nhau, đó là khi tội phạm xảy ra và kết thúc khi quá trình điều tra kết thúc. Điều này xuất phát từ mục đích của TTHS là đòi hỏi mọi tội phạm xảy ra đều phải được phát hiện và xử lý theo pháp luật. Theo đó, cứ có tội phạm xảy ra là đòi hỏi phải có quyền công tố được phát động. Song, để có cơ sở phát động quyền công tố phải có một giai đoạn chuẩn bị nhằm thu thập tài liệu, tin tức về tội phạm xảy ra như: Tiếp nhận, xác minh nguồn tin về tội phạm; tiến hành một số hoạt động điều tra trước khi khởi tố vụ án như khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, khám nghiệm phương tiện, lấy lời khai người làm chứng, người bị tạm giữ... Thực tế cho thấy, việc khởi tố vụ án hình sự của các cơ quan có thẩm quyền không thể bao trùm hết số vụ phạm tội đã xảy ra trên thực tế. Những vụ phạm tội còn tiềm ẩn trong đời sống kinh tế- xã hội đang chiếm một tỷ lệ đáng kể trong mối tương quan so với số vụ đã được phát hiện, khởi tố.

Do đó, với nhận thức thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra là việc Viện kiểm sát sử dụng các quyền năng pháp lý trong giai đoạn điều tra do pháp luật quy định để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với tội phạm và người phạm tội, chúng tôi cho rằng phạm vi thực hành quyền công tố hẹp hơn so với phạm vi quyền công tố. Nó chỉ bắt đầu từ khi khởi tố vụ án hình sự và kết thúc khi quá trình điều tra kết thúc.

Một vấn đề cần thiết phải lưu ý khi tìm hiểu phạm vi thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra là không phải trong mọi trường hợp việc thực hành quyền công tố đều bắt đầu từ khi khởi tố vụ án đến khi Cơ quan có thẩm quyền điều tra ra bản kết luận điều tra và đề nghị truy tố, mà nó có thể bị triệt tiêu quyền công tố thông qua việc đình chỉ điều tra theo quy định, theo đó chấm dứt việc thực hành quyền công tố.

Từ những quan điểm trên tác giả cho rằng phạm vi thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm sở hữu gồm những hành vi, quyết định tố tụng mang tính buộc tội của Viện kiểm sát đối với những hành vi xâm phạm sở hữu được pháp luật hình sự bảo vệ, được bắt đầu từ khi khởi tố vụ án hình sự và kết thúc khi quá trình điều tra kết thúc (Kết luận điều tra, đề nghị truy tố hoặc đình chỉ điều tra).

1.3. Đặc điểm và nội dung thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm sở hữu

1.3.1. Đặc điểm thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm sở hữu

Thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm sở hữu là một hoạt động áp dụng pháp luật vào thực tế nhằm truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người đã thực hiện hành vi phạm tội xâm phạm sở hữu. Với tư cách là một hoạt động thuộc hai chức năng cơ bản của Viện kiểm sát, thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm sở hữu mang những đặc cơ bản sau.

Thứ nhất, thực hành quyền công tố là chức năng Hiến định duy nhất thuộc về Viện kiểm sát trong việc thực hiện quyền lực Nhà nước để truy cứu trách nhiệm hình sự người thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, Viện kiểm sát là chủ thể duy nhất được giao nhiệm vụ truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội, nên Viện kiểm sát phải được giao đầy đủ các quyền năng và thực hiện triệt để quyền năng của mình để bảo đảm không bỏ lọt tội phạm và người phạm tội.

Thứ hai, thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra sử dụng các quyền năng thuộc quyền công tố theo quy định của pháp luật hình sự, được thể hiện thông qua các hành vi, các quyết định tố tụng mang tính công khai theo trình tự, thủ tục, thẩm quyền tố tụng do pháp luật quy định. Các hành vi, quyết định tố tụng thường thể hiện dưới dạng văn bản của người có thẩm quyền. Đặc điểm này, nhằm đảm bảo cho hoạt động của Viện kiểm sát được thực hiện một cách độc lập và chỉ tuân theo pháp luật, không có bất kỳ sự can thiệp nào vào hoạt động thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát, nhưng đồng thời, hoạt động thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát cũng chịu sự giám sát bởi nhiều chủ thể khác nhau ở trong và ngoài TTHS.

Thứ ba, đối tượng tác động của quyền công tố là tội phạm và người phạm tội, nên thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra là hoạt động nhân danh Nhà nước thực hiện việc buộc tội đối với người phạm tội, bảo đảm việc truy cứu hình sự đối với người phạm tội có căn cứ và hợp pháp, bảo đảm mọi hành vi phạm tội được phát hiện đều phải khởi tố, điều tra, xử lý theo pháp luật; không để lọt người, lọt tội, không làm oan người vô tội.

Thứ tư, hoạt động thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra mang đặc điểm của thực hành quyền công tố nói chung. Trong đó, khi thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra Kiểm sát viên chịu sự lãnh đạo tập trung thống nhất của Viện trưởng VKSND mỗi cấp và chịu sự chỉ đạo thống nhất của Viện trưởng VKSNDTC. Viện kiểm sát cấp trên có quyền rút, hủy bỏ các quyết định không có căn cứ và trái pháp luật của VKSND cấp dưới và yêu cầu ra quyết định đúng pháp luật.

Thứ năm, thực hành quyền công tố là hoạt động truy cứu trách nhiệm hình sự thuộc chức năng buộc tội trong TTHS, chức năng này thường đối lập với chức năng bào chữa nhưng đều có mục đích chung là tìm đến sự thật và đảm bảo công lý, công bằng, lẽ phải. Thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra phải đảm bảo tính toàn diện, không những tập trung vào việc tìm kiếm, củng cố các bằng chứng buộc tội mà còn phải tìm kiếm những bằng chứng gỡ tội.

Thứ sáu, hoạt động thực hành quyền trong giai đoạn điều tra có đặc điểm khác với hoạt động kiểm sát điều tra. Tuy cùng một chủ thể tiến hành và trong cùng một giai đoạn tố tụng nhưng thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra sử dụng các quyền năng pháp lý luật định trong giai đoạn điều tra để tác động vào đối tượng là tội phạm và người phạm tội. Còn hoạt động kiểm sát điều tra hướng đến sự tuân thủ pháp luật trong hoạt động điều tra, nếu phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật, Viện kiểm sát có quyền kiến nghị, yêu cầu các chủ thể chấm dứt hành vi vi phạm, khôi phục lại trật tự pháp luật bị xâm phạm.

Thứ bảy, các tội xâm phạm sở hữu có khách thể là quan hệ sở hữu được pháp luật hình sự bảo vệ và đối tượng tác động là tài sản cụ thể. Do đó, trong hoạt động thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm sở hữu cần xác định đúng hành vi khách quan của tội phạm, quyền cụ thể về tài sản bị xâm hại..để từ đó định tội danh và thực hiện việc buộc tội của Nhà nước đối với hành vi phạm tội xâm phạm sở hữu một cách chính xác.

1.3.2. Nội dung thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm sở hữu

Nội dung của hoạt động thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra là việc sử dụng tất cả các quyền năng tố tụng trong giai đoạn điều tra mà pháp luật trao

cho Viện kiểm sát nhằm thực hiện việc buộc tội của Nhà nước đối với người thực hiện hành vi phạm tội. Nói cách khác, nội dung của thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra chính là các thẩm quyền của Viện kiểm sát được quy định trong BLTTHS trong giai đoạn điều tra, khái quát lại đó là :

Thứ nhất, những hoạt động mang tính phát động công tố để mở cuộc điều tra hình sự đối với sự kiện phạm tội, bao gồm:

- Khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can; yêu cầu Cơ quan điều tra khởi tố hoặc thay đổi quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can;
- Phê chuẩn hoặc hủy bỏ quyết định khởi tố, quyết định thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố bị can không có căn cứ và trái pháp luật;
- Quyết định thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can trong các trường hợp do BLTTHS quy định;

Thứ hai, hoạt động thực hành quyền công tố tiếp tục được thực hiện bởi Viện kiểm sát trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự bằng một số biện pháp pháp lý cụ thể.

- Đề ra yêu cầu điều tra và yêu cầu Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra tiến hành điều tra để làm rõ tội phạm, người phạm tội; yêu cầu Cơ quan điều tra truy nã bị can.
- Trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra trong trường hợp cần thiết;
- Hủy bỏ các quyết định tố tụng không có căn cứ và trái pháp luật của Cơ quan điều tra;
- Quyết định áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra.

Thứ ba, quyết định tiếp tục, tạm dừng hoặc chấm dứt hoạt động tố tụng (truy tố, tạm đình chỉ hoặc đình chỉ điều tra).

Kết luận Chương 1

Quyền công tố xuất hiện cùng với sự xuất hiện của Nhà nước. Quyền công tố là quyền nhân danh Nhà nước thực hiện việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội. Theo quy định pháp luật Việt Nam, quyền công tố được Nhà nước giao cho một chủ thể duy nhất là Viện kiểm sát. Trong mỗi giai đoạn tố tụng Nhà nước giao cho Viện kiểm sát những quyền năng pháp lý nhất định gắn với giai đoạn tố tụng đó. Theo

đó, thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án các tội xâm phạm sở hữu là việc Viện kiểm sát sử dụng tổng hợp các quyền năng pháp lý thuộc nội dung quyền công tố được pháp luật quy định trong giai đoạn điều tra để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với những hành vi phạm các tội xâm phạm sở hữu được thực hiện ngay từ khi khởi tố vụ án, kéo dài trong suốt giai đoạn điều tra vụ án hình sự và kết thúc khi quá trình điều tra kết thúc theo quy định của pháp luật TTHS.

Đối tượng của thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra là cái mà Viện kiểm sát khi sử dụng các quyền năng pháp lý thuộc nội dung quyền công tố trong giai đoạn điều tra tác động vào nhằm đạt được mục đích cụ thể nào đó. Do đó, đối tượng thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự đối với các tội xâm phạm sở hữu chỉ là tội phạm và người phạm tội xâm phạm sở hữu theo quy định pháp luật hình sự. Đồng thời, phạm vi thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm sở hữu bắt đầu từ khi khởi tố vụ án hình sự đối với các tội xâm phạm sở hữu và kết thúc khi quá trình điều tra kết thúc (Kết luận điều tra, đề nghị truy tố hoặc đình chỉ điều tra). Ngoài ra, đặc điểm của thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án các tội xâm phạm sở hữu mang đặc trưng của thực hành quyền công tố vừa mang đặc điểm của giai đoạn tố tụng cụ thể, loại tội phạm cụ thể.

Chức năng thực hành quyền công tố được quy định lần đầu tiên trong Hiệp pháp và Luật [24, Điều 37], [31, Điều 1] với tư cách là một chức năng độc lập của Viện kiểm sát bên cạnh chức năng kiểm sát hoạt động tư pháp từ năm 1980. Kể từ đây, quan niệm về hai chức năng này của Viện kiểm sát đã trở nên rõ ràng hơn trong nghiên cứu khoa học pháp lý và ở phương diện tổ chức đấu tranh phòng, chống tội phạm. Tuy nhiên, chức năng thực hành quyền công tố nói chung và đặc biệt là thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra chưa được chú trọng như yêu cầu của nó. Trên cơ sở tiếp thu BLTTHS năm 2003, hiện nay những quyền năng pháp lý thuộc chức năng thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự được quy định tại Điều 165 BLTTHS năm 2015 một cách rõ ràng, rạch ròi. Đây là cơ sở pháp lý vững chắc để ngành KSND thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ trong khâu công tác này trong thời gian đến.

CHƯƠNG 2

QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VÀ THỰC TRẠNG THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỔ TRONG GIAI ĐOẠN ĐIỀU TRA CÁC VỤ ÁN XÂM PHẠM SỞ HỮU TỪ THỰC TIỄN TỈNH BÌNH ĐỊNH

2.1. Quy định pháp luật thực định về thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự

2.1.1. Quy định về hoạt động mang tính phát động công tố để mở cuộc điều tra

2.1.1.1. Thực hành quyền công tố trong hoạt động khởi tố vụ án

Theo quy định BLTTHS năm 2003: Viện kiểm sát có quyền khởi tố vụ án hình sự; khởi tố bị can; yêu cầu Cơ quan điều tra khởi tố hoặc thay đổi quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can theo quy định của Bộ luật này.

Khởi tố vụ án hình sự là hoạt động mở đầu của quá trình TTHS, được thực hiện từ khi Cơ quan điều tra tiếp nhận và kiểm tra, xác minh nguồn tin về tội phạm. Trong trường hợp chưa có quyết định khởi tố vụ án án thì các biện pháp điều tra chưa được tiến hành, trừ những biện pháp không thể trì hoãn như: Khám nghiệm hiện, khám nghiệm tử thi, xem xét dấu vết thân thể[5]. Theo quy định của BLTTHS năm 2003, thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự chủ yếu thuộc về Cơ quan điều tra. Tuy nhiên, là cơ quan được giao nhiệm vụ thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra nên pháp luật TTHS cũng trao cho Viện kiểm sát quyền khởi tố vụ án hình sự trong một số trường hợp nhất định. Quyền năng tố tụng này được quy định tại Điều 104 BLTTHS năm 2003. Theo đó, Viện kiểm sát có quyền khởi tố vụ án trong hai trường hợp: *một là*, sau khi quyết định hủy bỏ quyết định không khởi tố vụ án hình sự; *hai là*, nếu thấy yêu cầu khởi tố vụ án hình sự của Hội đồng xét xử vụ án hình sự là có căn cứ. Trong những trường hợp này, Quyết định khởi tố vụ án hình sự được Viện kiểm sát chuyển đến Cơ quan điều tra để điều tra theo thẩm quyền.

Trên cơ sở tiếp thu quy định BLTTHS năm 2003, hiện nay BLTTHS năm 2015 đã mở rộng thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự đối với Viện kiểm sát. Cụ thể, tại khoản 3 Điều 153 BLTTHS năm 2015 quy định: Viện kiểm sát ra quyết định khởi tố vụ án hình sự trong bốn trường hợp, (1) Viện kiểm sát hủy bỏ quyết định không khởi tố vụ

án hình sự của Cơ quan điều tra, cơ quan được giao tiến hành một số hoạt động điều tra; (2) Viện kiểm sát trực tiếp giải quyết tin báo, tố giác về tội phạm và kiến nghị khởi tố; (3) Viện Kiểm sát trực tiếp phát hiện dấu hiệu tội phạm; (4) theo yêu cầu của Hội đồng xét xử. Như vậy, so với quy định tại Điều 104 BLTTHS năm 2003, thì trường hợp (2) và (3) là quy định mới nhằm đáp ứng yêu cầu giải quyết những bất cập trong quá trình giải quyết nguồn tin về tội phạm hiện nay, đảm bảo phù hợp với quy định Luật Tổ chức VKSND năm 2014.

Đối với các cơ quan được Nhà nước giao quyền, thì quyền hạn của Cơ quan nhà nước cũng đồng thời là trách nhiệm, nghĩa vụ của cơ quan đó phải được đảm bảo thực hiện. Trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự, Viện kiểm sát khi thực hành quyền công tố có trách nhiệm không chỉ ở việc tự mình ra quyết định, thẩm định tính có căn cứ và hợp pháp của các quyết định khởi tố hay không khởi tố vụ án của Cơ quan điều tra mà còn chịu trách nhiệm quyết định cuối cùng về việc này, bảo đảm mọi tội phạm phải được khởi tố, điều tra có căn cứ, hợp pháp. Để thực hiện đầy đủ trách nhiệm trong việc khởi tố vụ án hình sự, Viện kiểm sát phải nắm vững về nguồn tin tội phạm do tổ chức, cá nhân chuyển đến; đồng thời kiểm sát chặt chẽ việc xác minh, giải quyết nguồn tin về tội phạm của Cơ quan điều tra theo quy định BLTTHS nhằm đảm bảo mọi tội phạm phải được phát hiện, xử lý theo pháp luật. Từ đó, nếu thấy tội phạm đã được phát hiện mà Cơ quan điều tra chưa khởi tố thì Viện kiểm sát có quyền yêu cầu Cơ quan điều tra khởi tố vụ án hình sự; nếu thấy tội phạm đã khởi tố không đúng với hành vi phạm tội đã xảy ra thì Viện kiểm sát tự ra quyết định thay đổi quyết định khởi tố vụ án, nếu có căn cứ xác định còn tội phạm khác chưa bị khởi tố thì Viện kiểm sát có quyền bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự (khoản 1 Điều 112 BLTTHS năm 2003).

Trong thời hạn 24 giờ kể từ ngày quyết định thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự, Viện kiểm sát phải gửi quyết định đó cho Cơ quan điều tra để tiến hành điều tra (khoản 2 Điều 106 BLTTHS năm 2003). Ngoài ra, trong trường hợp Viện kiểm sát phát hiện quyết định khởi tố của Cơ quan điều tra, cơ quan được giao tiến hành một số hoạt động điều tra không có căn cứ và trái pháp luật thì Viện kiểm sát ra quyết định hủy những quyết định đó (khoản 2 Điều 109 BLTTHS năm 2003). Hiện nay, theo BLTTHS năm 2015, Viện kiểm sát ngoài quyền yêu cầu Cơ quan điều tra khởi tố vụ án, thay đổi quyết định khởi tố vụ án còn có thể yêu cầu cơ quan được giao

tiến hành một số hoạt động điều tra khởi tố vụ án, thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố vụ án; đồng thời có quyền hủy bỏ các quyết định thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố vụ án của Cơ quan điều tra, cơ quan được giao tiến hành một số hoạt động điều tra không có căn cứ, trái pháp luật (khoản 1 Điều 161 BLTTHS năm 2015).

2.1.1.2. Thực hành quyền công tố trong hoạt động khởi tố bị can

Theo quy định khoản 1 Điều 126 BLTTHS năm 2003 khi đủ căn cứ xác định một người đã thực hiện hành vi phạm tội thì Cơ quan điều tra ra quyết định khởi tố bị can. Khởi tố bị can là thủ tục TTHS áp dụng đối với người được cho là đã thực hiện hành vi phạm tội để tiến hành điều tra, nhằm làm sáng tỏ lỗi của người đó trong việc thực hiện hành vi phạm tội cũng như những tình tiết liên quan theo quy định của pháp luật để truy cứu trách nhiệm hình sự. Toàn bộ những thủ tục liên quan đến khởi tố bị can được quy định từ Điều 126 đến Điều 132 BLTTHS năm 2003. Trong đó, trách nhiệm Viện kiểm sát trong hoạt động thực hành quyền công tố được quy định rõ ràng, chặt chẽ. Khác với khởi tố vụ án, trong thủ tục khởi tố bị can, trách nhiệm của Viện kiểm sát theo BLTTHS năm 2003 thể hiện trên ba phương diện sau:

Một là, xét phê chuẩn quyết định khởi tố, quyết định thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố bị can hoặc hủy bỏ quyết định khởi tố, quyết định thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố bị can của Cơ quan điều tra và cơ quan được giao tiến hành một số hoạt động điều tra.

Theo quy định BLTTHS năm 2003, khi Cơ quan điều tra ra quyết định khởi tố bị can thì quyết định đó có hiệu lực ngay, theo đó Điều tra viên tiến hành các hoạt động cần thiết để làm rõ hành vi phạm tội của người bị khởi tố, chụp hình, lập danh chỉ bản của bị can, quyền và nghĩa vụ của người bị khởi tố được Điều tra viên giải thích. Quyết định phê chuẩn quyết định khởi tố bị can của Viện kiểm sát chỉ có giá trị xác định hiệu lực của quyết định khởi tố bị can có còn tiếp tục hay không.

Khác với quy định của BLTTHS năm 2003, theo quy định tại Điều 179 BLTTHS năm 2015, quyết định phê chuẩn của Viện kiểm sát đối với quyết định khởi tố bị can của cơ quan có thẩm quyền điều tra có giá trị xác định hiệu lực của quyết định khởi tố bị can. Theo quy định tại khoản 3 Điều 179 BLTTHS năm 2015, trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra quyết định khởi tố bị can, Cơ quan điều tra phải gửi quyết định khởi tố và tài liệu liên quan đến việc khởi tố bị can đến Viện kiểm sát cùng cấp để

xét phê chuẩn. Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được quyết định khởi tố can, nếu xét thấy quyết định khởi tố bị can của Cơ quan điều tra là có căn cứ, phù hợp thì Viện kiểm sát ra quyết định phê chuẩn quyết định khởi tố bị can. Nếu thấy quyết định khởi tố bị can của Cơ quan điều tra là không có căn cứ, Viện kiểm sát hủy bỏ quyết định khởi tố bị can và gửi ngay cho Cơ quan điều tra. Do đó, trong trường hợp quyết định khởi tố bị can không được phê chuẩn bởi Viện kiểm sát thì quyết định này không phát sinh hiệu lực.

So với BLTTHS năm 2003, BLTTHS năm 2015 bổ sung trường hợp Cơ quan điều tra đề nghị phê chuẩn quyết định khởi tố bị can nhưng Viện kiểm sát xét thấy chưa đủ cơ sở phê chuẩn thì có yêu cầu Cơ quan điều tra bổ sung chứng cứ, tài liệu làm căn cứ để quyết định việc phê chuẩn. Trường hợp này, trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được chứng cứ, tài liệu bổ sung, Viện kiểm sát phải ra quyết định phê chuẩn hoặc quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố bị can (khoản 3 Điều 179 BLTTHS năm 2015).

Sau khi nhận được quyết định phê chuẩn quyết định khởi tố bị can, Cơ quan điều tra giao ngay quyết định khởi tố bị can, quyết định phê chuẩn quyết định khởi tố bị can và giải thích quyền và nghĩa vụ cho bị can. Như vậy, có thể thấy quyết định phê chuẩn của Viện kiểm sát sẽ làm phát sinh hiệu lực của quyết định khởi tố bị can của Cơ quan điều tra. Bằng quy định trên, pháp luật đã tạo ra một cơ chế kiểm sát chặt chẽ nhằm hạn chế đến mức tối đa việc khởi tố bị can một cách tràn lan, dẫn đến oan, sai; tăng cường trách nhiệm của Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát; đồng thời, với quy định này đã khắc phục những bất cập của BLTTHS năm 2003, khi không đảm bảo kiểm sát chặt chẽ việc khởi tố bị can, bất hợp lý trong việc thừa nhận hiệu lực của quyết định khởi tố bị can, xác định tư cách bị can trước khi có quyết định phê chuẩn, mặc dù quyết định khởi tố đó có thể bị hủy bỏ. Với quy định của BLTTHS năm 2015, đặt ra yêu cầu Viện kiểm sát phải chủ động trong việc xác định căn cứ của việc khởi tố bị can, đảm bảo tính có căn cứ, đúng pháp luật. Bởi Viện kiểm sát là chủ thể quyết định việc mở ra quá trình điều tra đối với bị can - hoạt động ảnh hưởng trực tiếp đến các quyền và lợi ích của con người.

Ngoài ra, theo quy định tại Điều 127 BLTTHS năm 2003, thì trường hợp trong quá trình điều tra nếu có căn cứ xác định hành vi của bị can không phạm vào tội đã bị

khởi tố hoặc có hành vi phạm tội khác thì Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát ra quyết định thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố bị can. Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra quyết định thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố bị can, Cơ quan điều tra phải gửi các quyết định này và các tài liệu có liên quan chứng minh căn cứ để ban hành quyết định thay đổi hoặc bổ sung đó đến Viện kiểm sát để xét phê chuẩn. Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được quyết định thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố bị can, Viện kiểm sát phải phê chuẩn hoặc hủy bỏ những quyết định đó.

Trên cơ sở tiếp thu BLTTHS năm 2003, BLTTHS năm 2015 quy định cụ thể và tách bạch những căn cứ để bổ sung, thay đổi quyết định khởi tố bị can. Theo đó, tại Điều 180 BLTTHS năm 2015, quy định Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát thay đổi quyết định khởi tố bị can trong hai trường hợp: (1) khi tiến hành điều tra xác định hành vi của bị can không phạm vào tội đã bị khởi tố; (2) Quyết định khởi tố ghi không đúng họ, tên, tuổi, nhân thân của bị can. Đồng thời, quy định Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát phải bổ sung quyết định khởi tố bị can nếu có căn cứ xác định bị can còn thực hiện hành vi khác mà Bộ luật hình sự quy định là tội phạm.

Đây là quy định cần thiết và hợp lý với cơ chế kiểm sát chặt chẽ sẽ đảm bảo tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật trong quá trình tố tụng, bảo vệ quyền và lợi ích của người được cho là thực hiện hành vi phạm tội, vì ban đầu có thể chưa đủ căn cứ để khẳng định chính xác tội danh, các yếu tố thuộc về người được cho là đã thực hiện hành vi phạm tội. Trong trường hợp hành vi của bị can phạm vào tội khác thì phải ra quyết định thay đổi quyết định khởi tố bị can về tội danh mới để điều tra, đảm bảo cho việc chứng minh tội phạm đúng pháp luật và bảo đảm quyền bào chữa của người phạm tội. Trường hợp bị can còn có hành vi phạm tội khác thì phải bổ sung quyết định khởi tố bị can để đảm bảo không bỏ lọt hành vi phạm tội.

Hai là, quyền yêu cầu Cơ quan điều tra khởi tố bị can

Cùng với việc quy định về thẩm quyền của Viện kiểm sát trong việc quyết định phê chuẩn hoặc không phê chuẩn quyết định khởi tố bị can, quyết định thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố bị can, BLTTHS năm 2003 đã quy định quyền yêu cầu của Viện kiểm sát trong việc khởi tố bị can, quyết định thay đổi quyết định khởi tố bị can đối với Cơ quan điều tra, cụ thể: Trong quá trình điều tra vụ án hình sự, khi phát hiện có người đã thực hiện hành vi phạm tội chưa bị khởi tố để điều tra thì Viện kiểm sát

yêu cầu Cơ quan điều tra ra quyết định khởi tố bị can (khoản 5 Điều 127 BLTTHS năm 2003).

Ba là, trực tiếp ra quyết định khởi tố bị can, quyết định thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố bị can

Khởi tố bị can là hoạt động tố tụng của Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát đối với một người cụ thể để tiến hành điều tra đối với người đó. Việc khởi tố bị can có ý nghĩa rất quan trọng, cho phép Cơ quan điều tra có thẩm quyền áp dụng các biện pháp ngăn chặn, các biện pháp điều tra đối với bị can để làm rõ tính chất, mức độ phạm tội của họ đến đâu, phù hợp với điều, khoản nào của BLHS. Theo quy định tại Điều 126 BLTTHS năm 2003, quyền khởi tố bị can trong giai đoạn điều tra chỉ thuộc về Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát chỉ có quyền khởi tố bị can trong trường hợp sau khi nhận hồ sơ và bản kết luận điều tra phát hiện có người khác đã thực hiện hành vi phạm tội trong vụ án chưa được khởi tố.

Nhằm đảm bảo tính kịp thời trong việc xử lý tội phạm và người phạm tội, thực hiện chủ trương gắn công tố với hoạt động điều tra; đảm bảo không trùng lặp trong quy định về khởi tố bị can khi phát hiện hành vi phạm tội mới sau khi nhận được kết luận điều tra và trường hợp trả hồ sơ để điều tra bổ sung, BLTTHS năm 2015, quy định khi thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự, Viện kiểm sát có quyền khởi tố bị can trong trường hợp phát hiện có người đã thực hiện hành vi mà BLHS quy định là tội phạm chưa bị khởi tố để điều tra mà Viện kiểm sát đã yêu cầu Cơ quan điều tra ra quyết định khởi tố bị can nhưng không thực hiện; trường hợp sau khi nhận hồ sơ và kết luận điều tra nếu Viện kiểm sát phát hiện có người khác đã thực hiện hành vi mà BLHS quy định là tội phạm trong vụ án chưa bị khởi tố thì Viện kiểm sát ra quyết định khởi tố bị can và trả hồ sơ cho Cơ quan điều tra để điều tra bổ sung. Quy định như trên là phù hợp, đảm bảo nâng cao trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra, gắn công tố với hoạt động điều tra nhằm chống bỏ lọt tội phạm và người phạm tội. Ngoài ra, trường hợp Viện kiểm sát thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố bị can thì trong thời hạn 24 giờ kể từ ngày ra quyết định thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố bị can, Viện kiểm sát phải gửi quyết định đó đến Cơ quan điều tra để tiến hành điều tra (đoạn 2, khoản 2 Điều 127 BLTTHS năm 2003).

Qua các quy định trên cho thấy sự đề cao của pháp luật đối với vai trò của Viện

kiểm sát khi thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự, đặc biệt là trong việc phát động quyền công tố, khởi đầu cho quá trình buộc tội của Nhà nước đối với một đối tượng cụ thể, góp phần đảm bảo chất lượng, hiệu quả của việc xử lý tội phạm, nhằm không để bỏ lọt tội phạm và người phạm tội, không làm oan người vô tội. Mặc dù, BLTTHS năm 2015 đã bổ sung thẩm quyền khởi tố bị can trong trường hợp Viện kiểm sát trong giai đoạn điều tra phát hiện bỏ lọt tội phạm đã yêu cầu khởi tố bị can nhưng Cơ quan điều tra không thực hiện nhưng pháp luật chưa quy định cụ thể chế tài trong trường hợp Viện kiểm sát khởi tố bị can, chuyển cho Cơ quan điều tra để tiến hành điều tra theo thẩm quyền nhưng Cơ quan điều tra không thực hiện hoặc thực hiện nhưng không quyết liệt, thiếu trách nhiệm. Điều này là có cơ sở khi mà quyết định khởi tố bị can của Viện kiểm sát trong trường hợp này là kết quả của việc bất đồng quan điểm giữa hai cơ quan tố tụng trong việc xác định căn cứ để khởi tố bị can. Bên cạnh đó, việc BLTTHS năm 2015 vừa dành riêng một điều luật để quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát trong giai đoạn điều tra, vừa thể hiện những quyền này một cách cụ thể trong từng giai đoạn, từng hoạt động tố tụng, điều này tạo ra sự trùng lặp về nội dung của các điều luật, gây khó khăn trong việc xác định căn cứ pháp lý trong việc thực hiện các quyền luật định của Viện kiểm sát trong giai đoạn điều tra.

2.1.2. Quy định về biện pháp tố tụng cụ thể trong việc thực hành quyền công tố trong điều tra vụ án hình sự

2.1.2.1. Thực hành quyền công tố trong việc đề ra yêu cầu điều tra

Hoạt động thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát chính là việc thay mặt Nhà nước thực hiện quyền công tố, tức truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người đã thực hiện hành vi phạm tội nhằm không để lọt tội phạm và người phạm tội, nhưng cũng không làm oan người không có tội. Trong đó, thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự là hoạt động có ý nghĩa quyết định đối với kết quả của hoạt động công tố nói riêng và kết quả giải quyết vụ án hình sự nói chung. Vì vậy, pháp luật TTHS hiện hành trao cho Viện kiểm sát những quyền hạn đồng thời cũng là trách nhiệm lớn, trong việc phát động và chỉ đạo điều tra trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự. Vai trò chỉ đạo điều tra là trách nhiệm bao quát của Viện kiểm sát trong việc phối với Cơ quan điều tra để làm rõ sự thật khách quan và những tình tiết liên quan của vụ án. Điều này thể hiện qua việc từ khi khởi tố vụ án, khởi tố bị can và trong suốt quá

trình điều tra, Viện kiểm sát phải đề ra những yêu cầu điều tra để làm rõ tội phạm và người phạm tội (khoản 2 Điều 112 BLTTHS năm 2003). Đây là một nội dung quan trọng của thực hành quyền công tố, nhằm đảm bảo việc điều tra được khách quan, toàn diện và đầy đủ, tạo cơ sở vững chắc để Viện kiểm sát phê chuẩn, ra các quyết định tố tụng thuộc thẩm quyền bảo đảm có căn cứ và hợp pháp.

Nội dung yêu cầu điều tra có thể là nêu định hướng điều tra, nêu yêu cầu thu thập, củng cố chứng cứ để làm rõ sự thật vụ án, làm rõ hành vi phạm tội của bị can, mở rộng điều tra nhằm chống bỏ lọt tội phạm và người phạm tội. Hình thức yêu cầu điều tra có thể trao đổi trực tiếp hoặc bằng văn bản, được thực hiện từ khi Cơ quan điều tra tiến hành các biện pháp điều tra công khai theo quy định của BLTTHS, trong suốt quá trình kiểm sát điều tra hay trường hợp trả hồ sơ để điều tra bổ sung. Người đề ra yêu cầu điều tra có thể là Kiểm sát viên được phân công giải quyết vụ án hoặc lãnh đạo Viện kiểm sát. Yêu cầu điều tra bằng văn bản có thể thực hiện trong giai đoạn giải quyết nguồn tin về tội phạm - cơ sở cho việc quyết định khởi tố vụ án, văn bản này được gọi là yêu cầu xác minh bổ sung chứng cứ, tài liệu là căn cứ xem xét quyết định khởi tố hoặc quyết định không khởi tố vụ án[20, tr.50]; hoặc trong trường hợp Viện kiểm sát đã trao đổi nhiều lần nhưng không được Cơ quan điều tra thực hiện hoặc trong trường hợp Viện kiểm sát trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung. Yêu cầu điều tra bằng văn bản phải do lãnh đạo đơn vị kiểm sát xem xét, quyết định trên cơ sở báo cáo đề xuất của Kiểm sát viên được phân công giải quyết vụ án.

Cơ quan điều tra, Điều tra viên có trách nhiệm thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu điều tra của Viện kiểm sát, của Kiểm sát viên; nếu không thực hiện thì trong yêu cầu điều tra tiếp theo của Viện kiểm sát cần nêu rõ những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để lý giải về căn cứ, luận điểm vì sao phải điều tra những nội dung đã yêu cầu, kết luận để Điều tra viên phải tiến hành điều tra. Nếu Cơ quan điều tra không thực hiện những yêu cầu điều tra đó, thì Viện kiểm sát yêu cầu Cơ quan điều tra nêu rõ lý do trong bản Kết luận điều tra. Tuy nhiên, với quy định tại khoản 2 Điều 112 và Điều 114 BLTTHS năm 2003, và hiện nay là khoản 6 Điều 165 và Điều 167 BLTTHS năm 2015 vấn đề đặt ra là đối với những yêu cầu điều tra của Viện kiểm sát mà Cơ quan điều tra không đồng ý, thì họ có phải thực hiện không, và nếu bắt buộc họ phải thực hiện thì họ có quyền khiếu nại, kiến nghị cấp trên không, còn nếu họ không bắt buộc

phải chấp hành một cách đầy đủ thì biện pháp nào để bảo đảm giá trị của điều luật. Vì vậy, thiết nghĩ cần quy định trách nhiệm của Cơ quan điều tra đối với việc thực hiện các yêu cầu của Viện kiểm sát theo hướng đối với các yêu cầu điều tra của Viện kiểm sát có ý nghĩa đối với việc xác định có hay không hành vi cấu thành tội phạm, xác định tội danh của người thực hiện hành vi phạm tội thì Cơ quan điều tra bắt buộc phải thực hiện.

2.1.2.2. Thực hành quyền công tố trong việc trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra

Khi thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự, ngoài thẩm quyền yêu cầu Cơ quan điều tra tiến hành các hoạt động điều tra, Viện kiểm sát còn có quyền tiến hành một số hoạt động điều tra khi cần thiết (khoản 2 Điều 112 BLTTHS năm 2003). Hoạt động này là sự kế tiếp trong việc thực hiện quyền công tố của Viện kiểm sát trong giai đoạn điều tra sau những hoạt động mang tính phát động quyền công tố. Việc Viện kiểm sát tiến hành một số hoạt động điều tra khác với Cơ quan điều tra tiến hành điều tra toàn bộ vụ án[20, tr.51-52]. Mặc dù, quy định thẩm quyền tiến hành một số hoạt động điều tra của Viện kiểm sát trong giai đoạn điều tra nhưng BLTTHS năm 2003 đưa ra quy định thiếu cụ thể, dẫn đến việc áp dụng chưa thống nhất, cũng vì lý do này BLTTHS năm 2015 quy định cụ thể những trường hợp Viện kiểm sát tiến hành một số hoạt động điều tra nhằm cụ thể hóa trường hợp “khi xét thấy cần thiết” theo quy định BLTTHS năm 2003. Theo đó, việc tiến hành một số hoạt động điều tra của Viện kiểm sát như: Hỏi người bị giữ trong trường hợp có yêu cầu bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, hỏi cung bị can, lấy lời khai người làm chứng, lời khai người bị hại, đối chất, là để kiểm tra, thẩm định và củng cố tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem có căn cứ để ra những quyết định tố tụng thuộc thẩm quyền của Viện kiểm sát (như phê chuẩn lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, phê chuẩn quyết định khởi tố bị can, gia hạn tạm giữ, bắt người để tạm giam...) hoặc trường hợp phát hiện có dấu hiệu oan sai, bỏ lọt tội phạm, vi phạm pháp luật mà Viện kiểm sát đã yêu cầu bằng văn bản nhưng không được khắc phục hoặc trường hợp bổ sung tài liệu, chứng cứ khi quyết định truy tố (khoản 7 Điều 165 BLTTHS năm 2015).

2.1.2.3. Thực hành quyền công tố trong việc quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn

Biện pháp ngăn chặn là biện pháp được quy định trong BLTTHS và được áp dụng đối với người bị buộc tội nhằm kịp thời ngăn chặn những hành vi nguy hiểm cho xã hội của họ, ngăn ngừa họ tiếp tục phạm tội hoặc có căn cứ chứng tỏ người bị buộc tội sẽ gây khó khăn cho việc điều tra, truy tố, xét xử hoặc để đảm bảo thi hành án. Là những biện pháp có tính chất cưỡng chế, do đó những biện pháp ngăn chặn luôn ảnh hưởng đến quyền nhân thân của người bị áp dụng. Vì vậy, để đảm bảo quyền con người, quyền công dân, BLTTHS cùng với việc quy định chặt chẽ về thủ tục, trình tự áp dụng các biện pháp ngăn chặn còn giao cho Viện kiểm sát có quyền đồng thời cũng là trách nhiệm thực hành công tố trong việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự. Vai trò quyết định của Viện kiểm sát trong việc thực hành quyền công tố đối với việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn thể hiện chủ yếu dưới hai hình thức: *một là*, Viện kiểm sát phê chuẩn hoặc hủy bỏ việc áp dụng biện pháp ngăn chặn của Cơ quan điều tra; *hai là*, Viện kiểm sát có quyền trực tiếp hoặc yêu cầu Cơ quan điều tra áp dụng, thay đổi, hủy bỏ việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn, cụ thể:

- Quyền phê chuẩn, hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn đã được Cơ quan điều tra áp dụng: BLTTHS năm 2003 quy định việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn như bắt bị can để tạm giam, tạm giam bị can phải được Viện kiểm sát phê chuẩn trước khi thi hành; đồng thời, việc gia hạn tạm giữ, gia hạn tạm giam, đặt tiền hoặc tài sản để bảo đảm cũng phải có sự phê chuẩn của Viện kiểm sát đối với từng trường hợp, từng đối tượng cụ thể. Riêng trường hợp bắt người trong trường hợp khẩn cấp do Cơ quan điều tra chủ động tiến hành sau đó Viện kiểm sát phê chuẩn sau.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 81 BLTTHS năm 2003, quy định việc bắt người trong trường hợp khẩn cấp phải được báo ngay cho Viện kiểm sát cùng cấp bằng văn bản cùng với các tài liệu liên quan đến việc bắt khẩn cấp để xét phê chuẩn. Khi được Cơ quan điều tra hoặc người có thẩm quyền được quy định tại khoản 2 Điều 81 BLTTHS năm 2003 ban hành thì lệnh bắt khẩn cấp có hiệu lực và được thi hành ngay nhưng để nó tiếp tục còn hiệu lực thì cần phải được Viện kiểm sát phê chuẩn bởi đây là biện pháp ngăn chặn ảnh hưởng trực tiếp đến quyền tự do, một trong những

quyền nhân thân căn bản của người bị áp dụng. Khi nhận được đề nghị phê chuẩn của Cơ quan điều tra, người có thẩm quyền ra lệnh này, Viện kiểm sát phải kiểm tra tính có căn cứ và đúng pháp luật rồi từ đó quyết định phê chuẩn hoặc không phê chuẩn. Trong trường hợp cần thiết để đảm bảo tính có căn cứ trong quyết định tố tụng của mình, Viện kiểm sát (trực tiếp là Kiểm sát viên) phải trực tiếp gặp, hỏi người bị bắt trước khi quyết định phê chuẩn hoặc không phê chuẩn lệnh bắt khẩn cấp (đoạn 2 khoản 4 Điều 81 BLTTHS năm 2003).

Hiện nay, BLTTHS năm 2015 đã được Quốc hội thông qua quy định biện pháp bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp chỉ được thực hiện khi được Viện kiểm sát phê chuẩn. Theo đó, trong thời hạn 12 giờ kể từ ngày giữ người trong trường hợp khẩn cấp hoặc nhận người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp thì Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra phải ra lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp hoặc trả tự do cho họ. Lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp bắt khẩn cấp phải gửi ngay cho Viện kiểm sát cùng cấp kèm theo tài liệu liên quan đến việc giữ người để xét phê chuẩn trước khi thi hành. Theo đó, Quyết định phê chuẩn lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp của Viện kiểm sát theo quy định BLTTHS năm 2015 có giá trị hiệu lực đối với lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp.

Sự thay đổi trên xuất phát từ việc nhìn nhận rằng cần thiết phải có cơ chế chặt chẽ, công khai để bảo vệ các quyền tự do của con người. Đồng thời, việc quy định quyết định phê chuẩn của Viện kiểm sát là điều kiện có hiệu lực của lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp cũng khắc phục những bất cập trong quá trình áp dụng pháp luật, đảm bảo nguyên tắc bảo đảm bất khả xâm phạm về thân thể [25, Điều 20] “*không ai bị bắt giữ nếu không có quyết định của Tòa án, quyết định hoặc phê chuẩn của Viện kiểm sát, trừ trường hợp phạm tội quả tang*” (Điều 10 BLTTHS năm 2015).

Ngoài ra, theo quy định điểm d, khoản 1 Điều 80 BLTTHS năm 2003, Viện kiểm sát có quyền phê chuẩn việc áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt bị can để tạm giam theo đề nghị của Cơ quan điều tra. Sau khi Thủ trưởng, Phó thủ trưởng Cơ quan điều tra các cấp ban hành lệnh bắt bị can để tạm giam thì lệnh này chưa có hiệu lực để thi hành. BLTTHS năm 2003 quy định lệnh bắt bị can để tạm giam của Cơ quan điều tra

phải được Viện kiểm sát cùng cấp phê chuẩn trước khi thi hành. Theo đó, sau khi ban hành thì Cơ quan điều tra phải chuyển ngay lệnh bắt này cùng với các tài liệu liên quan đến việc ban hành biện pháp ngăn chặn đến Viện kiểm sát cùng cấp để xét phê chuẩn. Khi nhận được đề nghị phê chuẩn lệnh bắt bị can để tạm giam cùng các tài liệu liên quan, Viện kiểm sát phải kiểm tra tính có căn cứ, cần thiết và đúng pháp luật của lệnh bắt người và các tài liệu kèm theo để từ đó ra quyết định phê chuẩn hoặc quyết định không phê chuẩn. Mọi trường hợp bắt bị can để tạm giam khi chưa có quyết định phê chuẩn của Viện kiểm sát đều là trái pháp luật. Quy định trên là tiến bộ, bảo đảm quyền con người, quyền công dân của người bị áp dụng biện pháp ngăn chặn, hiện nay đã được BLTTHS năm 2015 tiếp tục kế thừa.

Biện pháp ngăn chặn tạm giữ được BLTTHS năm 2003 quy định cho Cơ quan điều tra chủ động tiến hành nhưng việc gia hạn quyết định tạm giữ của Cơ quan điều tra phải được Viện kiểm sát cùng cấp phê chuẩn trước khi áp dụng. Theo quy định tại Điều 87 BLTTHS năm 2003, khi gần hết thời hạn tạm giữ Cơ quan điều tra xét thấy cần thiết phải kéo dài việc áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ để thu thập thêm tài liệu, chứng cứ nhằm quyết định việc khởi tố bị can thì Cơ quan điều tra ra quyết định gia hạn tạm giữ. Do vậy, khi nhận được đề nghị gia hạn tạm giữ của người có thẩm quyền ra quyết định tạm giữ, Viện kiểm sát phải kiểm tra tính có căn cứ, cần thiết và hợp pháp của việc gia hạn tạm giữ để có cơ sở cho việc ra quyết định phê chuẩn gia hạn tạm giữ hoặc quyết định không phê chuẩn gia hạn tạm giữ. Trong khi tạm giữ nếu không đủ căn cứ khởi tố bị can thì Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra phải trả tự do ngay cho người bị tạm giữ; trường hợp Viện kiểm sát đã phê chuẩn quyết định gia hạn tạm giữ thì Viện kiểm sát ra quyết định trả tự do ngay cho người bị tạm giữ (Điều 86 BLTTHS năm 2003).

Khoản 3 Điều 88 BLTTHS năm 2003 quy định khi Thủ trưởng, Phó thủ trưởng Cơ quan điều tra quyết định khởi tố bị can và áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam đối với bị can phải được Viện kiểm sát phê chuẩn trước khi thi hành. Theo đó, trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được lệnh tạm giam, đề nghị phê chuẩn lệnh và hồ sơ liên quan đến việc phê chuẩn, Viện kiểm sát phải ra quyết định phê chuẩn hoặc quyết định không phê chuẩn lệnh tạm giam.

Ngoài ra, theo quy định tại Điều 93 BLTTHS năm 2003, khi tiến hành điều tra

vụ án hình sự, Cơ quan điều tra có quyền áp dụng biện pháp ngăn chặn đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để bảo đảm đối với bị can đã bị khởi tố vụ án hình sự để thay thế biện pháp tạm giam. Đồng thời, quy định quyết định áp dụng biện pháp ngăn chặn này của Cơ quan điều tra phải được Viện kiểm sát phê chuẩn trước khi thi hành nhằm tạo ra cơ chế chặt chẽ, công khai giúp bảo đảm quyền sở hữu về tài sản của người bị khởi tố hình sự. Do vậy, khi xem xét phê chuẩn áp dụng biện pháp ngăn chặn này theo đề nghị của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát phải xem xét điều kiện kinh tế của bị can để đảm bảo biện pháp ngăn chặn không đưa bị can vào tình trạng không thể thực hiện được (yêu cầu đặt tiền hoặc tài sản có giá trị vượt khả năng của bị can) hoặc số tiền, tài sản có trị giá nhỏ so với khả năng kinh tế thực tế của bị can dẫn đến bị can có thể bỏ trốn gây khó khăn cho quá trình điều tra, truy tố, xét xử. Trong thực tiễn thi hành BLTTHS năm 2003, biện pháp ngăn chặn này ít được áp dụng do khó khăn trong việc xác định mức tiền, giá trị tài sản để bảo đảm cho phù hợp với hành vi phạm tội cũng như đảm bảo tương xứng với tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, khả năng tài chính của người đã thực hiện hành vi phạm tội. Nhằm phần nào giải quyết những vướng mắc nêu trên BLTTHS năm 2015 chỉ quy định sử dụng tiền là tài sản để bảo đảm [8, tr.254] đối với bị can để thay thế biện pháp tạm giam. Bên cạnh biện pháp ngăn chặn đặt tiền để bảo đảm, hiện nay theo quy định tại khoản 4 Điều 121 BLTTHS năm 2015 bổ sung trường hợp áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh cũng cần phải có sự phê chuẩn của Viện kiểm sát trước khi thi hành.

- Quyền trực tiếp ra quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ việc áp dụng biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự.

Trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự, Viện kiểm sát không tự mình ra quyết định áp dụng các biện pháp ngăn chặn mà chủ yếu là phê chuẩn lệnh của Cơ quan điều tra. Bên cạnh quyền xét phê chuẩn việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn, Viện kiểm sát còn có quyền quyết định thay đổi (thay thế) biện pháp ngăn chặn, hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn trong trường hợp nhất định. Quyết định thay đổi hoặc hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn được hiểu như sau:

+ Quyết định thay đổi biện pháp ngăn chặn, được hiểu là trường hợp khi Cơ quan điều tra đã áp dụng một biện pháp ngăn chặn đối với bị can nhưng Viện kiểm sát xét thấy cần thiết và có căn cứ phải chuyển sang áp dụng một biện pháp ngăn chặn khác

đối với người phạm tội, hoặc theo sự đề nghị của Cơ quan điều tra, biện pháp ngăn chặn thay thế có thể là biện pháp ngăn chặn ít nghiêm trọng hơn hoặc nghiêm khắc hơn như bị can đang bị tạm giam được bảo lãnh, cấm đi khỏi nơi cư trú, đặt tiền để bảo đảm. Ngược lại, có trường hợp áp dụng biện pháp tạm giam đối với bị can đang áp dụng biện pháp bảo lãnh, cấm đi khỏi nơi cư trú nhưng đã vi phạm các nghĩa vụ cam đoan.

+ Quyết định hủy bỏ biện pháp ngăn chặn là trường hợp bị can đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn thì không áp dụng biện pháp ngăn chặn nữa, như hủy bỏ biện pháp tạm giam và trả tự do ngay cho bị can trong trường hợp bị can không phạm tội.

+ Ngoài ra, khi đình chỉ điều tra thì mọi biện pháp ngăn chặn đã áp dụng đều bị hủy bỏ. Theo khoản 1 Điều 94 BLTTHS năm 2003, trong trường hợp đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án, thì mọi biện pháp ngăn chặn đều phải được hủy bỏ. Trong giai đoạn điều tra đối với những biện pháp ngăn chặn do Viện kiểm sát phê chuẩn, thì việc hủy bỏ hoặc thay thế phải do Viện kiểm sát quyết định (khoản 2 Điều 94 BLTTHS năm 2003).

Với những quy định trên, có thể thấy pháp luật quy định rõ quyền đồng thời cũng là trách nhiệm pháp lý của Viện kiểm sát trong việc bảo đảm các quyền tự do, dân chủ của con người, của công dân theo quy định của pháp luật trong việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự.

2.1.2.4. Quyền hủy bỏ các quyết định của Cơ quan điều tra và yêu cầu truy nã bị can

Trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự, pháp luật quy định Viện kiểm sát có quyền đồng thời cũng là trách nhiệm trong việc quyết định phê chuẩn hoặc không phê chuẩn các quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, thực hành quyền công tố trong việc trực tiếp ban hành các quyết định tố tụng và tiến hành một số hoạt động điều tra trong giai đoạn điều tra. Bên cạnh đó, có một số quyết định tố tụng pháp luật cho phép Cơ quan điều tra chủ động trong việc ban hành, tuy nhiên pháp luật cũng tạo ra cơ chế kiểm sát trong việc ban hành và thi hành các quyết định này. Theo đó, pháp luật TTHS quy định Viện kiểm sát tuy không phê chuẩn các quyết định, lệnh của Cơ quan điều tra nhưng có thẩm quyền kiểm tra tính có căn cứ và đúng pháp luật của các quyết định, lệnh này. Từ đó, nếu xét thấy các quyết định, lệnh của Cơ quan điều tra có căn cứ và

hợp pháp thì Viện kiểm sát thể hiện quan điểm đồng ý thông qua kết luận kiểm sát đối với quyết định không khởi tố vụ án, quyết định tạm đình chỉ, đình chỉ; ban hành yêu cầu điều tra đối với quyết định khởi tố vụ án. Nếu thấy các quyết định, lệnh của Cơ quan điều tra không có căn cứ và trái pháp luật thì Viện kiểm sát hủy bỏ các quyết định tố tụng này. Trong mọi trường hợp hủy bỏ các quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát phải nêu rõ lý do trong quyết định hủy bỏ (khoản 5 Điều 112 BLTTHS năm 2003).

Ngoài ra, theo quy định tại điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 36 và khoản 3 Điều 112 BLTTHS năm 2003 thì quyền yêu cầu Thủ trưởng Cơ quan điều tra thay đổi Điều tra viên thuộc nội dung quyền công tố trong giai đoạn điều tra, quy định này nhằm đảm bảo quá trình điều tra vụ án hình sự được tiến hành một cách khách quan, toàn diện và đúng pháp luật. Tuy nhiên, xét về tính chất của quyền năng này thấy rằng đây không phải là việc sử dụng quyền năng pháp lý để truy cứu trách nhiệm sự đối với tội phạm và người phạm tội. Mục đích của quyền năng pháp lý này chủ yếu hướng đến đảm bảo tính đúng đắn của hoạt động tư pháp, hướng đến sự tuân thủ pháp luật trong giai đoạn điều tra. Hiện nay, theo quy định của BLTTHS năm 2015, thẩm quyền thay đổi Điều tra viên đã được quy định thuộc chức năng kiểm sát hoạt động tư pháp (khoản 7 Điều 166 BLTTHS năm 2015).

2.1.3. Quy định quyền quyết định tiếp tục, tạm dừng hoặc chấm dứt hoạt động tố tụng trong giai đoạn điều tra

Tiếp tục, tạm dừng hay chấm dứt thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra bao gồm các hoạt động của Viện kiểm sát liên quan đến tạm đình chỉ điều tra, đình chỉ điều tra hay quyết định truy tố bị can theo quy định của pháp luật.

Khi thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra Viện kiểm sát có trách nhiệm trong việc tạm dừng hoạt động điều tra, tức Viện kiểm sát phải có trách nhiệm trong việc bảo đảm quyết định tạm đình chỉ điều tra của Cơ quan điều tra là có căn cứ, đúng pháp luật. Để thực hiện tốt yêu cầu này, trong quá trình thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra Viện kiểm sát phải kiểm sát chặt chẽ việc ban hành các quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, trong đó có quyết định tạm đình chỉ điều tra. Theo quy định tại khoản 1 Điều 160 BLTTHS năm 2003, Cơ quan điều tra chỉ có quyền ra quyết định tạm đình chỉ điều tra khi bị can bị bệnh tâm thần hoặc bệnh hiểm nghèo

khác có chứng nhận của Hội đồng giám định pháp y, hoặc trường hợp chưa xác định được bị can hoặc không biết bị can ở đâu hoặc trong trường hợp đã trưng cầu giám định nhưng chưa có kết quả giám định mà hết thời hạn điều tra. Đối với trường hợp không biết được bị can là ai hoặc chưa xác định rõ bị can ở đâu mà thời hạn điều tra đã hết thì Cơ quan điều tra có thể ra quyết định tạm đình chỉ với điều kiện đã phát truy nã đối với bị can. Trường hợp, Cơ quan điều tra chưa ban hành lệnh truy nã thì Viện kiểm sát yêu cầu Cơ quan điều tra ra lệnh truy nã đối với bị can.

Cơ quan điều tra phải gửi quyết định tạm đình chỉ điều tra cho Viện kiểm sát cùng cấp; nếu xét thấy quyết định tạm đình chỉ điều tra của Cơ quan điều tra không có căn cứ, trái pháp luật thì Viện kiểm sát yêu cầu Cơ quan điều tra hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ điều tra đồng thời phục hồi điều tra theo quy định tại Điều 165 BLTTHS năm 2003. Trong trường hợp Cơ quan điều tra không phục hồi điều tra theo yêu cầu của Viện kiểm sát thì Viện kiểm sát quyết định hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ và yêu cầu phục hồi điều tra (khoản 4 Điều 112 BLTTHS năm 2003).

Trong việc đình chỉ điều tra vụ án hình sự, theo BLTTHS năm 2003, Viện kiểm sát giữ quyền đồng thời cũng trách nhiệm quyết định. Theo đó, khi có những căn cứ tại khoản 1 Điều 164 BLTTHS năm 2003, Cơ quan điều tra ra quyết định đình chỉ điều tra vụ án hình sự. Sau khi ban hành quyết định đình chỉ điều tra vụ án hình sự, Cơ quan điều tra phải gửi quyết định cùng hồ sơ vụ án đến Viện kiểm sát, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được quyết định cùng hồ sơ vụ án, Viện kiểm sát thể hiện quan điểm đối với việc quyết định đình chỉ vụ án của Cơ quan điều tra. Nếu thấy quyết định đình chỉ của Cơ quan điều tra là có căn cứ, đúng pháp luật thì Viện kiểm sát ban hành kết luận kiểm sát và trả lại hồ sơ cho Cơ quan điều tra để giải quyết theo thẩm quyền; nếu xét thấy quyết định đình chỉ điều tra của Cơ quan điều tra không có căn cứ, trái pháp luật thì hủy bỏ quyết định đình chỉ, yêu cầu phục hồi điều tra, trường hợp có đủ căn cứ để truy tố thì Viện kiểm sát hủy bỏ quyết định đình chỉ điều tra, ra quyết định truy tố bị can (khoản 4 Điều 164 BLTTHS năm 2003). Quy định trên cho thấy, kể từ khi Cơ quan điều tra ra quyết định đình chỉ điều tra, thì hoạt động tố tụng điều tra tạm dừng nhưng hoạt động thực hành quyền công tố vẫn tiếp tục duy trì cho đến khi Viện kiểm sát chấp nhận quyết định đình chỉ điều tra là có căn cứ thông qua kết luận kiểm sát điều tra và chuyển hồ sơ cho Cơ quan điều tra giải quyết theo thẩm quyền; trường

hợp Viện kiểm sát hủy bỏ quyết định đình chỉ điều tra của Cơ quan điều tra vì không có căn cứ thì hoạt động tố tụng đối với vụ án vẫn tiếp tục vận hành. Như vậy, Cơ quan điều tra ra quyết định đình chỉ điều tra nhưng Viện kiểm sát mới là cơ quan có thẩm quyền quyết định cuối cùng việc dừng hoạt động điều tra vụ án, chấm dứt hoạt động tố tụng.

Trên đây là những quy định của BLTTHS năm 2003 về quyền hạn cũng là trách nhiệm của Viện kiểm sát trong quá trình thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự. Bên cạnh đó, những quy định của BLTTHS năm 2015 về vấn đề này vừa được Quốc hội thông qua đã góp phần giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của ngành KSND. Những sửa đổi, bổ sung của BLTTHS năm 2015 sẽ tạo cơ sở pháp lý vững chắc để Viện kiểm sát thực hiện tốt hơn nhiệm vụ được giao, góp phần vào công cuộc cải cách tư pháp theo tư tưởng chỉ đạo của Đảng. Tuy nhiên, những quy định của pháp luật liên quan đến công tác thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự vẫn còn có một số điểm bất hợp lý, chồng chéo, trùng lặp. Thiết nghĩ, trong những lần nghiên cứu hoàn thiện BLTTHS tiếp theo cần khắc phục những hạn chế thiếu sót đó, góp phần tạo nên những tác động tích cực từ yếu tố pháp luật để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thực hành quyền công tố nói chung và thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra nói riêng.

2.2. Thực trạng công tác thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm sở hữu từ thực tiễn tỉnh Bình Định

2.2.1. Các yếu tố ảnh hưởng đến thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm sở hữu từ thực tiễn tỉnh Bình Định

*** Yếu tố địa lý, kinh tế, xã hội ở tỉnh Bình Định**

Bình định là 1 trong 5 tỉnh, thành phố ở khu vực duyên hải Nam Trung Bộ, có diện tích tự nhiên là 6.025 km², tổng dân số hơn 1,5 triệu người; với mật độ là 247 người/km²; gồm 01 thành phố Quy Nhơn, 01 thị xã và 09 huyện, toàn tỉnh có 159 xã, phường và thị trấn; trung tâm hành chính của tỉnh là thành phố Quy Nhơn.

Lãnh thổ trải dài 118 km theo hướng Bắc - Nam, có chiều ngang hẹp trung bình là 55 km. Bình Định ở vị trí trung tâm của miền trung và cả nước, phía Bắc giáp tỉnh Quảng Ngãi, phía Nam giáp tỉnh Phú Yên, phía Tây giáp Tây Nguyên, phía Đông giáp Biển Đông, vừa có rừng vừa có biển thuận lợi cho hoạt động giao thông đường thủy.

Với vị trí đặc biệt đó, Bình Định có vai trò hết sức quan trọng trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của vùng kinh tế miền Trung - Tây Nguyên. Hệ thống Quốc lộ 1A, đường sắt xuyên việt, cùng với Quốc lộ 19, 19C lên Tây Nguyên và cảng biển nước sâu Quy Nhơn - Nhơn Hội với cầu vượt biển dài nhất Đông Nam Á tạo thành huyết mạch cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bình Định, miền Trung, Tây Nguyên cũng như khu vực tiểu vùng sông Mê Kông. Đồng thời, Bình Định còn có khu kinh tế Nhơn Hội góp phần đem đến cho Bình Định nhiều cơ hội đầu tư lẫn trong và ngoài nước. Trong những năm gần đây, với chính sách kêu gọi thu hút đầu tư phát triển kinh tế, đã có nhiều doanh nghiệp trong nước và ngoài nước ký kết đầu tư vào địa bàn tỉnh nên Bình Định đã có sự tăng trưởng kinh tế, phát triển về đời sống văn hóa. Số hộ có thu nhập ổn định tăng lên, số hộ nghèo giảm dần. Nhiều trường học, bệnh viện, các công trình phúc lợi văn hóa công cộng, hệ thống đường xá, điện, nước và đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân từng bước được nâng cao, trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Bên cạnh những thành tựu từ điều kiện kinh tế - xã hội đem lại cho tỉnh Bình Định thì biểu hiện của những hiện tượng tiêu cực, mặt trái của nền kinh tế thị trường đã tạo ra lối sống thực dụng, ích kỷ, tự do, coi thường kỷ cương, pháp luật của nhà nước, sự du nhập của văn hóa phẩm đồi trụy, độc hại cùng với các tệ nạn xã hội đang có xu hướng tăng nhanh đã tác động xấu đến một bộ phận, tầng lớp nhân dân trong xã hội, trở thành nguyên nhân làm phát sinh nhiều loại tội phạm hình sự trong đó đặc biệt là nhóm tội xâm phạm sở hữu.

*** Về Tổ chức VKSND ở tỉnh Bình Định**

Viện KSND tỉnh Bình Định được thành lập theo Quyết định số 176/QĐ-TC ngày 30/10/1975 của Thường vụ Tỉnh ủy Bình Định. Trong những năm đầu đổi mới, công tác kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong lĩnh vực hành chính, kinh tế, xã hội của VKSND theo Luật Tổ chức VKSND năm 1981 đã góp một phần không nhỏ trong công tác phòng ngừa vi phạm, đấu tranh với các loại tội phạm, góp phần bảo vệ tài sản của nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

Từ những ngày mới được thành lập (Tháng 10/1975), ngành KSND tỉnh Bình Định chỉ có 09 cán bộ, hầu hết được chuyển ngành từ quân đội và một số đồng chí được điều động từ VKSNDTC về; đến nay đã có 11 Phòng nghiệp vụ và 11 Viện KSND cấp huyện, với 234 cán bộ, Kiểm sát viên. Ngoài ra, ngành KSND tỉnh Bình

Định đã tiến hành công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý ở Viện KSND 2 cấp giai đoạn 2010-2015 và giai đoạn 2016-2021, giới thiệu lãnh đạo, quản lý VKSND 2 cấp tham gia vào nhân sự Ban chấp hành Đảng bộ cùng cấp nhiệm kỳ (2015-2020). Đặc biệt, trong năm 2014, 2015 đã kiện toàn bộ máy lãnh đạo VKSND tỉnh, gồm: Viện trưởng, 02 Phó Viện trưởng, trong đó có 01 Phó Viện trưởng bổ nhiệm theo Đề án tạo nguồn cán bộ lãnh đạo, quản lý trẻ.

Trong công tác thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra các vụ án hình sự xâm phạm sở hữu hiện nay tại VKSND tỉnh Bình Định được giao cho Phòng 3 - Phòng thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử sơ thẩm án hình sự về kinh tế, chức vụ và tham nhũng. Tại VKSND cấp huyện thuộc tỉnh Bình Định do bộ phận kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử các vụ án hình sự đảm nhận. Với tổ chức được kiện toàn theo quy định Luật tổ chức VKSND năm 2014, chức năng, nhiệm vụ được phân công, phân cấp rõ ràng, rạch ròi đã tạo điều kiện thuận lợi cho Viện KSND hai cấp tỉnh Bình Định thực hiện tốt chức năng thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra nói riêng và chức năng của ngành nói chung.

*** Chất lượng đội ngũ cán bộ, Kiểm sát viên làm công tác thực hành quyền công tố**

Cùng với việc thực hiện có hiệu quả chức năng, nhiệm vụ, kiện toàn và đổi mới tổ chức bộ máy, ngành KSND tỉnh Bình Định đã quan tâm, chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ, kiểm sát viên vững vàng về lập trường chính trị, giỏi về chuyên môn, nghiệp vụ, trong sáng về phẩm chất đạo đức theo lời dạy của Bác Hồ “Mỗi cán bộ kiểm sát phải: Công minh, chính trực, khách quan, thận trọng, khiêm tốn”. Đội ngũ cán bộ kiểm sát ngày càng được tăng cường về số lượng, nâng cao về chất lượng. Theo đó, trong tổng số 234 cán bộ đang công tác tại VKSND tỉnh Bình Định tính đến tháng 11 năm 2015 có 108 Kiểm sát viên (01 Kiểm sát viên cao cấp, 40 Kiểm sát viên trung cấp, 67 Kiểm sát viên sơ cấp). Trong đó, 80% cán bộ có trình độ Cử nhân, Trung - Cao cấp lý luận chính trị hoặc tương đương; 100% cán bộ, Kiểm sát viên làm công tác nghiệp vụ có trình độ Cử nhân luật, có 32 cán bộ, Kiểm sát viên đang theo học và đã tốt nghiệp Thạc sỹ trong và ngoài nước, chiếm tỷ lệ 14% cán bộ, công chức trong ngành. Đây là thuận lợi lớn về nguồn nhân lực để ngành KSND tỉnh Bình Định thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ được giao. Tuy nhiên, theo Quyết định số 53/QĐ-

VKSTC-V9 ngày 02 tháng 4 năm 2015 của Viện trưởng VKSNDTC về giao biên chế và số lượng Kiểm sát viên cho VKSND tỉnh Bình Định thì hiện nay Viện KSND tỉnh Bình Định còn thiếu 26 chỉ tiêu Kiểm sát viên cả trung cấp và sơ cấp. Ngoài ra, hiện nay Phòng 3 VKSND tỉnh Bình Định - đơn vị được giao thực hành quyền công tố trong trong giai đoạn điều tra các tội xâm phạm sở hữu thuộc thẩm quyền cấp tỉnh chỉ gồm 04 người, trong đó có 01 Trưởng phòng, 01 Phó trưởng phòng, 01 Kiểm sát viên trung cấp và 01 Kiểm tra viên. Ở các VKSND cấp huyện thuộc tỉnh Bình Định số lượng Kiểm sát viên còn thiếu, có nơi Kiểm sát viên cũng đồng thời là Lãnh đạo đơn vị, vừa đảm nhận công tác thực hành quyền công tố lẫn các công tác kiểm sát khác. Đây cũng là một trong những khó khăn, hạn chế ảnh hưởng đến chất lượng của công tác thực hành quyền công tố nói chung và thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm sở hữu từ thực tiễn tỉnh Bình Định.

*** Yếu tố xã hội ảnh hưởng đến công tác thực hành quyền công tố**

Từ thực tiễn công tác công tác thực hành quyền công tố nói chung và từ thực tiễn tỉnh Bình Định nói riêng cho thấy trong thời đại thông tin hiện nay, công luận và dư luận xã hội có một sức mạnh không nhỏ, nó tác động vào tâm tư, suy nghĩ, hành động của từng cá nhân, đối với hoạt động thực hành quyền công tố, việc áp dụng pháp luật của những người có thẩm quyền thực hành quyền công tố lại càng được công luận và dư luận xã hội quan tâm đặc biệt. Bởi vì, hoạt động thực hành quyền công tố là diễn đàn sinh động thể hiện tính pháp chế và dân chủ để bảo vệ lợi ích của Nhà nước, của tập thể và lợi ích hợp pháp của mọi công dân. Trên thực tế trường hợp công luận và dư luận xã hội phản ánh đúng đắn các tình tiết của vụ án, nhận định và bình luận một cách khách quan, không thiên vị để chờ phán quyết của cơ quan tiến hành tố tụng đã tạo điều kiện hết sức thuận lợi cho Kiểm sát viên thực hành quyền công tố. Ngược lại, có trường hợp công luận và dư luận xã hội phản ánh cả tình tiết, sự việc một cách phiến diện, hời hợt và chủ quan bình luận, bàn tán, nhận định một cách quá đà (khen hoặc chê; lên án hoặc bảo vệ quá mức) thì khi thực hành quyền công tố những người có thẩm quyền phải chịu một áp lực không nhỏ từ công luận và dư luận xã hội.

Ngoài ra, những người có thẩm quyền thực hành quyền công tố (Viện trưởng, Phó Viện trưởng, kiểm sát viên) của Viện kiểm sát ngoài quan hệ công tác còn có các mối quan hệ xã hội bình thường như những người bình thường khác như các quan hệ

gia đình, bạn bè, họ hàng, làng xóm... Tư tưởng nhờ vả vào người thân, hàng xóm láng giềng của mình quan tâm giải quyết những vụ án có lợi cho mình vẫn còn tồn tại khá phổ biến, đặc biệt là ở nông thôn nước ta hiện nay. Tư tưởng “một người làm quan cả họ được nhờ”, “nhất thân, nhì quen” đã ăn sâu vào trong suy nghĩ, hành động của đa số người dân Việt Nam và đã ảnh hưởng không tốt đến hoạt động thực hành quyền công tố của những người có thẩm quyền. Nếu họ không vững vàng, không kiên quyết bảo vệ pháp luật và sự công bằng, không thực hiện được tư tưởng “công pháp bất vi thân” thì chắc chắn các quyết định áp dụng pháp luật của họ khó đạt được các chuẩn mực cần thiết. Ngoài những người thân, bạn bè, làng xóm ra thì những người này cũng khó tránh khỏi sự nhờ vả của những người có chức, có quyền. Đặc biệt với cơ chế bổ nhiệm Kiểm sát viên theo nhiệm kỳ hiện nay thì sự phụ thuộc của Kiểm sát viên vào những người có chức, có quyền, thủ trưởng đơn vị là điều khó tránh khỏi.

2.2.2. Tình hình thực hiện công tác thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm sở hữu từ thực tiễn tỉnh Bình Định

2.2.2.1. Kết quả đạt được

Đánh giá đầy đủ, đúng đắn kết quả thực hành quyền công tố ở giai đoạn điều tra vụ án hình sự nói chung và đối với một nhóm tội phạm trên địa bàn tỉnh Bình Định là một vấn đề quan trọng nhằm tìm ra nguyên nhân của những kết quả đạt được cũng như những tồn tại, hạn chế để từ đó làm cơ sở cho việc đưa ra những giải pháp, những kiến nghị sát với thực tiễn, đảm bảo hiệu quả, nâng cao chất lượng hoạt động thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm sở hữu từ thực tiễn tỉnh Bình Định.

Trong những năm qua, hoạt động thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm sở hữu của VKSND tỉnh Bình Định có nhiều tiến bộ đáng kể. Mặc dù số lượng vụ án hình sự xảy ra đối với nhóm tội này qua các năm theo chiều hướng năm sau cao hơn năm trước, đồng thời, tính chất phức tạp, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm các tội này cũng tăng dần, nhưng hoạt động thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vẫn đạt kết quả tốt. Theo thống kê của VKSND tỉnh Bình Định thì từ ngày 01/12/2011 đến ngày 30/11/2015, Cơ quan điều tra hai cấp đã thụ lý giải quyết 1654 vụ/ 2931 bị can. Trong đó, năm 2011 các Cơ quan điều tra thụ lý 289 vụ/ 530 bị can; sang năm 2012, tình hình tội phạm xâm phạm sở hữu với chiều hướng

gia tăng, theo đó Cơ quan điều tra thụ lý giải quyết 300 vụ/ 584 bị can, tiếp đến năm 2014, 2015, lần lượt số vụ án, bị can là 331 vụ/ 605 bị can và 343 vụ/ 622 bị can [Biểu 1]. Để việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với tội phạm và người phạm tội đảm bảo có đủ căn cứ, đúng pháp luật, VKSND hai cấp đã chủ động thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn luật định trong giai đoạn điều tra một cách tích cực, chủ động. Điều đó được thể hiện trong một số kết quả sau:

Trước hết là hoạt động khởi tố vụ án hình sự: Trong thực tiễn giải quyết các vụ án xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Bình Định, Cơ quan điều tra là chủ thể trực tiếp tiến hành việc khởi tố vụ án hình sự để điều tra. Viện kiểm sát trong quá trình thực hiện chức năng công tố trong giai đoạn điều tra chủ yếu yêu cầu Cơ quan điều tra khởi tố vụ án, thay đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ quyết định khởi tố bị can, quyết định thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố bị can. Tuy nhiên, trong một số trường hợp vì lý do nào đó, Cơ quan điều tra không khởi tố vụ án nên Viện kiểm sát đã khởi tố vụ án hình sự và gửi cho Cơ quan điều tra để điều tra. Cụ thể, từ 01/12/2011 đến 30/11/2015 trong tổng số 1654 vụ Cơ quan điều tra thụ lý, có 04 vụ án Viện kiểm sát trực tiếp khởi tố; yêu cầu Cơ quan điều tra khởi tố, thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố 32 vụ, trong đó Cơ quan điều tra chấp thuận khởi tố 24 vụ án chiếm tỷ lệ 75%; hủy bỏ 12 quyết định khởi tố vụ án [Biểu 2].

Thực hành quyền công tố đối với việc khởi tố bị can: Trong thời điểm nghiên cứu, mỗi năm VKSND hai cấp tỉnh Bình Định đã trực tiếp khởi tố hoặc yêu cầu Cơ quan điều tra khởi tố một số bị can đối với nhóm tội xâm phạm sở hữu và đa số đều được Cơ quan điều tra chấp nhận. Ngoài ra, khi thực hành quyền công tố trong hoạt động phê chuẩn quyết định khởi tố bị can theo đề nghị của Cơ quan điều tra, VKSND hai cấp tỉnh Bình Định luôn kiểm tra các tài liệu, chứng cứ kèm theo hồ sơ đề nghị phê chuẩn để xem xét tính có căn cứ, đúng pháp luật của các quyết định này để ban hành quyết định tố tụng của mình. Qua kiểm tra, VKSND hai cấp tỉnh Bình Định đã phát hiện một số quyết định khởi tố bị can đề nghị phê chuẩn không có căn cứ, nên đã yêu cầu Cơ quan điều tra rút quyết định khởi tố bị can hoặc quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố bị can. Trong kì thống kê, đã có 16 quyết định không phê chuẩn quyết định khởi tố bị can đối với nhóm tội xâm phạm sở hữu; ra quyết định hủy 18 quyết định khởi tố bị can của Cơ quan điều tra. Qua thực tiễn thực hành quyền công tố nhận thấy,

các quyết định tố tụng thực hành quyền công tố nêu trên của VKSND hai cấp tỉnh Bình Định đều đúng pháp luật, chưa có quyết định nào bị VKSNDTC hủy bỏ theo quy định của pháp luật TTHS. Đây là thành tựu đáng ghi nhận của VKSND hai cấp tỉnh Bình Định trong thời gian qua. Cũng giống như đối với quyết định khởi tố vụ án, Viện kiểm sát khi thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Bình Định đã yêu cầu Cơ quan điều tra hai cấp thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố bị can khi phát hiện tội phạm đã bị khởi tố không đúng với hành vi phạm tội của bị can đã khởi tố hoặc ngoài tội phạm đang được khởi tố, điều tra, người phạm tội còn có hành vi khác đủ yếu tố cấu thành tội phạm và cần phải truy cứu trách nhiệm hình sự. Hiện nay, những hoạt động trên của VKSND tỉnh Bình Định chưa được cập nhật theo phần mềm thống kê VKSNDTC, nên chưa có số liệu cụ thể.

Thực tế giải quyết các vụ án hình sự liên quan đến nhóm tội xâm phạm sở hữu từ thực tiễn tỉnh Bình Định cho thấy, ngoài những vụ án đã rõ (bị can bị bắt quả tang, chứng cứ, lời khai hoàn toàn phù hợp lẫn nhau) thì Cơ quan điều tra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can ngay; còn đối với những vụ án phức tạp, còn nhiều ý kiến quan điểm khác nhau liên quan đến việc xác định giá trị của chứng cứ, liên quan đến xác định tội danh trong những vụ án thường xảy ra xung đột tội danh như “*Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” hay “*Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”; “*Tội công nhiên chiếm đoạt tài sản*” hay “*Tội trộm cắp tài sản*”; “*Tội cướp tài sản*” hay “*Tội cướp giật tài sản*”... Đối với những vụ án như vậy, Cơ quan điều tra đều cùng Viện kiểm sát trao đổi quan điểm xử lý trước khi quyết định khởi tố nhằm đảm bảo hai cơ quan cùng thực hiện tốt chức năng buộc tội, đồng thời để quá trình điều tra, truy tố đúng pháp luật, tránh oan, sai, bỏ lọt tội phạm. Thực tiễn thực hành quyền công tố tại tỉnh Bình Định cho thấy, ở nơi nào giữa Viện kiểm sát và Cơ quan điều tra có mối quan hệ phối hợp tốt; hai bên đều thiện chí phối hợp không có tư tưởng “*quyền anh, quyền tôi*” thì nơi đó kết quả công tác điều tra, xử lý tội phạm của Cơ quan điều tra cũng như công tác thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra của Viện kiểm sát đạt kết quả cao và ngược lại.

Ngoài ra, theo quy định BLTTHS năm 2003 thì thời hạn để Viện kiểm sát xem xét phê chuẩn quyết định khởi tố bị can, phê chuẩn quyết định thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố bị can là 03 ngày kể từ ngày nhận được quyết định tố tụng của Cơ quan

điều tra cùng các tài liệu làm căn cứ cho việc đề nghị phê chuẩn do Cơ quan điều tra chuyển đến. Thời hạn theo quy định trên là quá ngắn cho việc xem xét phê chuẩn trong các trường hợp phức tạp. Trên thực tế, trong những trường hợp này, Viện kiểm sát thường yêu cầu Cơ quan điều tra cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ làm cơ sở cho việc xét phê chuẩn quyết định khởi tố bị can mà ít có trường hợp thực hiện quyền trực tiếp điều tra.

Về thực hiện quyền đề ra yêu cầu điều tra: Khi thực hành quyền công tố trong việc thu thập chứng cứ, trên tinh thần tích cực, chủ động của các Kiểm sát viên được phân công nhiệm vụ thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra các vụ án hình sự xâm phạm sở hữu, VKSND hai cấp yêu cầu Kiểm sát viên tăng cường gắn công tố với hoạt động điều tra, đảm bảo kiểm sát chặt chẽ hoạt động điều tra ngay từ đầu để bảo đảm hiệu quả công tác thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra và cả trong một số hoạt động điều tra được tiến hành trước khi khởi tố vụ án. Thực tế, trong công tác thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra, khi nhận quyết định khởi tố vụ án, Kiểm sát viên được phân công thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra đối vụ án, trên cơ sở tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đều yêu cầu Cơ quan điều tra, cụ thể là Điều tra viên điều tra làm rõ các yếu tố cấu thành tội phạm đối với hành vi phạm tội của bị can, yêu cầu xem xét các yếu tố loại trừ yếu tố lỗi của bị can, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với họ. Trong mối quan hệ phối hợp giữa hai cơ quan tố tụng từ thực tiễn tỉnh Bình Định cho thấy các Kiểm sát viên thường xuyên yêu cầu điều tra trong quá trình tiến hành các hoạt động điều tra tra như khám nghiệm hiện trường, khám xét...bằng hình thức trực tiếp thông qua việc phối hợp tham gia cùng Cơ quan điều tra tiến hành các hoạt động điều tra này. Ngoài ra, đối với yêu cầu điều tra bằng văn bản thường được lãnh đạo Viện kiểm sát ban hành trong trường hợp yêu cầu điều tra của Kiểm sát viên không được Điều tra viên chấp hành hoặc trường hợp, những vấn đề cần điều tra làm rõ có ý nghĩa quan trọng đối với xác định có hay không hành vi phạm tội, các yếu tố cấu thành tội phạm...Hiện nay, chưa có thống kê cụ thể về bản yêu cầu điều tra của Viện kiểm sát đối với Cơ quan điều tra, tuy nhiên theo kết quả báo cáo nghiệp vụ hàng năm của Phòng 3- VKSND tỉnh Bình Định, đối với các vụ án xâm phạm sở hữu có trên 90% trên tổng số vụ án được khởi tố, điều tra VKSND hai cấp có yêu cầu điều tra.

Đối với quyền năng tiến hành một số hoạt động điều tra: Theo quy định BLTTHS năm 2003, Viện kiểm sát tiến hành điều tra trong trường hợp xét thấy cần thiết như hỏi cung bị can, lấy lời khai người làm chứng, bị hại, nguyên đơn dân sự... nhằm làm sáng tỏ sự thật khách quan của vụ án, làm căn cứ để ban hành các quyết định thuộc thẩm quyền. Hoạt động trực tiếp điều tra vụ án của Viện kiểm sát đối với các vụ án xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Bình Định chỉ mang tính chất thẩm tra lại các chứng cứ, tài liệu của vụ án làm cơ sở xem xét phê chuẩn các quyết định, lệnh theo đề nghị của Cơ quan điều tra. Thực tế cho thấy, ở những địa phương, đơn vị có số vụ án bình quân trên mỗi Kiểm sát viên thấp, thì Kiểm sát viên thường tích cực trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra để có cơ sở phê chuẩn các quyết định, lệnh của Cơ quan điều tra, ngược lại ở các địa phương có số lượng án thụ lý trên mỗi Kiểm sát viên hàng năm cao thì hoạt động trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra trong giai đoạn điều tra vụ án hạn chế hơn.

Về thực hiện quyền năng phê chuẩn, không phê chuẩn; áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ biện pháp ngăn chặn được quy định tại khoản 4 Điều 112 BLTTHS năm 2003: Thực tế hiện nay trong công tác giải quyết vụ án hình sự của Cơ quan điều tra trên địa bàn tỉnh Bình Định hay lạm dụng biện pháp bắt khẩn cấp khi tiến hành điều tra tội phạm. Có thể nói, Cơ quan điều tra có hướng lạm dụng biện pháp ngăn chặn để thay cho nghiệp vụ điều tra. Do đó, trong công tác thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự, Viện kiểm sát đã phải thực hiện đúng chức năng của mình, nhằm hạn chế, oan, sai, góp phần bảo vệ quyền con người trong TTHS. Theo đó, đối với những đề nghị áp dụng biện pháp ngăn chặn đối với nhóm tội xâm phạm sở hữu, nhất là biện pháp bắt người trong trường hợp khẩn cấp của Cơ quan điều tra và những người có thẩm quyền áp dụng biện pháp ngăn chặn này, VKSND hai cấp tỉnh Bình Định quán triệt sâu sắc việc thực hành quyền công tố trong áp dụng biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra, yêu cầu Kiểm sát viên được phân công thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra đối với vụ án phải kiểm tra tính có căn cứ và đánh giá tính cần thiết của việc áp dụng biện pháp ngăn chặn khi nhận được đề nghị phê chuẩn, đồng thời báo cáo lãnh đạo Viện để xem xét phê chuẩn. Nếu qua xem xét đề xuất của Kiểm sát viên cùng việc đánh giá tài liệu có trong hồ sơ đề nghị phê chuẩn thấy rằng biện pháp ngăn chặn được đề nghị áp dụng trong trường hợp này là cần thiết, đúng

pháp luật thì Viện kiểm sát ra quyết định phê chuẩn lệnh; nếu thấy đề nghị phê chuẩn không có căn cứ, trái pháp luật hoặc chưa cần thiết thì quyết định không phê chuẩn lệnh các biện pháp ngăn chặn và yêu cầu Cơ quan điều tra trả tự do cho người bị đề nghị áp dụng biện pháp ngăn chặn. Tuy nhiên, trên thực tế mặc dù pháp luật quy định Cơ quan điều tra có quyền chủ động ra lệnh bắt khẩn cấp, sau đó mới đề nghị Viện kiểm sát phê chuẩn nhưng tại các huyện có số lượng án ít, mối quan hệ giữa Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát tốt thì trước khi quyết định việc bắt khẩn cấp Thủ trưởng Cơ quan điều tra thường trao đổi trước với lãnh đạo Viện kiểm sát nhằm đảm bảo lệnh bắt người trong trường hợp khẩn cấp được Viện kiểm sát chấp thuận phê chuẩn. Theo số liệu thống kê của VKSND tỉnh Bình Định thì từ ngày 01/12/2011 đến 30/11/2015, VKSND hai cấp tỉnh Bình Định đã không phê chuẩn 17 Lệnh bắt khẩn cấp của Cơ quan điều tra và người có thẩm quyền ra Lệnh bắt khẩn cấp [Biểu 4].

Đối với quyền năng phê chuẩn việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn khác như Lệnh bắt người để tạm giam; quyết định gia hạn tạm giữ, gia hạn tạm giam hay việc áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam đối với bị can sau khi đã khởi tố phần lớn đều được Viện kiểm sát phê chuẩn, bởi vì các biện pháp này về cơ bản được áp dụng khi đã xác định được người thực hiện hành vi phạm tội cũng những tình tiết liên quan đến vụ án, bị can mà Cơ quan điều tra xét thấy cần phải áp dụng biện pháp ngăn chặn để đảm bảo cho quá trình điều tra, truy tố, xét xử. Đồng thời, đối với việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn này thì quyết định phê chuẩn Lệnh của Viện kiểm sát có giá trị hiệu lực đối với các biện pháp ngăn chặn được áp dụng, do đó Cơ quan điều tra thường trao đổi trước với Viện kiểm sát đối việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn này. Do vậy, so với việc không phê chuẩn lệnh bắt người trong trường hợp khẩn cấp đối với tội phạm xâm phạm sở hữu thì việc không phê chuẩn đề nghị áp dụng các biện pháp ngăn chặn này đối với nhóm tội xâm phạm cơ sở hữu chiếm số lượng ít hơn. Tuy nhiên, trong kỳ thống kê đã có 08 Lệnh bắt bị can để tạm giam của Cơ quan điều tra không được VKSND hai cấp tỉnh Bình Định phê chuẩn; 16 Lệnh gia hạn tạm giữ của Cơ quan điều tra và người có thẩm quyền ra quyết định tạm giữ không được Viện kiểm sát hai cấp phê chuẩn; 07 Lệnh tạm giam của Cơ quan điều tra đối với các bị can phạm tội xâm phạm sở hữu cũng không được Viện kiểm sát phê chuẩn [Biểu 3].

Trong trường hợp Viện kiểm sát không phê chuẩn biện pháp ngăn chặn bắt tạm

giám đối với bị can phạm tội xâm phạm sở hữu, VKSND hai cấp tỉnh Bình Định thường yêu cầu Cơ quan điều tra áp dụng các biện pháp ngăn chặn khác như bảo lãnh, đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để bảo đảm. Trong thời gian từ 01/12/2011 đến 30/11/2015 VKSND hai cấp tỉnh Bình Định đã không gia hạn tạm giam 09 trường hợp.

Về thẩm quyền hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn, các quyết định tố tụng không có căn cứ của Cơ quan điều tra theo quy định BLTTHS năm 2003: Theo số liệu thống kê của VKSND tỉnh Bình Định từ ngày 01/12/2011 đến ngày 30/11/2015, VKSND hai cấp tỉnh Bình Định đã ra quyết định hủy bỏ 14 quyết định tạm giữ của Cơ quan điều tra và những người có thẩm quyền ra quyết định này; quyết định hủy bỏ 12 quyết định khởi tố vụ án hình sự; 15 quyết định không khởi tố vụ án hình sự các tội xâm phạm sở hữu của Cơ quan điều tra [Biểu 4].

Với những nội dung trên cho thấy, trong những năm qua, chất lượng công tác thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra đối với các tội xâm phạm sở hữu của VKSND hai cấp tỉnh Bình Định từng bước được nâng cao, góp phần trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm. Đảm bảo mọi hành vi phạm tội xâm phạm sở hữu của người dân đều được xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật, tạo nên môi trường xã hội an ninh, ổn định. Cụ thể trong thời gian từ năm 2011 đến năm 2015, Cơ quan điều tra đã thụ lý 1654 vụ/ 2931 bị can; đã giải quyết được 1405 vụ/ 2682 bị can, đạt tỷ lệ 84,9%. Trong đó, số vụ án kết thúc điều tra đề nghị truy tố 1381 vụ/ 2643 bị can chiếm tỷ lệ 98,5% số án đã giải quyết; số vụ án đình chỉ điều tra là 23 vụ/ 39 bị can chiếm 1,5% số án đã giải quyết [Biểu 1]. Đạt được kết quả nêu trên xuất phát từ nhiều nguyên nhân trong đó không thể không kể đến việc Đảng, Nhà nước ta ngày càng quan tâm nhiều hơn đến công tác tư pháp, trong đó nhấn mạnh trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra.

2.2.2.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân trong công tác thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm sở hữu

- Những tồn tại, hạn chế trong hoạt động thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm sở hữu

Thứ nhất, VKSND hai cấp tỉnh Bình Định chưa thực hiện tốt việc xét phê chuẩn các biện pháp ngăn chặn trong các vụ án xâm phạm sở hữu, còn dễ xảy ra không ít trường hợp Cơ quan điều tra lạm dụng việc bắt khẩn cấp để dễ dàng cho quá trình

điều tra nhưng Viện kiểm sát vẫn phê chuẩn sau đó hành vi của các đối tượng được phê chuẩn bắt khẩn cấp không đủ yếu tố cấu thành tội phạm và người bị bắt được chuyển xử lý hành chính; hoặc cần áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam nhưng Cơ quan điều tra không ra lệnh và Viện kiểm sát cũng không có yêu cầu ra Lệnh tạm giam dẫn đến một số trường hợp bị can trốn phải ra lệnh truy nã và sau đó dẫn đến vụ án bị tạm đình chỉ; tình trạng tạm giữ quá hạn vẫn còn xảy ra ở một số nơi.

Theo thống kê của VKSND tỉnh Bình Định trong ba năm 2011, 2012, 2013 số người bị Cơ quan điều tra lạm dụng bắt khẩn cấp là 21 người; 14 trường hợp bắt quả tang không đúng pháp luật; việc lạm dụng bắt khẩn cấp chủ yếu vi phạm căn cứ để bắt khẩn cấp theo quy định tại khoản 1 Điều 81 BLTTHS năm 2003. Một số nơi Viện kiểm sát chưa kiểm sát đầy đủ, chặt chẽ các trường hợp bắt, giữ; chưa phối hợp với Cơ quan điều tra ngay từ đầu để xem xét, đánh giá các tài liệu, chứng cứ trước khi áp dụng các biện pháp ngăn chặn tạm giữ, dẫn đến có trường hợp tạm giữ 03 ngày sau đó phải trả tự do cho người bị bắt vì không đủ căn cứ khởi tố bị can. Từ việc quản lý, kiểm sát việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn thiếu chặt chẽ, đặc biệt là biện pháp bắt người trong trường hợp khẩn cấp, tạm giữ của một số Viện kiểm sát cấp huyện, đã dẫn đến có trường hợp Cơ quan điều tra chuyển hồ sơ đề nghị Viện kiểm sát phê chuẩn quyết định gia hạn tạm giữ thì Viện kiểm sát phê chuẩn, nhưng thực tế hành vi của những đối tượng xâm phạm sở hữu này chỉ đến mức bị xử lý vi phạm hành chính.

Việc lạm dụng biện pháp tạm giam còn xảy ra, Cơ quan điều tra thường sử dụng biện pháp tạm giam thay cho biện pháp nghiệp vụ điều tra; sử dụng biện pháp ngăn chặn để trấn áp tinh thần, buộc người thực hiện hành vi phạm tội khai nhận hành vi của họ. Do đó, tình trạng quá hạn tạm giam vẫn còn diễn ra, các bị can phạm tội xâm phạm sở hữu bị áp dụng biện pháp tạm giam theo căn cứ “*gây khó khăn, cản trở quá trình điều tra*” chiếm tỷ lệ trên 80%. Cũng giống như việc kiểm sát biện pháp bắt, tạm giữ, chất lượng phê chuẩn biện pháp ngăn chặn tạm giam của VKSND hai cấp tỉnh Bình Định còn hạn chế. Nhiều trường hợp không cần thiết tạm giam, vì người thực hiện hành vi xâm phạm sở hữu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng nhưng chỉ vì được triệu tập 02 lần không đến, Cơ quan điều tra liền áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam. Thực tế cho thấy, nhiều trường hợp các bị can được triệu tập không đến vì lý do lo sợ và không được sự hướng dẫn, động

viên chứ không nhằm mục đích trốn tránh hoặc gây cản trở cho quá trình điều tra.

Thứ hai, một số VKSND cấp huyện tỉnh Bình Định còn thụ động, chưa thể hiện vai trò quyết định trong việc khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can đối với nhóm tội xâm phạm sở hữu. Còn tình trạng Cơ quan điều tra khởi tố không đúng pháp luật nhưng Viện kiểm sát không kịp thời sử dụng quyền năng công tố để hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án mà vẫn để điều tra, sau đó phải đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án. Cũng có trường hợp, Viện kiểm sát đánh giá không đúng tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, do đó, yêu cầu Cơ quan điều tra khởi tố vụ án, khởi tố bị can nhưng không được Cơ quan điều tra chấp nhận. Theo số liệu thống kê của VKSND tỉnh Bình Định từ 01/12/2011 đến ngày 30/11/2015, VKSND hai cấp tỉnh Bình Định đã yêu cầu Cơ quan điều tra khởi tố 31 vụ án xâm phạm sở hữu, Cơ quan điều tra chỉ chấp nhận 17 vụ còn 14 vụ Cơ quan điều tra không chấp nhận. Đây là một hạn chế trong công tác thực hành quyền công tố đối với các tội xâm phạm sở hữu, điều này xuất từ những nguyên nhân khác nhau, đó có thể là từ nhận thức chưa đúng, chưa đầy đủ quy định pháp luật của Kiểm sát viên, dẫn đến đưa ra yêu cầu không phù hợp, trái pháp luật nên không được Cơ quan điều tra chấp nhận; đó cũng có thể là từ nhận thức, trình độ hạn chế của Điều tra viên, những người có thẩm quyền của Cơ quan điều tra; ngoài ra, hạn chế nêu trên cũng xuất phát từ mối quan hệ không tốt giữa Cơ quan điều tra và Viện Kiểm sát. Theo đó, Cơ quan điều tra không muốn chấp hành yêu cầu của Viện kiểm sát, mà thường chú trọng tìm những căn cứ để từ chối yêu cầu.

Ngoài ra, trong công tác thực hành quyền công tố xuất phát nhận thức hạn chế quy định pháp luật dẫn đến nhiều trường hợp Cơ quan điều tra khởi tố vụ án, khởi tố bị can không đúng tinh thần của pháp luật hình sự nhưng Viện kiểm sát không xem xét chặt chẽ mà phê chuẩn quyết định khởi tố bị can; có nơi xảy ra trường hợp đối tượng chỉ lấy trộm 14 lon bia tiger, hay một số vật dụng có giá trị nhỏ nhưng do chưa được xóa án tích, đã bị xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp, nên Cơ quan điều tra khởi tố vụ án, khởi tố bị can về tội trộm cắp tài sản theo quy định tại điều 138 BLHS năm 1999 đề nghị Viện kiểm sát phê chuẩn và được chấp nhận. Điều này thể hiện sự cứng nhắc trong áp dụng pháp luật, vừa thể hiện sự yếu kém trong công tác thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm sở hữu. Bởi vì, theo quy định tại Điều 8 BLHS, để được coi là hành vi phạm tội xâm phạm sở hữu trước tiên hành vi ấy

phải là hành vi nguy hiểm đáng kể cho xã hội, đối với nhóm tội sở hữu thì hành vi đó phải xâm phạm nghiêm trọng đến quan hệ sở hữu được pháp luật hình sự bảo vệ. Trong tính huống trên mặt dù hành vi của đối tượng đầy đủ các yếu tố cấu thành tội phạm theo khoản 1 Điều 138 BLHS năm 1999, nhưng xét trên thực tế hành vi ấy chưa nguy hiểm, chưa xâm phạm nghiêm trọng đến quan hệ sở hữu. Rõ ràng với những trường hợp nêu trên thì các cơ quan tiến hành tố tụng có huynh hướng nặng nề về trừng trị để phục vụ nhiệm vụ chính trị địa phương hoặc có nhận thức sai lệch về yêu cầu phục vụ nhiệm vụ chính trị địa phương nên đã khởi tố, điều tra cả những trường hợp không đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự. Bên cạnh đó, cũng có trường hợp giữa Viện kiểm sát và Cơ quan không thống nhất trong việc định tội danh xuất phát từ nhận thức khác nhau của mỗi bên về quy định của pháp luật dẫn đến vụ án kéo dài và ảnh hưởng mối quan hệ giữa hai cơ quan tố tụng. Cụ thể trong thời gian gần đây thường xảy ra các vụ đánh ghen trên địa bàn tỉnh, trong quá trình đánh ghen, các bên dùng vũ lực tấn công lẫn nhau hoặc chỉ một bên chủ động thực hiện dẫn đến ngoài hậu quả là thương tích gây ra thì nhiều trường hợp các tài sản như điện thoại, tư trang cá nhân được mang bên mình bị đối phương dùng vũ lực làm rơi, và sau đó chiếm giữ. Cơ quan điều tra có nơi khởi tố vụ án, khởi tố bị can đề nghị phê chuẩn những người chiếm giữ tài sản trong trường hợp trên với tội danh cướp tài sản, có nơi với những tình tiết tương tự nêu trên lại khởi tố và đề nghị phê chuẩn đối với “Tội công nhiên chiếm đoạt tài sản”; có nơi lại khởi tố “Tội chiếm giữ tài sản trái phép” theo quy định tại Điều 141 BLHS năm 1999. Việc các Cơ quan điều tra định tội danh cướp tài sản trong tình huống trên là chưa xem xét đến mục đích của hành vi dùng vũ lực, đa số trường hợp đánh ghen thì mục đích của việc dùng vũ lực là nhằm gây tổn hại đến sức khỏe, danh dự, nhân phẩm chứ không nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản, do đó Cơ quan điều tra khởi tố và đề nghị phê chuẩn đối với tội cướp tài sản là chưa chính xác, Viện kiểm sát có thẩm quyền đã không phê chuẩn quyết định khởi tố bị can và yêu cầu Cơ quan điều tra hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án đối với tội này. Có Cơ quan điều tra xác định tội danh công nhiên chiếm đoạt tài sản trong trường hợp này, bởi theo quan điểm này, việc người bị hại khi bị dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực thường sẽ tạo nên tâm lý lo sợ trước sự uy hiếp, do đó trường hợp này họ coi như bị rơi vào tình trạng không thể quản lý, gìn giữ tài sản và đó là dấu hiệu pháp lý của tội công nhiên

chiếm đoạt tài sản. Theo quan điểm chúng tôi, việc định tội danh là công nhiên chiếm đoạt tài sản trong trường hợp này cũng đặt ra nhiều vấn đề, liệu rằng những trở ngại làm cho chủ sở hữu hoặc những người được giao quản lý tài sản không thể gìn giữ, quản lý tài sản của mình dẫn đến tài sản bị chiếm đoạt phải là những nguyên nhân khách quan, không có sự tác động của người thực hiện hành vi chiếm đoạt, hay chỉ cần bằng cách nào đó, người chủ sở hữu hoặc người được giao quản lý tài sản không thể gìn giữ, quản lý tài sản của mình dẫn đến bị ngang nhiên chiếm đoạt là đã đủ yếu tố cấu thành tội này? Chính quy định của pháp luật hình sự, cùng những cách hiểu khác nhau dẫn đến trong quá trình thực hành quyền công tố, có nơi chấp nhận phê chuẩn, có nơi từ chối phê chuẩn, yêu cầu hủy bỏ quyết định khởi tố. Một thực tế khác liên quan đến việc không thống nhất trong việc định tội danh đối với các tội xâm phạm sở hữu có dấu hiệu pháp lý dễ nhầm lẫn, trong đó có Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản (Điều 138 BLHS năm 1999) và Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản (Điều 140 BLHS năm 1999), đã xảy ra tình trạng áp dụng máy móc, chưa phù hợp với từng trường hợp cụ thể.

Thứ ba, tình trạng trả hồ sơ để điều tra bổ sung giữa các cơ quan tiến hành tố tụng tỉnh Bình Định tuy từng bước được hạn chế song chuyển biến còn chậm. Hàng năm vẫn còn số lượng án xâm phạm sở hữu bị trả hồ sơ điều tra bổ sung với số lượng nhiều so với các loại án khác và so với tổng số án thụ lý. Theo thống kê từ 01/12/2011 đến ngày 30/11/2015 có trên 57% số lượng án trả hồ sơ điều tra bổ sung thuộc về các vụ án xâm phạm sở hữu. Các lý do được đưa ra chủ yếu là thiếu chứng cứ quan trọng như: Chưa xác định hành vi, vai trò của từng người thực hiện tội phạm; chưa thu giữ được vật chứng; để lọt tội phạm; lọt hành vi phạm tội; khởi tố sai tội danh... Có những vụ án trả hồ sơ điều tra nhiều lần nhưng vẫn chưa đủ căn cứ kết tội. Theo số liệu thống kê, từ ngày 01/12/2011 đến ngày 30/11/2015, VKSND hai cấp tỉnh Bình Định đã quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung 26 vụ án xâm phạm sở hữu, trên tổng số 1382 vụ án mà Cơ quan điều tra đề nghị truy tố.

Thứ tư, những hạn chế, thiếu sót trên là một trong những nguyên nhân dẫn đến tỷ lệ các vụ án xâm phạm sở hữu đình chỉ còn nhiều. Chẳng hạn, tính từ ngày 01/12/2011 đến ngày 30/11/2015 VKSND hai cấp tỉnh Bình Định đã đình chỉ điều tra 23 vụ với 41 bị can [Biểu 1]. Qua phân tích cho thấy, số vụ án xâm phạm sở hữu bị đình chỉ không đúng quy định pháp luật chủ yếu là do đánh giá tính chất và mức độ

hành vi phạm tội không chính xác, dẫn đến đình chỉ vụ án, đình chỉ bị can cả những trường hợp rõ ràng phạm tội 6 vụ/ 13 bị can. Cùng với những thiếu sót trên, tình trạng dồn đẩy trách nhiệm giữa các cơ quan tiến hành tố tụng đối với những vụ án phức tạp, có vướng mắc làm ảnh hưởng đến thời hạn, chất lượng giải quyết các vụ án xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Bình Định.

- Nguyên nhân những tồn tại, hạn chế trong công tác thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm sở hữu

a. Nguyên nhân phát sinh từ những quy định của pháp luật

Tổng kết thực tiễn hơn 10 năm thi hành đã khẳng định vai trò của BLTTHS năm 2003 trong công cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm, góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ cuộc sống bình yên của nhân dân, tạo môi trường ổn định cho sự phát triển kinh tế - xã hội, hội nhập quốc tế. Mặc dù vậy, thực tiễn thi hành BLTTHS năm 2003 cũng bộc lộ những vướng mắc, bất cập gây ra những tồn tại, hạn chế trong công tác thực hành quyền công tố nói riêng và trong quá trình giải quyết vụ án nói chung, chủ yếu là: (1) Quy định làm hạn chế thẩm quyền khởi tố vụ án của Viện kiểm sát trong trường hợp xét thấy cần khởi tố vụ án để điều tra nhưng yêu cầu Cơ quan điều tra không thực hiện; không có cơ chế bảo đảm yêu cầu của Viện kiểm sát được Cơ quan điều tra thực hiện; (2) thời hạn tố tụng để Viện kiểm sát xem xét phê chuẩn các quyết định, lệnh của Cơ quan điều tra là quá ngắn đối với những vụ án có nhiều tình tiết phức tạp; (3) quy định thẩm quyền của Kiểm sát viên khi thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra quá ít, đồng thời pháp luật quy định khi thực hiện nhiệm vụ, Kiểm sát viên vừa phải tuân thủ theo quy định của pháp luật vừa phải tuân theo sự chỉ đạo của Viện trưởng VKSND các cấp, do vậy Kiểm sát viên thường mang tâm lý ỷ lại vào lãnh đạo, không chủ động trong việc thực hành quyền công tố trong các vụ án được phân công; (4) theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 88 BLTTHS năm 2003 về biện pháp ngăn chặn tạm giam, quy định này mang tính định tính, do đó Cơ quan điều tra thường lạm dụng việc áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam khi hợp thức hóa tài liệu, chứng cứ chứng minh bị can đã gây khó khăn, cản trở quá trình điều tra; (5) ngoài ra, BLTTHS năm 2003, không quy định thẩm quyền của Viện kiểm sát trong việc yêu cầu Cơ quan điều tra đình chỉ bị can; phục hồi điều tra vụ án, phục hồi điều tra bị can khi bắt được bị can, phát hiện lý do đình chỉ điều tra, tạm

đình chỉ điều tra không còn nên trong thực tế khi gặp những trường hợp này thì mỗi Viện kiểm sát trong tỉnh vận dụng một cách khác nhau; (6) một trong những khó khăn khi thực hành quyền công tố trong việc áp dụng biện pháp ngăn chặn chính là quy định của Điều 88 và Điều 303 BLTTHS năm 2003: Không được tạm giam những trường hợp bị can phạm tội ít nghiêm trọng mà BLHS quy định hình phạt tù từ hai năm trở xuống; bị can là người chưa thành niên phạm tội mà không xét đến nhân thân của họ.

b. Những nguyên nhân khác làm hạn chế hoạt động thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án án hình sự

Thứ nhất, một bộ phận Kiểm sát viên, cán bộ lãnh đạo của Viện kiểm sát chưa nhận thức đúng về quyền công tố cũng như trách nhiệm thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự xâm phạm sở hữu nói riêng và trong vụ án hình sự nói chung, về mối quan hệ giữa thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra. Từ đó xảy ra tình trạng Viện kiểm sát không phát huy hết chức năng, nhiệm vụ khi thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra; còn tình trạng thụ động, chờ việc của Cơ quan điều tra, lệ thuộc vào Cơ quan điều tra. Do đó, VKSND hai cấp tỉnh Bình Định chưa đáp ứng tốt yêu cầu, đòi hỏi đặt ra.

Năng lực và ý thức trách nhiệm của một bộ phận cán bộ, Kiểm sát viên làm công tác thực hành quyền công tố có trình độ chuyên môn yếu chưa đáp ứng yêu cầu. Trong khi đó, công tác bồi dưỡng, đào tạo của VKSND tỉnh Bình Định mặc dù đã được chú trọng và có những hiệu quả nhất định, tuy vậy về cơ bản vẫn chưa đáp ứng kịp thời với sự thay đổi của tình hình mới, khi mà các đạo luật về tư pháp cũng như những văn bản hướng dẫn thi hành liên tiếp được sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới; đồng thời tính chất, mức độ cũng như số lượng của các hành vi phạm tội nói chung và những hành vi xâm phạm quan hệ sở hữu nói riêng đang có sự thay đổi khó lường thì công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với công tác thực hành quyền công tố tỏ ra chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

Còn để xảy ra tình trạng trả hồ sơ để điều tra bổ sung, một nguyên nhân không thể phủ nhận, là do Viện kiểm sát còn buông lỏng trách nhiệm, không bám sát hoạt động thu thập chứng cứ, kiểm sát việc lập hồ sơ vụ án, xử lý vật chứng của Cơ quan điều tra. Có những trường hợp bị can được miễn trách nhiệm hình sự sau nhiều lần trả hồ sơ điều tra bổ sung do chứng cứ buộc tội yếu.

Thứ hai, quan hệ phối hợp trong giải quyết án trong nhiều trường hợp còn thiếu tính chặt chẽ, có trường hợp còn đùn đẩy trách nhiệm. Với tâm lý bảo đảm mối quan hệ giữa Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát, do đó không ít trường hợp phát hiện vi phạm của Cơ quan điều tra hay trường hợp thiếu cơ sở cho việc ban hành các văn bản tố tụng của Cơ quan điều tra nhưng Viện kiểm sát còn tư tưởng nể nang, né tránh, ngại va chạm, có nơi bỏ qua sai lầm, vi phạm nghiêm trọng của Cơ quan điều tra dẫn đến tình trạng vi phạm quyền tự do dân chủ của công dân, làm oan, sai, bỏ lọt tội phạm.

Thứ ba, xuất phát quy định của pháp luật về tổ chức bộ máy và cơ chế đảm bảo đấu tranh chống tội phạm còn thiếu đồng bộ, có điểm chưa hợp lý.

- Về tổ chức bộ máy của Cơ quan điều tra: Đối với nhóm tội xâm phạm sở hữu, tội phạm phần lớn thuộc thẩm quyền điều tra, giải quyết của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an nhân dân. Trước đây lực lượng điều tra tố tụng tách biệt với lực lượng trinh sát nhưng sau khi thực hiện Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự năm 2004, việc sát nhập hai lực lượng điều tra này dẫn đến công tác điều tra, lập hồ sơ vụ án theo quy định của pháp luật TTHS có nhiều thiếu sót, vi phạm. Ngoài ra, thực tiễn cho thấy việc chỉ đạo điều tra thường do Phó thủ trưởng Cơ quan điều tra tiến hành nên thường dẫn đến tình trạng lạm dụng phương thức điều tra trinh sát, chưa chú ý đến việc chuyên hóa chứng cứ nên gây khó khăn cho việc thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát.

- Trên thực tiễn điều tra tội phạm từ tỉnh Bình Định cho thấy cơ chế thực hiện và hiệu quả của công tác giám định tư pháp như: Giám định pháp y, dấu vết, giám định dấu vân tay... còn nhiều hạn chế, bất cập và thậm chí Cơ quan điều tra không tích cực quyết định trưng cầu giám định dấu vân tay của đối tượng phạm tội để lại hiện trường đối với các vụ án có tài sản bị chiếm đoạt mặc dù đủ định lượng cấu thành tội phạm nhưng giá trị không quá lớn. Điều này ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Bình Định.

- Về mối quan hệ giữa Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự: Như đề cập, mặc dù với những quy định của pháp luật TTHS cho thấy Cơ quan điều tra về cơ bản phải chịu sự chỉ đạo điều tra của Viện kiểm sát, theo đó các yêu cầu, quyết định của Viện kiểm sát phải được Cơ quan điều tra chấp hành. Nhưng pháp luật TTHS lại không quy định cơ chế ràng buộc trách nhiệm chấp hành của Cơ quan điều tra dẫn đến hiệu quả công tác thực hành quyền công tố trong giai

đoạn điều tra chưa được đảm bảo. Từ đó cho thấy, quy định pháp luật về mối quan hệ giữa Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát chưa thật sự chặt chẽ, chưa tạo cơ chế vững chắc để xây dựng mối quan hệ phối hợp phù hợp, mang lại hiệu quả trong công tác này. Với quy định pháp luật thiếu chặt chẽ như vậy trên thực tế dẫn đến nội dung điều tra, hướng điều tra như thế nào, những chứng cứ, tài liệu gì cần được thu thập chủ yếu do Điều tra viên tiến hành dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra. Rõ ràng quy định trách nhiệm công tố trong giai đoạn điều tra như BLTTHS năm 2003 làm cho Viện kiểm sát không thực quyền. Viện kiểm sát không thể theo sát vụ án ngay từ đầu, không thể tiếp cận các tài liệu, chứng cứ về nguồn tin về tội phạm, cũng như không thể thu thập chứng cứ về vụ việc có dấu hiệu tội phạm thì việc sử dụng quyền năng pháp lý của Viện kiểm sát trong việc khởi tố vụ án cũng như suốt quá trình điều tra tất nhiên sẽ không đảm bảo.

Ngoài ra, điều kiện làm việc, phương tiện kỹ thuật, kinh phí nghiệp vụ hạn chế, nghèo nàn cũng đã làm giảm hiệu quả, chất lượng cũng như tính kịp thời của hoạt động công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự; nhất là các điều kiện đảm bảo cho Kiểm sát viên khi trực tiếp tiến hành các hoạt động điều tra hay phối hợp với Cơ quan điều tra trong các hoạt động điều tra tiền khởi tố. Mặc dù, trong những năm gần đây Đảng, Nhà nước đã quan tâm hơn đến lĩnh vực tư pháp, trong đó có chú ý đến việc đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật của ngành KSND nhưng những quan tâm, hỗ trợ đó thật sự chưa đáp ứng về cơ bản những yêu cầu để đảm bảo nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố, cũng như đảm bảo thực hiện tốt chức năng của ngành KSND, góp phần cải cách tư pháp.

Thứ tư, cơ chế quản lý, điều hành việc giải quyết án hình sự của Viện kiểm sát luôn có sự biến động trong thời gian qua, Viện kiểm sát các cấp đã 05 lần thay đổi việc quản lý mô hình “*thông khâu*” và “*chuyên khâu*” giữa thực hành quyền công tố - kiểm sát điều tra với thực hành quyền công tố với kiểm sát xét xử sơ thẩm. Cho đến nay mỗi mô hình đều có những quan điểm với những căn cứ bảo vệ nhất định, và mỗi mô hình đều có hạt nhân hợp lý của riêng nó, nhưng theo quan điểm chúng tôi thì việc quản lý, giải quyết vụ án thông khâu, tức Kiểm sát viên được phân công sẽ tiến hành thực hành quyền công và kiểm sát việc giải quyết vụ án từ đầu đến khi kết thúc sẽ giúp cho Kiểm sát viên và cán bộ quản lý nắm vững các tình tiết, chứng cứ buộc tội và gỡ tội của vụ

án, theo đó thì chất lượng thực hành quyền công tố sẽ đạt kết quả cao hơn. Bên cạnh đó, thực tiễn công tác cán bộ trên địa bàn tỉnh Bình Định hiện nay cho thấy, xuất phát từ yêu cầu lãnh đạo của Đảng, hiện nay có một số cán bộ lãnh đạo của Viện kiểm sát hai cấp được luân chuyển từ các cơ quan khác trên địa bàn, những cán bộ lãnh đạo này thường chỉ có bằng Cử nhân Luật mà chưa kinh qua nghiệp vụ kiểm sát của Ngành, do đó chất lượng công tác chỉ đạo điều hành, chất lượng thực hành quyền công tố cũng bị ảnh hưởng đáng kể.

Thứ năm, hoạt động tổng kết thực tiễn, hướng dẫn chỉ đạo nghiệp vụ và đúc kết kinh nghiệm thành các chuyên đề tập huấn còn thiếu và yếu. Hoạt động này chưa được VKSND tỉnh Bình Định quan tâm thường xuyên, đúng mực. Đến nay, VKSND tỉnh Bình Định chưa có tổng kết đường lối nghiệp vụ công tố đối với từng loại tội phạm, các thông báo rút kinh nghiệm chưa được cập nhật và phổ biến kịp thời đến cán bộ, Kiểm sát viên thực hiện nhiệm vụ thực hành quyền công tố. Điều này dẫn đến những sai lầm tương tự trong các hoạt động tố tụng ở giai đoạn điều tra vụ án hình sự đã xảy ra trong thực tiễn; hoặc phát sinh trường hợp Viện kiểm sát cấp dưới khi có vướng mắc mới lúng túng thỉnh thị, xin đường lối giải quyết từ Viện kiểm sát cấp trên.

Kết luận Chương 2

Hiện nay, BLTTHS năm 2015 trên cơ sở tiếp thu quy định BLTTHS năm 2003 đã dành riêng một điều luật để quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát khi thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự. Theo BLTTHS năm 2015, thẩm quyền của Viện kiểm sát được mở rộng hơn. Điều này thể hiện Cơ quan lập pháp đã thay đổi nhận thức về vai trò cũng như tầm quan trọng của chức năng thực hành quyền công tố; thấy được sự cần thiết trong việc mở rộng quyền công tố của Viện kiểm sát trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự trong bối cảnh yêu cầu cải cách tư pháp đặt ra hiện nay.

Trong thực tiễn thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm sở hữu của VKSND hai cấp tỉnh Bình Định cho thấy đã đạt được những kết quả nhất định. Để đạt được những kết quả đáng khích lệ này là nhờ vào sự nỗ lực, phấn đấu và không ngừng trau dồi, học hỏi của toàn thể cán bộ, Kiểm sát viên VKSND hai cấp tỉnh Bình Định. Tuy vậy, trong quá trình thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều

tra vụ án hình sự đối với các tội xâm phạm sở hữu cũng phát sinh một số hạn chế, thiếu sót cần được khắc phục. Những hạn chế, thiếu sót trên xuất phát từ những nguyên nhân khách quan lẫn chủ quan trong quá trình thực hành quyền công tố, đó có thể là những vướng mắc, bất cập của quy định pháp luật về công tác thực hành quyền công tố; về cơ cấu tổ chức, quản lý chỉ đạo hay sắp xếp nguồn nhân lực làm công tác này, hay việc xây dựng mối quan hệ giữa Viện kiểm sát và Cơ quan điều tra hai cấp... Theo đó, khắc phục những nguyên nhân dẫn đến những hạn chế trên sẽ giúp cho hiệu quả, chất lượng công tác thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra được bảo đảm.

Hiện nay, BLTTHS năm 2015 đã được ban hành với nhiều sửa đổi, bổ sung theo hướng nâng cao thẩm quyền đồng thời cũng là trách nhiệm của Viện kiểm sát trong thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự, đồng thời quy định chặt chẽ hơn các thủ tục tố tụng, các biện pháp tố tụng trong giai đoạn điều tra. Quy định của BLTTHS năm 2015 về cơ bản đã tháo gỡ những bất cập, vướng mắc trong quá trình áp dụng pháp luật trong công tác thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra. Với sự thay đổi trên sẽ là cơ sở pháp lý vững chắc để Viện kiểm sát làm tốt hơn nữa công tác này trong thời gian tới.

CHƯƠNG 3

YÊU CẦU VÀ GIẢI PHÁP ĐẢM BẢO THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ ĐÚNG TRONG GIAI ĐOẠN ĐIỀU TRA CÁC VỤ XÂM PHẠM SỞ HỮU

3.1. Yêu cầu đối với hoạt động thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm sở hữu

Đổi mới thủ tục TTHS trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự nói chung và các thủ tục liên quan đến thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra của Viện kiểm sát nói riêng trong điều kiện cải cách tư pháp, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, bảo đảm giữ vững an ninh trật tự, an toàn xã hội, đồng thời không để xảy ra oan, sai, hạn chế bỏ lọt tội phạm, cần đáp ứng các yêu cầu sau:

- Đổi mới thủ tục tố tụng trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp bảo đảm tôn trọng quyền con người, quyền tự do dân chủ của công dân, không để xảy ra các trường hợp oan, sai.

Thời gian qua, về mặt xây dựng và hoàn thiện thể chế, pháp luật nước ta đã tiếp tục ghi nhận những nguyên tắc pháp lý tiến bộ của văn minh pháp lý nhân loại và làm sâu sắc thêm những nguyên tắc như nguyên tắc bảo đảm quyền tự do dân chủ và an ninh cá nhân, nguyên tắc một người được coi là vô tội cho đến khi hành vi phạm tội được chứng minh theo pháp luật tại một phiên Tòa công khai và công bằng[13]. Đã có nhiều điều chỉnh khá cơ bản về quyền và nghĩa vụ cũng như cơ chế đảm bảo sự chính xác, phù hợp trong việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn, trong đó phải kể đến việc pháp luật ngày càng coi trọng chức năng của Viện kiểm sát trong thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự; theo đó, các thủ tục, trình tự trong việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn đối với người bị tạm giữ, bị can trong giai đoạn điều tra vụ án hình được quy định chặt chẽ hơn, minh bạch hơn. Sự thay đổi, bổ sung này nhằm đề cao trách nhiệm của các cơ quan và người tiến hành tố tụng nhằm bảo đảm hiệu quả cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm, bảo vệ tốt hơn quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Tuy nhiên, những kết quả đó mới là bước đầu và mới tập trung vào giải quyết những vấn đề bức xúc nhất. Tình trạng vi phạm các quyền của con người, của công dân trong hoạt động điều tra, bắt giữ, tạm giam, đặc biệt là với nhóm tội xâm phạm sở hữu vẫn còn xảy ra. Tư duy trong việc giải quyết vụ án hình sự của Cơ quan điều tra, Viện

kiểm sát vẫn đặt quan tâm nhiều hơn ở nhiệm vụ giữ vững an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội, mục tiêu đề cao công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân vẫn chưa dành được vị trí ưu tiên đúng như tầm quan trọng của nó[45, tr.201].

Do đó, cần phải đặt ra yêu cầu cải cách thủ tục tố tụng trong giai đoạn điều tra, trong đó có thủ tục liên quan đến việc thực hành chức năng công tố và kiểm sát điều tra của Viện kiểm sát đối việc áp dụng các biện pháp ảnh hưởng trực tiếp đến quyền tự do dân chủ của con người, của công dân; đảm bảo chế định công tố thực sự góp phần bảo vệ tốt lợi ích của Nhà nước, bảo vệ quyền và lợi ích của con người, mọi chủ thể đều bình đẳng trước pháp luật; hạn chế tình trạng oan, sai, bỏ lọt tội phạm, góp phần xây dựng nền tư pháp tiến bộ, hiện đại.

- Đổi mới thủ tục tố tụng trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự đảm bảo tăng cường hiệu lực, hiệu quả các cơ chế kiểm tra, giám sát hoạt động điều tra

Giám sát việc thực hiện quyền lực Nhà nước là đòi hỏi tất yếu trong việc tổ chức và thực thi quyền lực Nhà nước, đảm bảo cho các cơ quan và người có thẩm quyền tuân thủ pháp luật, làm đúng chức năng, nhiệm vụ của mình, không lạm dụng quyền lực Nhà nước xâm phạm đến lợi ích cộng đồng, lợi ích hợp pháp của công dân. Xã hội càng phát triển, quá trình dân chủ hoá càng được mở rộng thì nhu cầu kiểm tra, giám sát việc thực hiện quyền lực nhà nước càng cao. Hoạt động TTHS là hoạt động thực thi quyền lực nhà nước trong lĩnh vực tư pháp, có nhiệm vụ đấu tranh và xử lý hành vi phạm tội, xem xét đưa ra các phán quyết liên quan đến sinh mạng chính trị của người dân. Quá trình thực hiện, các cơ quan tư pháp có thẩm quyền áp dụng những biện pháp cưỡng chế tố tụng ảnh hưởng đến các quyền cơ bản nhất của con người như biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam...Xuất phát từ các đặc điểm đó, đòi hỏi hoạt động TTHS đặc biệt là trong giai đoạn điều tra hơn lĩnh vực nào khác phải chịu sự kiểm tra, giám sát chặt chẽ, thường xuyên của nhiều cơ chế khác nhau, nhằm bảo đảm tuân thủ pháp luật trong phát hiện và xử lý tội phạm và cũng là để đảm bảo hiệu lực thi hành của các phán quyết tư pháp.

Với lý do đó, đổi mới thủ tục TTHS trong giai đoạn điều tra giúp nâng cao vị thế, vai trò của Viện kiểm sát trong việc đảm bảo tính hợp pháp, hợp lý trong quá trình áp dụng pháp luật của các cơ quan thực hiện quyền tư pháp trong giai đoạn điều tra;

giúp nâng cao hiệu quả trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, tránh oan, sai, bỏ lọt tội phạm; ngoài ra, đổi mới thủ tục TTTHS cần theo hướng tiếp tục xây dựng các cơ chế giám sát hợp lý, hiệu quả từ bên ngoài giúp cho Viện kiểm sát trong sự phối hợp với các cơ chế giám sát khác thực hiện tốt hơn chức năng, nhiệm vụ được giao, đảm bảo cho hoạt động tư pháp thật sự là mẫu mực của việc tuân thủ Hiến pháp, pháp luật, ngăn ngừa tình trạng lạm quyền, xâm phạm lợi ích công, vi phạm quyền con người, quyền tự do dân chủ của công dân.

- Cải cách thủ tục tố tụng trong giai đoạn điều tra đáp ứng yêu cầu xác định rõ chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền của các chủ thể tố tụng, đề cao trách nhiệm của các cơ quan, người tiến hành tố tụng; công khai minh bạch, dân chủ và giản tiện các thủ tục TTTHS.

Phải xác định rõ các chủ thể thực hiện các chức năng tố tụng: Buộc tội, gỡ tội, xét xử; trong đó cần đề cao tính bình đẳng giữa bên buộc tội và bên gỡ tội. Phải phân định rõ chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án trong việc khởi tố vụ án; làm rõ quan hệ giữa Viện kiểm sát với Cơ quan điều tra trong giai đoạn điều tra. Tất cả mọi hoạt động liên quan đến khởi tố vụ án, khởi tố bị can đều dưới sự điều hành, quyết định của Viện kiểm sát, không để xảy ra tình trạng như hiện nay, Viện kiểm sát còn thụ động, phụ thuộc vào Cơ quan điều tra. Đồng thời, Tòa án là cơ quan xét xử thì không nên giao thực hiện nhiệm vụ liên quan đến thẩm quyền của cơ quan công tố, không thực hiện những hành vi tố tụng liên quan đến buộc tội. Ngoài ra, cần thống nhất nhận thức về thủ tục điều tra của Cơ quan điều tra hiện nay như một bộ phận hợp thành chức năng buộc tội và phải đáp ứng được yêu cầu của hoạt động công tố, giúp Viện kiểm sát có đủ căn cứ truy tố, buộc tội tại tòa. Sự tác động, can thiệp của Viện kiểm sát vào hoạt động điều tra không chỉ bảo đảm cho việc điều tra tuân thủ pháp luật mà còn hạn chế những ảnh hưởng của quan hệ hành chính (mệnh lệnh chỉ huy) đến hoạt động điều tra. Viện kiểm sát phải quyết định những nhiệm vụ tố tụng trong quá trình điều tra, từ quyết định việc khởi tố, áp dụng biện pháp ngăn chặn, quyết định đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án. Hầu hết các nước trên thế giới giao thẩm quyền điều tra cho Viện kiểm sát (Viện công tố) như: Nhật Bản, Malaixia, Thụy Điển, Cộng Hòa Liêng Ban Đức...[9, tr.37].

Phải tiêu chuẩn hóa các chức danh tổ tụng, không ngừng nâng cao trình độ của đội ngũ này, vì chính họ là những người có thẩm quyền ra các quyết định tổ tụng liên quan đến sinh mạng chính trị của người dân. Hệ thống pháp luật phải nhân đạo, đề cao tính hướng thiện của người phạm tội, không vì bức xúc bắt, giam tràn lan - xem xét chặt chẽ các căn cứ bắt, giam giữ; không cần thiết thì cần kiên quyết không bắt[40, tr.135-136].

Xác định rõ quyền và nghĩa vụ của các chủ thể cho phù hợp với các chức năng tổ tụng có ý nghĩa quan trọng hướng đến mục tiêu, hiệu quả của TTHS, làm cho hoạt động TTHS đặc biệt là trong giai đoạn điều tra được tiến hành trôi chảy. Từ yêu cầu này đòi hỏi cải cách thủ tục tổ tụng trong giai đoạn điều tra cần phải loại bỏ các quy định mâu thuẫn, chồng lấn chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền giữa các cơ quan tiến hành tố tụng; tạo cơ chế kiểm tra giám sát chặt chẽ trong việc thực hiện chức năng buộc tội của các cơ quan tiến hành tố tụng. Đồng thời, có cơ chế xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm các thủ tục tố tụng gây hậu quả nghiêm trọng, xâm phạm lợi ích công, quyền và lợi ích hợp pháp của người dân. Với nội dung cải cách đó sẽ góp phần giúp Viện kiểm thực hiện tốt hơn nữa chức năng thực hành quyền công tố, góp phần hướng đến xây dựng nền tư pháp trong sạch, tiến bộ, bảo vệ công lý, phụng sự tổ quốc, phụng sự nhân dân.

3.2. Giải pháp bảo đảm thực hành quyền công tố đúng trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự

3.2.1. Giải pháp về pháp luật

3.2.1.1. Triển khai thi hành và kịp thời hướng dẫn áp dụng đối với BLTTHS năm 2015, BLHS năm 2015

Triển khai thi hành các Bộ luật là việc đảm bảo đưa các quy định của các Bộ luật vào thực tiễn thi hành, làm sao cho quá trình thi hành pháp luật một cách có hiệu quả nhất, hạn chế đến mức thấp nhất những vướng mắc, bất cập phát sinh. Để làm được điều này cần quán triệt áp dụng những quy định mới của BLTTHS năm 2015, BLHS năm 2015, đồng thời kịp thời sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản hướng dẫn thi hành các Bộ luật mới về hình sự để đảm bảo áp dụng thống nhất, phù hợp và đúng pháp luật. Tuy nhiên, trong phạm vi đề tài liên quan đến việc thực hành quyền công tố trong

giai đoạn điều tra vụ án hình sự với nhóm tội xâm phạm sở hữu, chúng tôi chỉ đề cập đến việc triển khai thực hiện các điểm mới của pháp luật liên quan đến việc thực hiện chức năng công tố của Viện kiểm sát trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm sở hữu. Đồng thời, cần thay đổi nhận thức đối với lãnh đạo Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát đảm bảo tuân thủ quy định Điều 37, Điều 42 BLTTHS năm 2015 về việc mở rộng quyền năng pháp lý của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong giai đoạn điều tra vụ án; loại bỏ tư tưởng làm việc theo “lời cũ” luôn muốn chỉ phối, chỉ đạo các hoạt động pháp lý, quyết định tố tụng trong giai đoạn điều tra thuộc thẩm quyền quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Ngược lại, Điều tra viên, Kiểm sát viên cũng cần nhận thức rõ nhiệm vụ, quyền hạn của mình, tích cực thực hiện các quyền năng tố tụng được BLTTHS năm 2015 quy định; tránh tư tưởng ỷ lại, trì trệ với tư tưởng mọi việc đều phải báo cáo lãnh đạo và chờ sự chỉ đạo; Điều tra viên, Kiểm sát viên phải chủ động và tự chịu trách nhiệm đối với hành vi và quyết định tố tụng của mình.

Ngoài ra, trong thời gian tới toàn ngành KSND cần quán triệt những nội dung mới của BLTTHS năm 2015 đến cán bộ làm công tác thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra: *Thứ nhất*, bổ sung và quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát khi thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra (Điều 165 và Điều 166). *Thứ hai*, Bộ luật bổ sung quy định trường hợp Viện kiểm sát yêu cầu bổ sung chứng cứ, tài liệu thì trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được chứng cứ, tài liệu bổ sung, Viện kiểm sát phải phê chuẩn hoặc hủy bỏ quyết định khởi tố bị can, quyết định thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố bị can (Điều 179 và Điều 180). *Thứ ba*, nhằm đảm bảo việc điều tra đúng thẩm quyền, Bộ luật đã bổ sung đầy đủ các trường hợp Viện kiểm sát quyết định chuyển vụ án, gồm: Khi có đề nghị của Cơ quan điều tra cùng cấp; khi Cơ quan điều tra cấp trên rút vụ án để điều tra; khi Điều tra viên bị thay đổi là Thủ trưởng Cơ quan điều tra; khi Viện kiểm sát đã yêu cầu chuyển nhưng Cơ quan điều tra không thực hiện (Điều 169). *Thứ tư*, nhằm tăng cường trách nhiệm của Viện kiểm sát trong hoạt động điều tra, ngoài 02 hoạt động bắt buộc có sự tham gia của Kiểm sát viên như hiện nay (khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi), Bộ luật bổ sung 05 trường hợp bắt buộc Kiểm sát viên phải tham gia, gồm: đối chất, nhận dạng, nhận biết giọng nói, khám xét, thực nghiệm điều tra (các

Điều 189, 190, 191, 193, 201, 202, 204). *Thứ năm*, Bộ luật quy định cụ thể những trường hợp Viện kiểm sát phải trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra thay cho quy định mang tính định tính “khi xét thấy cần thiết” như BLTTHS năm 2003, gồm trường hợp cần kiểm tra, bổ sung tài liệu, chứng cứ khi xét phê chuẩn các lệnh, quyết định của Cơ quan điều tra; trường hợp phát hiện có dấu hiệu oan, sai, bỏ lọt tội phạm, vi phạm pháp luật mà Viện kiểm sát đã yêu cầu nhưng Cơ quan điều tra không khắc phục; trường hợp cần bổ sung tài liệu, chứng cứ khi quyết định truy tố (Điều 165). *Thứ sáu*, khi phát hiện việc điều tra không đầy đủ hoặc vi phạm pháp luật, Bộ luật quy định Viện kiểm sát yêu cầu Cơ quan điều tra thực hiện các hoạt động cụ thể sau: Tiến hành hoạt động điều tra đúng pháp luật; kiểm tra việc điều tra và thông báo kết quả cho Viện kiểm sát; cung cấp tài liệu liên quan đến hành vi, quyết định tố tụng có vi phạm pháp luật trong việc điều tra (Điều 166). *Thứ bảy*, nhằm đáp ứng yêu cầu điều tra đối với các tội phạm đặc biệt nghiêm trọng mà thời hạn tạm giam đã hết nhưng không có căn cứ hủy bỏ biện pháp tạm giam, Bộ luật bổ sung quy định Viện trưởng VKSND tối cao quyết định việc áp dụng biện pháp tạm giam cho đến khi kết thúc điều tra (Điều 173). *Thứ tám*, nhằm kiểm sát chặt chẽ hoạt động điều tra và tiến độ điều tra, Bộ luật bổ sung quy định: Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày lập biên bản về hoạt động điều tra, thu thập, nhận được tài liệu liên quan đến vụ án, Cơ quan điều tra có trách nhiệm chuyển biên bản, tài liệu này cho Viện kiểm sát để kiểm sát việc lập hồ sơ vụ án. *Thứ chín*, bổ sung quy định trong thời hạn 05 ngày, Viện kiểm sát cấp trên phải trả lời kiến nghị của cơ quan được giao nhiệm vụ điều tra (Điều 167).

Các ngành, Liên ngành tổ tụng trung ương cần sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản hướng dẫn thi hành luật, cụ thể:

- Sửa đổi, bổ sung TTLT số 01/2001/TTLT-BTP-BCA-TANDTC-VKSNDTC ngày 25 tháng 12 năm 2001 của Bộ tư pháp - Bộ Công an - TAND tối cao - Viện KSND tối cao về áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự đối với “các tội xâm phạm sở hữu”.

- Sửa đổi, bổ sung TTLT 05/2005/ VKSTC-BCA-BQP ngày 07 tháng 9 năm 2005 của Viện KSND Tối cao - Bộ công an - Bộ quốc phòng về mối quan hệ phối hợp của Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát trong việc thực hiện một số quy định của Luật TTHS năm 2003.

- Bộ công an cần sửa đổi, bổ sung Thông tư số 01/2006/TT-BCA ngày 12 tháng 01 năm 2006 của Bộ công an hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Điều 35 BLTTHS năm 2003 (nay là Điều 37 BLTTHS năm 2015). Ngoài ra, cần bổ sung vào Thông tư sửa đổi những quy định hướng dẫn Điều 38 BLTTHS năm 2015 về nhiệm vụ, quyền hạn cũng như trình tự, thủ tục, điều kiện cấp giấy chứng nhận đối với cán bộ điều tra.

- Sửa đổi TTLT số 03/2006/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC ngày 01 tháng 6 năm 2006 của Bộ công an - Viện KSND tối cao- TAND tối cao hướng dẫn về thông báo, gửi, cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến người phạm tội.

- Sửa đổi TTLT số 01/2010/TTLT- VKSNDTC- BCA-TANDTC ngày 27 tháng 8 năm 2010 của Viện KSND Tối cao - Bộ công an- TAND tối cao hướng dẫn thi hành các quy định của BLTTHS về trả hồ sơ để điều tra bổ sung để đảm bảo phù hợp, thống nhất với quy định của BLTTHS năm 2015.

- Sửa đổi, bổ sung TTLT số 01/2011/TTLT- VKSNDTC-TANDTC-BCA-BTP-BLĐTBXH ngày 12 tháng 7 năm 2011 của Viện KSND tối cao - TAND tối cao - Bộ công an - Bộ tư pháp- Bộ lao động thương binh và xã hội hướng dẫn thi hành một số quy định của BLTTHS đối với người tham gia tố tụng là người chưa thành niên.

- Sửa đổi, bổ sung TTLT số 06/2013/TLTT-BCA-BQP-BTC-BNN&PTNT-VKSNDTC ngày 02 tháng 8 năm 2013 của Bộ công an - Bộ quốc phòng - Bộ tài chính - Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn - Viện KSND tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định của BLTTHS về tiếp nhận giải quyết tin báo, tố giác về tội phạm và kiến nghị khởi tố.

- Ngành kiểm sát nhân dân cần sửa đổi, bổ sung các Quy chế liên quan đến công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra vụ án hình sự như: Quy chế kiểm sát việc khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, thực nghiệm điều tra việc tiến hành giám định; Quy chế công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong khởi tố, điều tra và truy tố vụ án hình sự.

- Ngoài ra, Bộ công an cần chủ trì, phối hợp với Bộ quốc phòng, VKSND tối cao, Tòa án nhân dân tối cao cần khẩn trương ban hành văn bản hướng dẫn trình tự, thủ tục ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh việc hỏi cung bị can; sử dụng, bảo quản, lưu

trữ kết quả ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh việc hỏi cung bị can trong quá trình điều tra, truy tố. Đồng thời, các ngành trung ương cần xây dựng đề án về cơ sở vật chất, bộ máy, cán bộ và lộ trình cụ thể thực hiện việc ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh trong hỏi cung bị can theo quy định của BLTTHS năm 2015.

3.2.1.2. Tiếp tục hoàn thiện các quy định của pháp luật

Trong những năm qua BLTTHS năm 2003 đã đáp ứng phần nào yêu cầu về cải cách tư pháp và xây dựng Nhà nước pháp quyền ở Việt Nam. Những thành công của việc thi hành Bộ luật đã khẳng định và nêu cao trách nhiệm của Nhà nước với công dân, đảm bảo các quyền tự do dân chủ của nhân dân; xác định rõ trách nhiệm của các cơ quan tố tụng, đảm bảo xử lý nhanh gọn, kịp thời hành vi phạm tội. Tuy nhiên, như đã phân tích trên, trong thực tiễn thi hành Bộ luật còn phát sinh nhiều tồn tại, cần được xem xét, sửa đổi cho phù hợp với thực tiễn và để đáp ứng được yêu cầu thực hành quyền công tố đúng trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự. Với lý do đó, trong năm 2015 BLTTHS đã được Quốc hội khóa 13 thông qua vào ngày 27 tháng 11 năm 2015. Về cơ bản Bộ luật này đã giải quyết những bất cập, vướng mắc trong thực tiễn thi hành. Những sửa đổi, bổ sung của Bộ luật này đã giúp nâng cao vị thế, trách nhiệm của Viện kiểm sát trong quá trình thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự. Tuy vậy, liên quan đến việc đảm bảo cho Viện kiểm sát ngày càng thực hiện tốt hơn nữa chức năng công tố trong giai đoạn điều tra, đồng thời giải quyết triệt để những vướng mắc, bất cập trong thực tiễn thi hành BLTTHS năm 2003 mà chưa được BLTTHS năm 2015 khắc phục, trong phạm vi nghiên cứu liên quan đến thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự các tội xâm phạm sở hữu, người viết mạnh dạn đề xuất những giải pháp pháp luật để tiếp tục hoàn thiện cơ chế pháp lý đảm bảo cho Viện kiểm sát thực hiện tốt chức năng công tố trong giai đoạn điều tra các vụ án hình sự xâm phạm sở hữu.

- Về khởi tố vụ án hình sự: BLTTHS năm 2015, trên cơ sở tiếp thu quy định BLTTHS năm 2003 đã giải quyết những khó khăn, bất cập trong thực tiễn thi hành, đồng thời để đảm bảo phù hợp với quy định Luật Tổ chức VKSND năm 2014, BLTTHS năm 2015 đã bổ sung thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự cho Viện kiểm sát trong trường hợp trực tiếp giải quyết nguồn tin về tội phạm. Tuy nhiên, để đảm bảo thực hiện tốt hơn

nữa nhiệm vụ đấu tranh phòng, chống tội phạm; đảm bảo mọi hành vi phạm tội đều được kịp thời khởi tố, điều tra và xử lý nghiêm minh, hạn chế đến mức thấp nhất việc bỏ lọt tội phạm và người phạm tội, chúng tôi cho rằng cần bổ sung thẩm quyền khởi tố vụ án của Viện kiểm sát trong trường hợp *“đã yêu cầu Cơ quan điều tra khởi tố vụ án nhưng không được thực hiện”* vào khoản 3 Điều 153 BLTTHS năm 2015. Quy định trên sẽ phù hợp với Điều 162 BLTTHS năm 2015, bởi theo Bộ luật này thì yêu cầu khởi tố vụ án của Viện kiểm sát không bắt buộc Cơ quan điều tra phải thực hiện.

Ngoài ra, như đã trình bày chúng tôi cho rằng không nên quy định thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự cho Hội đồng xét xử nữa bởi trong thực tiễn thi hành hai BLTTHS năm 1988 và 2003 vừa qua có rất ít trường hợp Hội đồng xét xử trực tiếp quyết định khởi tố vụ án hình sự mà chủ yếu kiến nghị, yêu cầu Viện kiểm sát xem xét khởi tố. Theo đó, cần sửa đổi quy định khoản 4 Điều 153 BLTTHS năm 2015 như sau: *“Hội đồng xét xử kiến nghị Viện kiểm sát khởi tố vụ án hình sự nếu qua xét xử tại phiên tòa mà phát hiện có việc bỏ lọt tội phạm”*. Việc bỏ quyền năng này của Hội đồng xét xử, theo chúng tôi sẽ phù hợp với chức năng tố tụng của Tòa án được Hiến pháp năm 2013 quy định; đảm bảo cho Tòa án tập trung thực hiện chức năng xét xử, không tham gia thực hiện chức năng buộc tội; đảm bảo vụ án được xem xét và phán quyết khách quan, đúng pháp luật.

Nhằm giải quyết khó khăn, bất cập trong việc khởi tố vụ án hình sự đối với các tội xâm phạm sở hữu mà chủ sở hữu tài sản không muốn truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người thực hiện hành vi phạm tội. Chúng tôi cho rằng cần bổ sung một số hành vi phạm tội ít nghiêm trọng xâm phạm quan hệ sở hữu vào trường hợp khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại theo Điều 155 BLTTHS năm 2015. Cụ thể, cần bổ sung khoản 1 Điều 173, Điều 176, Điều 177, Điều 180 BLHS năm 2015 vào khoản 1 Điều 155 BLTTHS năm 2015. Quy định như vậy sẽ phù hợp với nguyên tắc tự định đoạt về tài sản của chủ sở hữu, đồng thời giải quyết một số vướng mắc trong quá trình thi hành BLHS, BLTTHS hiện nay là không ít trường hợp những người thực hiện hành vi xâm phạm quyền sở hữu tài sản và người sở hữu tài sản là những người thân trong gia đình. Khi chưa biết người thực hiện hành vi thì cương quyết báo cáo và yêu cầu Cơ quan điều tra khởi tố, điều tra, xử lý tội phạm, nhưng khi biết người thực hiện hành vi xâm

phạm sở hữu của mình chính là người thân trong gia đình thì không muốn truy cứu trách nhiệm hình sự đối với họ. Ngoài ra, cũng có trường hợp giữa người thực hiện hành vi phạm tội và bị hại tuy không có quan hệ gia đình, nhưng khi biết hoàn cảnh của người thực hiện hành vi phạm tội, chủ sở hữu thông cảm và tự nguyện không mong muốn truy cứu trách nhiệm đối với người đã thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, để đảm bảo tính hướng thiện của pháp luật hình sự, đảm bảo hiệu quả của hình phạt; thiết nghĩ, cần trao quyền quyết định việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với những người thực hiện hành vi xâm phạm sở hữu đối với các tội trên cho bị hại. Ngoài ra, theo khoản 3 Điều 29 BLHS năm 2015 quy định đối với người thực hiện hành vi xâm phạm sở hữu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng mà được bị hại hoặc đại diện của bị hại tự nguyện hòa giải và đề nghị miễn trách nhiệm hình sự, thì có thể được miễn trách nhiệm hình sự. Quy định trên về cơ bản đáp ứng yêu cầu đảm bảo pháp luật có tính linh động để vận dụng áp dụng trong những trường hợp xét thấy không cần thiết phải truy cứu trách nhiệm hình sự, đảm bảo chế tài hình sự đạt được hiệu quả xã hội. Nhưng với quy định tùy nghi nêu trên dễ dẫn đến tình trạng tùy tiện trong áp dụng pháp luật, phát sinh những tiêu cực xã hội. Do đó, như đã đề cập theo chúng tôi đối với nhóm tội xâm phạm sở hữu ít nghiêm trọng cần cho vào trường hợp khởi tố theo yêu cầu người bị hại.

- Về thẩm quyền khởi tố, thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố bị can:

Việc ra quyết định khởi tố bị can là để tiến hành điều tra với một người phạm tội mà cơ quan có thẩm quyền chưa hoàn toàn có đủ chứng cứ chứng minh họ đã phạm tội, và cơ quan có thẩm quyền khởi tố bị can ngoài Cơ quan điều tra còn có Viện kiểm sát, do vậy cần sửa đổi khoản 1 Điều 179 BLTTHS năm 2015 theo hướng: *“Khi có đủ căn cứ để xác định một người hoặc pháp nhân thương mại bị nghi thực hiện hành vi mà BLHS quy định là phạm tội thì cơ quan có thẩm quyền ra quyết định khởi tố bị can”*.

Ngoài ra, việc quy định thay đổi quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can là cần thiết để phù hợp với hành vi của bị can, đảm bảo chính xác đối tượng thực hiện hành vi phạm tội, định hướng đúng đắn cho quá trình chứng minh và bảo đảm quyền bào chữa cho bị can. Tuy nhiên, để tránh tình trạng truy tới cùng, tức khi xác định hành vi của bị can không phạm vào tội đã bị khởi tố, các cơ quan tố tụng “chữa cháy” bằng

cách thay đổi quyết định khởi tố bị can một cách tùy tiện. Theo đó, cần sửa đổi Điều 180 BLTTHS năm 2015 theo hướng: *“Khi tiến hành điều tra nếu có căn cứ xác định hành vi phạm tội của bị can không phạm vào tội đã bị khởi tố thì Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát ra quyết định thay đổi quyết định khởi tố bị can về tội có cùng tính chất. Trường hợp xác định hành vi phạm tội của bị can không phạm vào tội đã bị khởi tố mà phạm vào tội khác không cùng tính chất thì Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát phải ra quyết định đình chỉ điều tra đối với bị can về tội danh đã khởi tố và ra quyết định khởi tố bị can về tội danh mới để tiến hành điều tra nếu đủ căn cứ”*. Ví dụ, trong quá trình trộm cắp tài sản, khi bị phát hiện đối tượng dùng vũ lực để tẩu thoát gây thương tích cho bị hại. Lúc đầu Cơ quan điều tra khởi tố bị can về tội trộm cắp tài sản, qua quá trình điều tra không đủ căn cứ truy cứu tội danh này đối với bị can. Trường hợp này Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát phải ra quyết định đình chỉ điều tra đối với tội trộm cắp; nếu hành vi của bị can đủ yếu tố cấu thành tội cố ý gây thương tích, hoặc vô ý gây thương tích thì khởi tố mới vụ án, bị can để điều tra đối với tội danh này.

- Để đảm bảo việc điều tra, thu thập các tài liệu, chứng cứ trong những trường hợp Viện kiểm sát trực tiếp ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can được khách quan, toàn diện thì cần sửa đổi quy định tại khoản 3 Điều 163 BLTTHS năm 2015 theo hướng bổ sung cho Cơ quan điều tra VKSNDTC *“có thẩm quyền điều tra những vụ án rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng được Viện kiểm sát các cấp khởi tố vụ án, khởi tố bị can yêu cầu Cơ quan điều tra tiến hành điều tra nhưng không được đảm bảo”*. Bởi thực tế hiện nay, Viện kiểm sát chỉ quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can sau khi Viện kiểm sát hủy bỏ quyết định không khởi tố vụ án của Cơ quan điều tra hoặc đã yêu cầu khởi tố bị can nhưng không được thực hiện... nên khi Viện kiểm sát khởi tố và chuyển lại để điều tra thì Cơ quan điều tra tiếp nhận với tâm lý miễn cưỡng, thường không tập trung điều tra, thu thập chứng cứ mà chậm trễ, kéo dài thời gian điều tra. Do vậy, nhiều vụ án, bị can phải đình chỉ điều tra dẫn đến bỏ lọt tội phạm. Theo chúng tôi, quy định bổ sung thẩm quyền của Cơ quan điều tra VKSNDTC trong trường hợp nêu trên sẽ giải quyết được bất cập đã nêu, đồng thời phù hợp với lộ trình cải cách tư pháp mà Đảng và Nhà nước đang đề ra.

Khi nghiên cứu về thẩm quyền của Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát

khi thực hành quyền công tố trong điều tra vụ án hình sự, chúng tôi thấy rằng việc quy định quyền hạn của Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát tại điểm c, điểm d, khoản 1 Điều 41 BLTTHS năm 2015 là không phù hợp bởi đây là quyền năng tố tụng chứ không phải thẩm quyền hành chính trong cơ quan tư pháp. Vì vậy, nên tách thẩm quyền ý cuối điểm c “*quyết định thay đổi hoặc hủy bỏ quyết định không có căn và trái pháp luật của Kiểm sát viên*” và điểm d, khoản 1 Điều 41 chuyển sang khoản 2 Điều 41 BLTTHS năm 2015.

- Về trách nhiệm của Cơ quan điều tra trong việc thực hiện các yêu cầu của Viện kiểm sát. Để thực hiện tốt chủ trương “*thực hiện cơ chế công tố gắn với hoạt động điều tra*” và chủ trương “*Tăng cường công tố trong hoạt động điều tra*” được nêu trong các Văn kiện, Nghị quyết của Đảng, cần quy định Cơ quan điều tra chịu trách nhiệm thu thập chứng cứ, chứng minh sự thật vụ án, Viện kiểm sát đề ra các yêu cầu điều tra, yêu cầu chứng minh ngay từ khi khởi tố vụ án, khởi tố bị can và trong suốt quá trình điều tra. Cơ quan điều tra có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu quyết định của Viện kiểm sát; mọi yêu cầu của Viện kiểm sát về chứng minh tội phạm phải được Cơ quan điều tra tiến hành đầy đủ, nếu không đồng ý vẫn phải chấp hành nhưng có quyền kiến nghị đến Viện kiểm sát cấp trên xem xét, giải quyết. Theo đó, cần sửa đổi Điều 162 BLTTHS năm 2015 như sau:

“1. Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra phải thực hiện đầy đủ các yêu cầu, quyết định của Viện kiểm sát.

2. Đối với quyết định quy định tại khoản 1 và khoản 6 Điều 159, điểm b khoản 1 Điều 161 của Bộ luật này, nếu không nhất trí, Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra có quyền kiến nghị với Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp...”.

- Thu hẹp đối tượng người có thẩm quyền quyết định việc áp dụng biện pháp ngăn chặn: Thực hiện chủ trương “*thu hẹp đối tượng người có thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp tạm giam*” theo Nghị quyết 49/NQ-TW, BLTTHS cần phải sửa đổi theo hướng hạn chế đối tượng người có thẩm quyền áp dụng biện pháp tạm giam. Theo đó, chúng tôi cho rằng để đơn giản thủ tục, tiết kiệm chi phí, nâng cao tinh thần trách nhiệm, tránh đùn đẩy trách nhiệm, cần đổi mới đối tượng áp dụng biện pháp tạm

giám theo hướng: Viện kiểm sát quyết định việc áp dụng biện pháp tạm giam trong giai đoạn điều tra, truy tố (thực chất hiện nay, Viện kiểm sát phê chuẩn tức là Cơ quan điều tra xin lệnh) và Tòa án áp dụng biện pháp tạm giam trong giai đoạn xét xử. Theo đó, cần bỏ khoản 1 Điều 112 BLTTHS năm 2015; cần thay đổi khoản 5, Điều 119 BLTTHS năm 2015 như sau: *“Viện kiểm sát quyết định việc áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam trên cơ sở đề nghị của Cơ quan điều tra hoặc tự mình quyết định trong giai đoạn điều tra, giai đoạn truy tố; tòa án quyết định áp dụng biện pháp tạm giam đối với bị cáo trong giai đoạn xét xử. Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị áp dụng biện pháp tạm giam đối với bị can và hồ sơ liên quan đến việc tạm giam, Viện kiểm sát phải ra quyết định tạm giam hoặc yêu cầu Cơ quan điều tra cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ để áp dụng biện pháp tạm giam đối với bị can hoặc thông báo cho Cơ quan điều tra biết việc không áp dụng biện pháp tạm giam. Viện kiểm sát phải hoàn trả hồ sơ cho Cơ quan điều tra ngay sau khi kết thúc việc quyết định áp dụng biện pháp tạm giam”*.

Tương tự với việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn tạm giam, việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn đối với bị can để thay thế biện pháp tạm giam như bảo lãnh, đặt tiền để bảo đảm theo quy định tại Điều 121, Điều 122 BLTTHS năm 2015, cũng cần quy định Viện kiểm sát là chủ thể duy nhất quyết định việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn này trong giai đoạn điều tra, truy tố trên cơ sở đề nghị của Cơ quan điều tra hoặc khi xét thấy cần thiết.

3.2.2. Tăng cường các giải pháp nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra, gắn công tố với hoạt động điều tra

3.2.2.1. Nâng cao chất lượng quản lý, chỉ đạo điều hành công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra các vụ án hình sự

Thứ nhất, quản lý chặt chẽ việc thụ lý, giải quyết các vụ án, không để án tồn đọng kéo dài hoặc không có hình thức xử lý. Mỗi đơn vị kiểm sát cần chủ động nghiên cứu, đề xuất các biện pháp quản lý chặt chẽ án hình sự theo nguyên tắc tập trung thống nhất, phù hợp với vị trí, trách nhiệm của mỗi cấp, đáp ứng yêu cầu gắn chỉ đạo thực tiễn với tổng kết nghiệp vụ, thông báo rút kinh nghiệm. Viện kiểm sát các cấp phải vào sổ theo dõi chặt chẽ việc thụ lý, giải quyết các vụ án hình sự, không để án tồn đọng

kéo dài hoặc án không có quyết định xử lý; quản lý và thường xuyên kiểm tra chặt chẽ các trường hợp trả tự do, đình chỉ điều tra do không phạm tội và các trường hợp Viện kiểm sát truy tố, Tòa án tuyên không phạm tội. Nếu có sai phạm phải tổ chức giải quyết dứt điểm, kiểm điểm làm rõ trách nhiệm của lãnh đạo, Kiểm sát viên theo quy định của pháp luật và Quy chế nghiệp vụ thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra của ngành.

Thứ hai, lãnh đạo Viện kiểm sát các cấp cần quan tâm chỉ đạo và tổ chức thực hiện tốt công tác kiểm sát việc giải quyết khiếu nại tố cáo trong TTHS của Cơ quan điều tra cùng cấp; đảm bảo 100% khiếu nại, tố cáo đều được xem xét, giải quyết theo quy định. Làm tốt công tác này sẽ giúp Viện kiểm sát thực hiện hiệu quả hơn công tác thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra, kịp thời ngăn ngừa khắc phục các trường hợp oan, sai, bỏ lọt tội phạm; đồng thời giúp nâng cao vị thế ngành KSND.

Thứ ba, tăng cường theo dõi, tổng hợp vi phạm, ban hành kiến nghị Cơ quan điều tra đề ra biện pháp chấn chỉnh, khắc phục, hạn chế những vi phạm trong hoạt động điều tra.

Thứ tư, các cấp kiểm sát phải coi trọng đi sâu phân tích, tìm hiểu nguyên nhân, điều kiện dẫn đến tình trạng tội phạm; từ đó tăng cường công tác phòng ngừa tội phạm; gắn thông kê tội phạm với phân tích tội phạm để có cơ sở tham mưu cho Đảng và Nhà nước trong công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm; bên cạnh đó, cần gắn đấu tranh phòng, chống tội phạm với việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương cũng như trên quy mô toàn quốc.

3.2.2.2. Nhận thức đúng đắn về trách nhiệm công tố trong giai đoạn điều tra

Thứ nhất, trách nhiệm công tố trong giai đoạn điều tra là sự chủ động của Viện kiểm sát đối với hoạt động điều tra.

Trong giai đoạn điều tra, Viện kiểm sát và Cơ quan điều tra có vị trí, chức năng, nhiệm vụ khác nhau. Cơ quan điều tra có nhiệm vụ chứng minh sự thật vụ án, thu thập cả chứng cứ buộc tội và chứng cứ gỡ tội. Viện kiểm sát có trách nhiệm thực hành quyền công tố, quyết định việc buộc tội, gỡ tội trên cơ sở kết quả điều tra. Trên thực tế, Cơ quan điều tra thường quan tâm tìm kiếm chứng cứ buộc tội hơn là chứng cứ gỡ tội; vẫn còn trường hợp lạm dụng việc bắt, tạm giữ, tạm giam thay thế biện pháp điều

tra. Thực tế đó đã đặt ra trách nhiệm của từng cấp kiểm sát, của từng Kiểm sát viên là phải áp dụng mọi biện pháp theo quy định của pháp luật một cách chủ động, kịp thời, bảo đảm việc khởi tố, điều tra, bắt, giam giữ có đủ căn cứ và hợp pháp; thể hiện đúng đắn chính sách của Đảng và Nhà nước “không để lọt tội phạm và người phạm tội, không làm oan người vô tội”; yêu cầu chấm dứt và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động điều tra.

Tác động của Viện kiểm sát vào hoạt động điều tra vừa mang tính chế ước, vừa mang tính phối hợp trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của mỗi cơ quan. Để tăng cường trách nhiệm công tố, gắn công tố với hoạt động điều tra, Viện kiểm sát cần chủ động thực hiện đầy đủ các thẩm quyền do luật định, coi trọng việc phối hợp, theo dõi hoạt động của Cơ quan điều tra ngay từ khi tiếp nhận nguồn tin về tội phạm và trong suốt quá trình điều tra; khắc phục tình trạng thụ động chờ Cơ quan điều tra chuyển hồ đến mới nghiên cứu xét phê chuẩn hoặc trả hồ sơ để điều tra bổ sung. Trong mỗi quan hệ phối hợp cần xác định rõ nhiệm vụ nào Viện kiểm sát phải làm theo chức năng, việc gì thì phối hợp với Cơ quan điều tra. Tránh huynh hướng phối hợp một chiều; khắc phục tư tưởng khuynh hướng né tránh, không xử lý triệt để vụ án hoặc xử lý quá nhẹ, bỏ qua vi phạm của Cơ quan điều tra dẫn đến xử lý vụ án oan, sai. Trường hợp đã yêu cầu Cơ quan điều tra khởi tố vụ án, khởi tố bị can nhưng không được thực hiện, nếu đủ căn cứ khởi tố thì Viện kiểm sát kiên quyết hủy bỏ Quyết định không khởi tố vụ án của Cơ quan điều tra, ra quyết định khởi tố vụ án và chuyển cho Cơ quan điều tra điều tra theo thẩm quyền. Tương tự, trường hợp Viện kiểm sát đã yêu cầu Cơ quan điều tra khởi tố bị can trong giai đoạn điều tra bằng văn bản nhưng không được thực hiện, thì viện kiểm sát vận dụng quy định mới tại Điều 179 BLTTHS năm 2015 về khởi tố bị can để trực tiếp ra Quyết định khởi tố bị can chuyển Cơ quan điều tra điều tra.

Thứ hai, thực hiện tốt hoạt động kiểm sát điều tra là cơ sở thực hiện hiệu quả trách nhiệm công tố.

Các hoạt động thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát trong giai đoạn điều tra có quan hệ chặt chẽ với hoạt động điều tra của Cơ quan điều tra, của Điều tra viên. Viện kiểm sát phê chuẩn các quyết định tố tụng hoặc tự mình ra quyết định phải trên cơ sở kết quả điều tra của Cơ quan điều tra. Theo đó, chất lượng hoạt động điều tra

phản ánh đúng những gì xảy ra trong hiện thực và tuân thủ đúng trình tự, thủ tục luật định, sẽ là cơ sở vững chắc để Viện kiểm sát thực hiện tốt quyền công tố, đảm bảo truy cứu trách nhiệm hình sự đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, bảo vệ quyền tự do, dân chủ của công dân, không làm oan người vô tội.

Thứ ba, tăng cường trách nhiệm công tố là nêu cao tinh thần, ý thức trách nhiệm trước Đảng, Nhà nước, trước sinh mệnh chính trị của con người và nhiệm vụ được giao. Đối với yêu cầu này, đòi hỏi:

- Các kiểm sát viên phải trung thành tuyệt đối với chủ trương, đường lối của Đảng, bảo vệ chế độ và hướng hoạt động công tố vì lợi ích nhân dân, tích cực đấu tranh chống các tội phạm và vi phạm pháp luật. Trong công tác cần khắc phục tư tưởng pháp lý đơn thuần, chuyên môn nghiệp vụ tách rời chính trị; đổi mới phương thức, nâng cao kỹ năng công tố, vừa chú trọng nhiệm vụ tăng cường đấu tranh bảo vệ an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, vừa coi trọng bảo vệ quyền tự do, dân chủ của công dân, quyền con người trong TTHS.

- Khi thực hành quyền công tố, các Kiểm sát viên được nhân danh quyền lực Nhà nước, do đó cần quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh *“bắt nhiều không bằng bắt hay, bắt hay không bằng không bắt”*, đồng thời thấm nhuần sâu sắc quan điểm *“một người bị oan chẳng những bản thân họ đau khổ hơn. Làm điều oan cho một người nào đó thì chúng ta không còn lẽ sống nữa, bởi vì chúng ta là những người cộng sản”*[12, tr.17].

- Đối với nhiệm vụ được giao, Kiểm sát viên phải nhận thức đúng bản chất pháp lý của vụ việc đang điều tra, tuân thủ đúng các quy định của luật và các quy chế nghiệp vụ của ngành.

3.2.2.3. Đổi mới phương thức phối hợp giữa Viện kiểm sát và Cơ quan điều tra

Trong mối quan hệ với Cơ quan điều tra, cần quan tâm cả những mặt thuận lợi và khó khăn, cả tính chất chỉ đạo chấp hành và tính chất phối hợp công tác để chủ động xây dựng mối quan hệ này theo hướng tích cực, hiệu quả, đáp ứng tốt các yêu cầu cải cách tư pháp đặt ra. Do đó, biện pháp hiệu quả nhất vẫn là tăng cường phối hợp giữa Viện kiểm sát và Cơ quan điều tra ngay trong quá trình tổ chức thực hiện từng hoạt động điều tra, nếu có vướng mắc hoặc phát sinh những vấn đề mới, Kiểm sát viên phải kịp thời phối hợp, trao đổi với Điều tra viên để xử lý, đồng thời báo cáo lãnh đạo

hai đơn vị cho ý kiến giải quyết. Bên cạnh đó, đối với những quyền năng công tố trong giai đoạn điều tra, pháp luật quy định Viện kiểm sát có thể yêu cầu Cơ quan điều tra thực hiện hoặc khắc phục hoặc Viện kiểm sát có thể trực tiếp thực hiện hay khắc phục vi phạm của Cơ quan điều tra, thì trước tiên Kiểm sát viên cần trao đổi và đề ra yêu cầu để Cơ quan điều tra thực hiện, trường hợp Cơ quan điều tra không đảm bảo yêu cầu Viện kiểm sát đưa ra thì Viện kiểm sát trực tiếp thực hiện quyền hạn luật định.

3.2.2.4. Đổi mới phương thức đào tạo, bồi dưỡng và không ngừng nâng cao năng lực, trình độ đội ngũ cán bộ làm công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra

Thứ nhất, đổi mới phương pháp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, Kiểm sát viên:

- Phương pháp đào tạo, bồi dưỡng phải xuất phát từ đối tượng đào tạo, bồi dưỡng. Đối tượng đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm sát là cán bộ, Kiểm sát viên đã có trình độ Cử nhân luật và đã thông qua công tác thực tiễn nên chương trình đào tạo, bồi dưỡng tập trung hướng tới các kỹ năng nghề nghiệp; cập nhật kiến thức mới về pháp luật về chính trị, kinh tế - xã hội.

- Phương pháp đào tạo, bồi dưỡng thông qua việc thuyết giảng, báo cáo thực tế, báo cáo chuyên đề để cập nhật kiến thức mới; tăng cường tổ chức thảo luận, thực hành diễn án tình huống về các vấn đề liên quan đến thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra nhằm chia sẻ kinh nghiệm giải quyết án...

Thứ hai, quan tâm xây dựng, phát triển đội ngũ chuyên gia trong các lĩnh vực tội phạm cụ thể; nghiên cứu giao nhiệm vụ thực hành quyền công tố cho từng cán bộ, Kiểm sát viên với những thế mạnh nhất định, đồng thời ban hành chế độ đãi ngộ đặc thù đối với các nhóm tội đặc biệt.

Thứ ba, tăng cường công tác tập huấn chuyên sâu về công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra theo hướng tổng kết thực tiễn, kinh nghiệm trong quá trình thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra; giải quyết những khó khăn, vướng mắc, bất cập từ thực tiễn; đồng thời phổ biến, nhân rộng kinh nghiệm trong toàn ngành. Theo đó, các đơn vị thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra trực thuộc VKSNDTC cần quan tâm đẩy mạnh hơn nữa việc nghiên cứu, tổng hợp những biện pháp giải quyết khó khăn, vướng mắc để kịp thời chỉ đạo cho các Viện kiểm sát địa

phương; xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn kinh nghiệm về kỹ năng và phương pháp thực hành quyền công tố đối với mỗi loại án; nâng cao kiến thức chuyên ngành khác liên quan đến việc thực hành quyền công tố, nhất là những tri thức về điều tra tội phạm, tội phạm học; in sách bồi dưỡng nghiệp vụ về công tác thực hành quyền công tố và tiến hành tập huấn trong toàn ngành đối với khâu công tác này.

Thứ tư, tăng cường công tác đào tạo tại chỗ, tự đào tạo cho đội ngũ cán bộ, Kiểm sát viên trực tiếp làm công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra tại các Viện kiểm sát địa phương, đơn vị, giảng viên là các đồng chí lãnh đạo Viện, những Kiểm sát viên giỏi, có trình độ, có kinh nghiệm thực tiễn với phương châm “học tập, tiếp cận từ thực tiễn” qua những vụ án cụ thể, xây dựng quy trình, các hoạt động cụ thể khi tiến hành thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra, qua đó giúp nâng cao kỹ năng nghiệp vụ, khả năng tư duy, khả năng tổng hợp cho đội ngũ cán bộ, Kiểm sát viên trong ngành, đơn vị mình.

Thứ năm, mỗi Kiểm sát viên phải tự mình thường xuyên học tập, cập nhật kiến thức, tích lũy kinh nghiệm, trau dồi các kiến thức pháp lý và các tri thức khoa học khác cần thiết cho công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra, nhất là các tội phạm công nghệ cao, các tội phạm mới trong lĩnh vực kinh tế, môi trường, chứng khoán, tin học; thường xuyên học hỏi Kiểm sát viên có kinh nghiệm của thế hệ đi trước để tiếp cận, phát huy là giải pháp quan trọng, cần thiết và khả thi nhất.

3.2.2.5. Đảm bảo các điều kiện về vật chất cho công tác thực hành quyền công tố

Trong những năm qua, thực hiện Nghị quyết 08-NQ/TW, Nghị quyết 49-TQ/TW của Bộ chính trị, các cơ quan tiến hành tố tụng đã được đầu tư nhiều về cơ sở vật chất, điều kiện làm việc nhưng những đầu tư đó chủ yếu chú trọng đến công tác xây dựng cơ bản mà chưa chú ý đến việc cung cấp các trang thiết bị làm việc cho những người tiến hành tố tụng. Do đó, để đảm bảo chất lượng, nâng cao hiệu quả công tác thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra chúng ta cần tiếp tục trang bị các tài liệu, sách báo pháp luật cho Viện kiểm sát và Cơ quan điều tra, cơ quan được giao tiến hành một số hoạt động điều tra các cấp; cung cấp các thiết bị vi tính để các cơ quan tư pháp thực hiện tốt chức năng của mình. Ngoài ra, để đảm bảo thực hiện lộ trình thi hành quy định của BLTTHS năm 2015 về việc ghi âm, ghi hình khi hỏi cung

bị can trong một số trường hợp luật định và khi có yêu cầu (khoản 6 Điều 183 BLTTHS năm 2015). Chúng tôi kiến nghị Quốc hội, Chính phủ xem xét cấp kinh phí cho Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát để các cơ quan này có kinh phí trang bị các thiết bị ghi âm, ghi hình phục vụ cho việc thực hiện nhiệm vụ luật định. Đảm bảo lộ trình đến năm 2019, tất cả các nhà tạm giữ, trại tạm giam đều được trang bị các thiết bị để ghi âm, ghi hình khi hỏi cung bị can và đảm bảo các trang thiết bị này để Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát thực hiện theo yêu cầu của bị can khi hỏi cung ngoài cơ sở giam giữ hoặc trụ sở Cơ quan điều tra[36].

Mặt khác, để cán bộ, Kiểm sát viên có thể tiếp cận được các tài liệu pháp lý cần thiết cho hoạt động thực tiễn của mình, đề nghị lãnh đạo VKSNDTC giao cho Vụ pháp chế và quản lý khoa học chủ trì phối hợp với Tạp chí kiểm sát và các đơn vị khác trực thuộc VKSNDTC tập hợp hóa các văn bản pháp luật liên quan đến công tác thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra để ban hành ấn phẩm cung cấp cho các Viện kiểm sát địa phương hoặc tạo cơ sở dữ liệu điện tử trên website của Ngành để cán bộ, Kiểm sát viên có điều kiện nghiên cứu, vận dụng đồng thời cập nhật tốt những văn bản mới được ban hành, những văn bản đã hết hiệu lực áp dụng nhằm bảo đảm thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình.

Kết luận Chương 3

Xuất phát từ cơ sở lý luận và thực tiễn đặt ra trong công tác thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự các tội xâm phạm sở hữu, chúng tôi nhận thấy những yêu cầu, đòi hỏi đặt ra đối với việc đổi mới, hoàn thiện quy định của pháp luật trong giai đoạn điều tra giúp cho Viện kiểm sát thực hiện tốt chức năng công tố trong giai đoạn tố tụng này. Đó có thể là các yêu cầu chung đặt ra đối với việc đổi mới, hoàn thiện các thủ tục tố tụng nhằm đáp ứng yêu cầu thực hành quyền công tố đúng trong giai đoạn điều tra, hay những yêu cầu cụ thể trong từng hoạt động tố tụng như yêu cầu về đổi mới thủ tục khởi tố vụ án, khởi tố bị; yêu cầu về đổi mới thủ tục điều tra vụ án hình sự...

Trên cơ sở những yêu cầu đặt ra trong việc đổi mới thủ tục tố tụng trong giai đoạn điều tra, đổi mới các hoạt động tố tụng liên quan đến thực hiện chức năng công tố của

ngành kiểm sát nhân dân, chúng tôi đưa ra hệ thống các giải pháp bao gồm các giải pháp pháp lý và các giải pháp khác. Hiện nay, BLTTHS năm 2015 đã được thông qua, BLTTHS này về cơ bản đã giải quyết những vướng mắc, bất cập trong thực tiễn thi hành BLTTHS năm 2003. Và cũng vì mới được ban hành nên chưa có hệ thống văn bản hướng dẫn thi hành luật trong khi các văn bản hướng dẫn BLTTHS năm 2003 tỏ ra lạc hậu, thiếu sự đồng bộ, phù hợp. Do đó, trong đề tài này, ở khía cạnh giải pháp pháp luật chúng tôi đặt ra giải pháp đầu tiên để đảm bảo cho quá trình áp dụng pháp luật trong việc thực hiện chức năng công tố là cần ban hành hệ thống văn bản hướng dẫn thi hành luật.

Ngoài ra, với nhận thức để đảm bảo chất lượng công tác thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra, thiết nghĩ cần áp dụng một cách đồng bộ các giải pháp khác bên cạnh giải pháp pháp luật để bảo đảm khắc phục toàn diện, đầy đủ những hạn chế, thiếu sót liên quan đến công này. Tuy nhiên, trong phạm vi của đề tài Luận văn thạc sỹ, chúng tôi chỉ tập trung vào một số giải pháp cơ bản như nâng cao, thay đổi nhận thức trách nhiệm của cán bộ, kiểm sát, thay đổi phương thức chỉ đạo điều hành, phương thức đào tạo, tổ chức cán bộ đối với cán bộ, Kiểm sát viên làm công tác thực hành quyền công tố, cải thiện điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho công tác này.

KẾT LUẬN

Thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án các tội xâm phạm sở hữu từ thực tiễn tỉnh Bình Định là một đề tài khó và phức tạp. Với khả năng hạn chế và trong phạm vi nghiên cứu của một Luận văn thạc sỹ, chúng tôi đã đạt được một số kết quả nghiên cứu nhất định. Kết quả đó thể hiện ở một số điểm như sau:

- Thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm sở hữu là việc Viện kiểm sát sử dụng tổng hợp các quyền năng pháp lý thuộc nội dung quyền công tố trong giai đoạn điều tra đối với nhóm tội xâm phạm sở hữu để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội; quá trình thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra được thực hiện từ khi khởi tố vụ án đến khi quá trình điều tra kết thúc. Để làm được điều này Viện kiểm sát với chức năng thực hành quyền công tố có trách nhiệm đảm bảo thu thập các tài liệu, chứng cứ để xác định tội phạm và người phạm tội, đồng thời đảm bảo mọi biện pháp ngăn chặn được áp dụng đối với người bị nghi là thực hiện hành vi phạm tội phải đảm bảo cần thiết, phù hợp và đúng quy định pháp luật; hạn chế oan sai, bỏ lọt tội phạm. Thực hành quyền công tố là chức năng của Viện kiểm sát trong TTHS. Viện kiểm sát là chủ thể duy nhất được Nhà nước giao thực hiện đầy đủ nội dung quyền công tố theo quy định pháp luật.

- Theo quy định BLTTHS năm 2003, khi thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự, Viện kiểm sát có quyền khởi tố vụ án, khởi tố bị can; yêu cầu cơ quan điều tra khởi tố hoặc thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can; quyền đề ra yêu cầu điều tra và trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra; quyền phê chuẩn hoặc không phê chuẩn việc áp dụng một số biện pháp ngăn chặn ảnh hưởng đến các quyền cơ bản của con người; quyền áp dụng thay đổi hoặc hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn; quyền hủy bỏ các quyết định của Cơ quan điều tra theo luật định và quyền yêu cầu truy nã bị can; quyền quyết định việc tiếp tục hay chấm dứt quá trình tố tụng đối với vụ án. BLTTHS năm 2003 về cơ bản đã đảm bảo những quyền năng tố tụng của Viện kiểm sát trong giai đoạn điều tra; tuy vậy thực tiễn thi hành bộ luật này cho thấy còn những bất cập, vướng mắc trong quá trình điều tra cũng như thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra làm cho kết quả của những công tác này chưa đáp ứng như kỳ

vọng. Cũng vì lẽ đó, BLTTHS năm 2015 ra đời với những sửa đổi, bổ sung nhằm khắc phục những khó khăn, bất cập đã tồn tại liên quan đến trình tự, thủ tục thực hành quyền công tố luật định, đồng thời Bộ luật cũng có những điều chỉnh liên quan đến việc xác định các hoạt động thuộc chức năng công tố, ví dụ như BLTTHS năm 2015 quy định quyền yêu cầu thay đổi Điều tra viên thuộc chức năng kiểm sát điều tra chứ không phải chức năng công tố trong giai đoạn điều tra, ngoài ra BLTTHS năm 2015 còn bổ sung một số quyền năng thuộc nội dung công tố trong giai đoạn điều tra cho Viện kiểm sát như: Quyền trực tiếp giải quyết nguồn tin về tội phạm; quyền quyết định việc khám xét, thu giữ, tạm giữ đồ vật, thư tín, bưu kiện, bưu phẩm..; áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt; áp dụng thủ tục rút gọn, thủ tục bắt buộc chữa bệnh.

- Thực tiễn công tác thực hành quyền công tố của VKSND hai cấp tỉnh Bình Định trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm sở hữu đã đạt được một số kết quả đáng khích lệ, đó là kết quả của sự nỗ lực phấn đấu của toàn ngành KSND trong những năm qua. Tuy vậy, bên cạnh những kết quả đạt được trong công tác thực hành quyền công tố đối với nhóm tội xâm phạm sở hữu nói riêng và đối với vụ án hình sự nói chung còn bộc lộ những sai sót, những vụ án oan, sai đáng tiếc vẫn còn xảy ra, vị trí vai trò của Ngành kiểm sát chưa được thể hiện, làm giảm sút niềm tin của nhân dân vào Đảng, Nhà nước. Những hạn chế thiếu sót đó xuất phát từ những nguyên nhân lẫn khách quan và chủ quan trong quá trình áp dụng pháp luật. Đó có thể là nguyên nhân phát sinh từ những vướng mắc, bất cập từ khía cạnh pháp luật, đó cũng có thể là do năng lực, trình độ của đội ngũ cán bộ làm công tác thực hành quyền công tố...Do đó, để giúp Viện kiểm sát thể hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của mình, đảm bảo hạn chế đến mức thấp nhất những sai sót dẫn đến oan, sai, bỏ lọt tội phạm chúng ta cần nghiên cứu đưa vào áp dụng một cách đồng bộ những giải pháp nhằm triệt tiêu những nguyên nhân làm phát sinh những hạn chế trong công tác thực hành quyền công tố nêu trên như: Hoàn thiện quy định pháp luật, triển khai thi hành và hướng dẫn áp dụng các đạo luật mới được Quốc hội thông qua, nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ, Kiểm sát viên và tạo những điều kiện thuận lợi nhất để ngành KSND thực hiện tốt chức năng được giao.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ chính trị (2000), *Chỉ thị số 53-CT/TW ngày 21 tháng 3 năm 2000 về một số công việc cấp bách của Cơ quan tư pháp cần thực hiện*.
2. Bộ chính trị (2002), *Nghị quyết số 08 - NQ/TW ngày 02 tháng 01 năm 2002 về nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới*.
3. Bộ chính trị (2005), *Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 02 tháng 6 năm 2005 về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*.
4. Bộ công an - Bộ quốc phòng - Bộ tài chính - Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn - Viện KSND Tối cao (2013), *Thông tư liên tịch số 06/2013/TLTT-BCA-BQP-BTC-BNN&PTNT-VKSNDTC ngày 02 tháng 8 năm 2013 hướng dẫn thi hành một số quy định của BLTTHS về tiếp nhận giải quyết tin báo, tố giác về tội phạm và kiến nghị khởi tố*.
5. Bộ công an (2003), *Quyết định 1062/QĐ-BCA (A11) ngày 28 tháng 12 năm 2003*.
6. Bộ công an (2005), *Từ điển Bách khoa Công an nhân dân Việt Nam*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.
7. Bộ công an (2006), *Thông tư số 01/2006/TT-BCA ngày 12 tháng 01 năm 2006 hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Điều 35 BLTTHS năm 2003*.
8. Nguyễn Hòa Bình (2015), *Những nội dung mới trong Bộ luật TTHS năm 2015*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
9. Lê Cẩm, Nguyễn Ngọc Chí (2004), *Cải cách tư pháp ở Việt Nam trong giai đoạn xây dựng nhà nước pháp quyền*, Nxb. Đại học quốc gia, Hà Nội.
10. Lý Văn Chính (2005), *Thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra*, Tạp chí nghiên cứu lập pháp (số 6), tr 7- 18.
11. Nguyễn Văn Cừ, Nguyễn Không Hà, Trần Minh Hường (2000), *Tìm hiểu luật TTHS*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
12. Lê Duẩn tuyển tập (2007), *Phát huy quyền làm chủ tập thể, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
13. Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc (1948), *Tuyên ngôn nhân quyền quốc tế năm 1948*.

14. Trần Văn Độ (1999), *Một số vấn đề về quyền công tố: Những vấn đề lý luận về quyền công tố và thực tiễn hoạt động công tố ở Việt Nam từ năm 1945 đến nay*, Kỷ yếu đề tài cấp Bộ, tr. 48.
15. Đỗ Văn Dương (2006), *Cơ quan thực hành quyền công tố trong cải cách tư pháp ở nước ta hiện nay*, Tạp chí nghiên cứu lập pháp (số 7), tr.6-13.
16. Nguyễn Ngọc Điệp (2001), *Những điều cần thiết về thủ tục khởi kiện, điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình*, Nxb. Công an nhân dân, Tp. Hồ Chí Minh.
17. Phạm Hồng Hải (1999), Bàn về quyền công tố, Kỷ yếu đề tài cấp bộ “*Những vấn đề lý luận về quyền công tố và thực tiễn hoạt động công tố ở Việt Nam từ năm 1945 đến nay*”.
18. Lê Thị Tuyết Hoa (2006), *Thực hành quyền công tố*, Luận án tiến sĩ luật học.
19. Nguyễn Đình Đăng Lục (2003), *Cải cách tư pháp: Những vấn đề đặt ra*, Tạp chí lập pháp (số 4).
20. Nguyễn Hải Phong (2014), *Một số vấn đề về tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra*, Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
21. Nguyễn Thái Phúc (1999), *Những vấn đề lý luận về quyền công tố và thực tiễn hoạt động công tố ở Việt Nam từ năm 1945 đến nay*, Kỷ yếu đề tài cấp bộ.
22. Nguyễn Thái Phúc (2003), *Vai trò, trách nhiệm của kiểm sát viên và thủ tục tranh luận tại phiên tòa sơ thẩm*, Tạp chí kiểm sát, (số 9), tr 3 -9.
23. Quốc hội khóa 6 (1980), Hiến pháp năm 1980.
24. Quốc hội khóa 9 (1992), Hiến pháp năm 1992.
25. Quốc hội khóa 13 (2013), Hiến pháp năm 2013.
26. Quốc hội khóa 12 (2009), Bộ luật TTHS năm 2003 sửa đổi, bổ sung năm 2009.
27. Quốc hội khóa 13 (2015), Bộ luật TTHS năm 2015.
28. Quốc hội khóa 11 (2003), Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2003.
29. Quốc hội khóa 13 (2015), Bộ luật hình sự năm 2015.
30. Quốc hội khóa 7 (1981), Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 1981.
31. Quốc hội khóa 10 (2002), Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2002.
32. Quốc hội khóa 13 (2014), Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014.

33. Quốc hội khóa 13 (2012), Nghị quyết số 37/2012/QH13 ngày 23/11/2012 của về công tác phòng, chống vi phạm pháp luật và tội phạm, công tác của VKSND, của TAND và công tác thi hành án năm 2013.
34. Quốc hội khóa 13 (2013), Nghị quyết số 63/2013/QH13 ngày 27/11/2013 về tăng cường các biện pháp đấu tranh phòng, chống tội phạm.
35. Quốc hội khóa 13 (2013), Nghị quyết số 67/2013/QH13 ngày 29/11/2013 về việc tăng cường công tác triển khai thi hành luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và ban hành văn bản quy phạm quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành.
36. Quốc hội khóa 13 (2015), Nghị quyết số 110/2015/QH13 ngày 27/11/2015 về việc thi hành Bộ luật TTHS.
37. Nguyễn Thu Quỳnh (2008), *Vấn đề tiếp nhận và xử lý tin báo, tố giác tội phạm trong Bộ luật TTHS một số nước điển hình*, Tạp chí kiểm sát, (số 10), tr 4-8.
38. Trần Văn Quý, *Những yếu tố ảnh hưởng đến thực hành quyền công tố của Kiểm sát viên*, <http://tinhuybacgiang.org.vn/node/99>, ngày 07/6/2016.
39. Lê Hữu Thể (2005), *Quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội.
40. Lê Hữu Thể - Đỗ Văn Dương - Nguyễn Thị Thủy (2013), *Những vấn đề lý luận và thực tiễn cấp bách của việc đổi mới thủ tục TTHS đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
41. Lê Thị Huyền Trang (2009), *Áp dụng BLTTHS năm 2003: Một số vướng mắc trong khởi tố vụ án, khởi tố bị can*, Tạp chí Khoa học pháp lý, số 2, Tp. Hồ Chí Minh.
42. Trung tâm từ điển học (2000), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng, Đà Nẵng.
43. Trường Cao đẳng kiểm sát Hà Nội (1996), *Giáo trình công tác kiểm sát*, Nxb. Công an nhân dân, tập 1.
44. Trường Đại học Luật Hà nội (2011), *Giáo trình Đại học luật Hà Nội*, Hà nội.
45. Đào Trí Úc (1994), *Tội phạm học, Luật hình sự và TTHS Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

46. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2006), *Sổ tay Kiểm sát viên hình sự*, Tập I, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
47. Viện KSND Tối cao - Bộ công an - Bộ quốc phòng (2005), *Thông tư liên tịch số 05/2005/ VKSTC-BCA-BQP ngày 07 tháng 9 năm 2005 của về mối quan hệ phối hợp của Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát trong việc thực hiện một số quy định của Luật TTHS năm 2003*.
48. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2015), *Chỉ thị số 04/VKSTC- CT ngày 15 tháng 7 năm 2015*.
49. Võ Khánh Vinh (2003), *Về quyền tư pháp trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân ở nước ta*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật (số 8), tr.4-5.
50. Võ Khánh Vinh (2004), *Bình luận khoa học Bộ luật TTHS*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.
51. Võ Khánh Vinh (2011), *Bình luận khoa học Bộ luật TTHS*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội.

PHỤ LỤC

Biểu 1

SỐ VỤ/ BỊ CAN CƠ QUAN ĐIỀU TRA THỤ LÝ GIẢI QUYẾT

Tội \ Năm	2011	2012	2013	2014	2015
Tội cướp tài sản (Điều 133)	20/ 65	13/31	26/84	24/56	17/78
Tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản (Điều 134)	0	0	0	0	0
Tội cưỡng đoạt tài sản (Điều 135)	4/10	5/20	5/10	7/18	3/7
Tội cướp giết tài sản (Điều 136)	18/44	34/76	25/43	26/56	22/51
Tội công nhiên chiếm đoạt tài sản (Điều 137)	0	0	1/1	0	1/1
Tội trộm cắp tài sản (Điều 138)	191/326	202/350	216/385	206/375	249/421
Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản (Điều 139)	20/26	17/45	20/26	20/25	24/30
Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản (Điều 140)	11/12	8/9	6/6	18/20	7/8
Tội chiếm giữ tài sản trái phép (Điều 141)	0	0	0	0	0
Tội sử dụng tài sản trái phép (Điều 142)	0	0	0	0	0
Tội hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản (Điều 143)	24/46	19/52	27/41	29/54	21/26
Tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước (Điều 144)	0	0	0	0	0

Tội \ Năm	2011	2012	2013	2014	2015
Tội Vô ý gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản (Điều 145)	1/1	1/1	0	1/1	0
Tổng	289/530	300/584	391/590	331/605	343/ 622
Đề nghị truy tố	284/522	297/574	385/581	327/598	338/614
Đình chỉ	5/8	3/7	6/9	4/7	5/8

Biểu 2

THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ ĐỐI VỚI VIỆC KHỞI TỐ VỤ ÁN

Nội dung THQCT \ Năm	2011	2012	2013	2014	2015
Yêu cầu khởi tố, bổ sung, thay đổi QĐ khởi tố	7	6	5	8	6
Hủy bỏ QĐ khởi tố vụ án	4	2	1	3	2
QĐ thay đổi QĐ khởi tố vụ án	2	1	2	3	1
QĐ khởi tố vụ án		1		1	

Biểu 3**QUYẾT ĐỊNH HỦY BỎ CÁC BIỆN PHÁP NGĂN CHẶN**

Năm Biện pháp ngăn chặn	2011	2012	2013	2014	2015
Bắt người trong trường hợp khẩn cấp	7	6	5	8	6
Bắt người để tạm giam	4	2	1	3	2
Gia hạn tạm giữ	2	1	2	3	1
Tạm giam		1		1	

Biểu 4**PHÊ CHUẨN CÁC BIỆN PHÁP NGĂN CHẶN**

Năm Biện pháp ngăn chặn	2011	2012	2013	2014	2015
Bắt người trong trường hợp khẩn cấp	81/85	71/74	65/69	48/51	54/57
Gia hạn tạm giữ	72/78	69/73	62/64	43/46	49/51
Tạm giam	23/24	42/43	38/38	36/38	37/39
Gia hạn tạm giam	6/8	9/13	13/14	16/17	21/23

Số liệu thống kê từ Phòng thống kê tội phạm VKSND tỉnh Bình Định